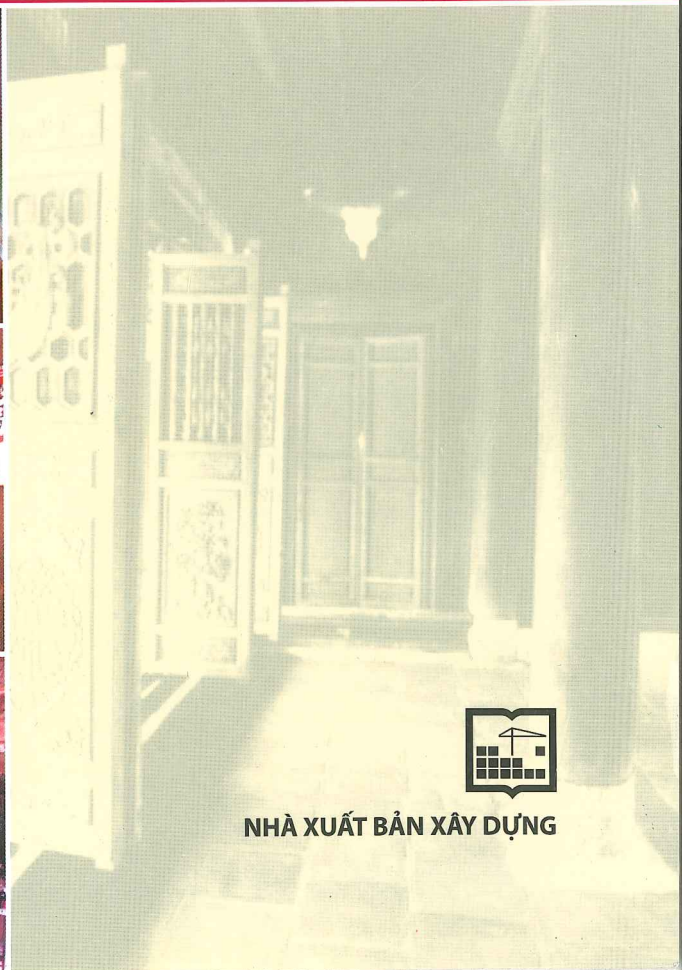
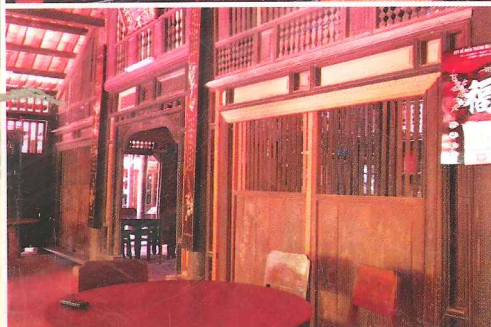


KTr2.110

VÕ THỊ THU THỦY

SỔ TAY THAM KHẢO
PHONG CÁCH VIỆT
TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

VÕ THỊ THU THỦY

SỔ TAY THAM KHẢO PHONG CÁCH VIỆT TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
10/10/2019
THƯ VIỆN

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2015



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LỜI NÓI ĐẦU

Trong lịch sử, kiến trúc truyền thống Việt Nam đã đáp ứng được những yêu cầu tiện dụng, tinh thẩm mỹ và phù hợp với điều kiện sống. Ngày nay, một số giá trị ấy có thể phần nào không còn phù hợp, đáp ứng được với điều kiện tự nhiên và cuộc sống hiện đại có nhiều biến đổi. Tuy vậy, không vì thế mà chúng làm giảm đi các giá trị về di sản văn hóa, vấn đề là chúng ta biết kế thừa và khai thác như thế nào để giữ gìn và phát huy cũng như tạo nên những giá trị mới từ truyền thống, đó là cơ sở để tác giả biên soạn cuốn **“Sổ tay tham khảo phong cách Việt trong thiết kế nội thất”**. Cuốn sách bao gồm các nội dung chính sau:

- Sổ tay bước đầu tập hợp, hệ thống hóa một số cơ sở lý luận, và thực tiễn về các giá trị kiến trúc truyền thống, có thể dùng tham khảo cho đối tượng sinh viên, học sinh bước đầu tìm hiểu về nội thất, kiến trúc truyền thống Việt Nam.

- Sổ tay giới thiệu một số hình thức, giải pháp ứng xử với môi trường thiên nhiên trong quá trình tạo lập và tổ chức không gian ở truyền thống của người Việt. Những đề xuất chỉ mang tính gợi mở, giải pháp cụ thể còn được tiếp tục nghiên cứu, hướng đến xây dựng phong cách Việt trong thiết kế trang trí nội thất kiến trúc Việt Nam.

- Nội dung sổ tay còn trình bày một số cách thức người Việt tổ chức không gian cư trú, để người đọc phần nào hiểu được quá trình hình thành phát triển cũng như di sản quý báu của cha ông về kiến trúc truyền thống, từ đó vận dụng, khai thác hiệu quả những giá trị này trong quá trình học tập, nghiên cứu và sáng tạo, từng bước xây dựng giá trị truyền thống mới, góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc.

Đề tài thật sự rộng lớn do vậy số tay chỉ mới đề cập phần nào, cần có sự chung tay góp sức của nhiều người có nhiệt tâm tiếp nối những vấn đề, góp phần tôn vinh những giá trị truyền thống.

Lần đầu tiên ra mắt độc giả, chắc chắn sẽ không tránh khỏi nhiều thiếu sót, rất mong nhận được các ý kiến của các đồng nghiệp và quý độc giả để giáo trình ngày càng được hoàn thiện hơn.

TÁC GIẢ



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

[TTNT]:	Trang trí nội thất
[TKTTNT]:	Thiết kế trang trí nội thất
[TKNT]:	Thiết kế nội thất
[KGKTCT]:	Không gian kiến trúc công trình
[VHTT]:	Văn hóa thông tin
[NCKH]:	Nghiên cứu khoa học
[VH]:	Văn hóa
[T/c]:	Tạp chí
[NXB]:	Nhà xuất bản
[ĐH]:	Đại học





**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Chương 1

GIỚI THIỆU SỔ TAY

1.1. Mục đích

- Khái quát và hệ thống các hình thức, yếu tố đặc trưng của người Việt trong quá trình xây dựng kiến trúc và nội thất không gian cư trú truyền thống.

- Định hình những khái niệm, yếu tố ảnh hưởng và hình thành phong cách Việt trong kiến trúc, thiết kế trang trí nội thất, trên cơ sở đó đề xuất một số tiêu chí, giải pháp, hướng đến việc hình thành phong cách Việt trong thiết kế trang trí nội thất.

1.2. Đối tượng tra cứu

- Đối tượng tham khảo sổ tay hướng đến là sinh viên, học sinh đang học tập, nghiên cứu trong ngành văn hóa, kiến trúc và thiết kế trang trí nội thất của các trường đại học, cao đẳng.

- Các đối tượng có nhu cầu tham khảo về kiến trúc truyền thống và trang trí nội thất nhà ở.

- Sổ tay có phần giới thiệu một số tài liệu tham khảo sau mỗi đề mục nhằm tạo thêm nguồn tra cứu mở rộng.

1.3. Khái niệm, định nghĩa và thuật ngữ

* Trang trí nội thất (Interior decoration): Toàn bộ những yếu tố tham gia vào việc sắp xếp và trang hoàng bên trong của một ngôi nhà. TTNT chú trọng các yếu tố về ánh sáng, màu sắc, âm thanh, thông gió, vật phẩm trang trí... phù hợp với việc sử dụng là nhà ở, tư gia, công sở hay cửa hàng buôn bán, xưởng sản xuất; phù hợp với chức năng cụ thể như phòng khách, phòng ngủ hay phòng ăn... Như vậy, TTNT kết hợp chặt chẽ khoa học với nghệ thuật để tạo tiện nghi cho người sử dụng cả về mặt vật chất và mặt thẩm mỹ.

Trang trí nội thất làm tăng tính tiện dụng và tính thẩm mỹ trên bề mặt các thành tố kiến trúc, đồ đạc cũng như các thành phần khác trong không gian nội thất kiến trúc.

* **Thiết kế nội thất (Interior design):** Là tổ chức không gian và trang trí nội thất các không gian ấy, xây dựng ý tưởng cho một không gian cụ thể (với mục đích yêu cầu và công năng cho đối tượng sử dụng) một cách hoàn chỉnh trên cơ sở nắm vững và khai thác mối liên hệ giữa các thành phần kiến trúc trên với đồ đạc, tương ứng với kích thước của không gian, thể hiện qua bản vẽ thiết kế trước khi tiến hành thi công¹.

Thiết kế nội thất, có nhiệm vụ cơ bản là tổ chức hợp lý không gian bên trong, được xác định bởi công năng của ngôi nhà hoặc các phòng, các giải pháp bố cục không gian, xử lý thẩm mỹ các bề mặt, kết cấu ngăn che, bố trí đồ đạc, trang bị tiện nghi và các hình thức trang trí khác. Thiết kế nội thất dựa vào yêu cầu sử dụng, từ đó có kết cấu kiến trúc, các bề mặt công trình, trang trí các thành phần của kiến trúc như các diện sàn, tường, trần nhà và đồ đạc, vật dụng trang trí... phù hợp, đảm bảo những điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động sinh hoạt, lao động, nghỉ ngơi cũng yếu tố tinh thần của con người.

* **Trang thiết bị đồ đạc:** thiết kế trang trí các đồ đạc, vật dụng trong nội ngoại thất đáp ứng công năng sử dụng và yếu tố thẩm mỹ.

* **Trang trí mỹ thuật:** sử dụng các hình tượng nghệ thuật, tranh, tượng, cây cảnh, hình ảnh, hiện vật lưu niệm... trong nội thất để làm phong phú, tạo sự cảm nhận về thẩm mỹ, chất cảm cho không gian và người sử dụng.

1.4. Đối tượng của thiết kế trang trí nội thất gồm

* **Đối tượng trực tiếp:** Không gian kiến trúc bên trong, bên ngoài cũng như môi trường xung quanh công trình.

* **Đối tượng gián tiếp:** Người trực tiếp thụ hưởng (đối tượng sử dụng công trình) có những yêu cầu cụ thể về công năng thẩm mỹ và công năng tinh thần trong không gian nội thất của mình. Cảm thụ của những người sống trong không gian nội thất chính là tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và giá trị của thiết kế trang trí nội thất.

¹ Từ điển bách khoa của nhóm GS.TS. Hà Học Trạc

Thiết kế trang trí nội thất thuộc loại hình thiết kế nghệ thuật tổng hợp bởi nhiều thành tố khác nhau như bố cục hình khối, mảng, đường nét, màu sắc, chất liệu, ánh sáng, âm thanh, màu sắc, trang trí, điêu khắc Mỹ thuật... Hình thức thể hiện được xem là nghệ thuật bốn chiều, dung hòa hình thức biểu hiện giữa nghệ thuật thời gian và nghệ thuật không gian.

Nội dung và khái niệm thiết kế nội ngoại thất còn bao hàm sự sáng tạo ra các không gian nội, ngoại thất trong công trình kiến trúc từ khi thiết kế cho đến khi hoàn thiện công trình. Thiết kế trang trí nội thất phải bảo đảm các yếu tố kỹ thuật, nghệ thuật và hợp lý về công năng (phù hợp với tâm vóc, thể lực, tâm sinh lý), cũng như thẩm mỹ. Cái đẹp luôn gắn kết và chịu sự chi phối của công năng sử dụng trong không gian nội thất.

Như vậy, có thể nói vai trò của thiết kế trang trí nội thất là đáp ứng những yêu cầu về vật chất, thẩm mỹ, tạo ra các giá trị sử dụng mới cho xã hội, thỏa mãn những nhu cầu cuộc sống của con người, góp phần tạo nên giá trị văn hóa, từng bước hình thành và nâng cao trình độ thẩm mỹ cũng như góp phần nâng cao chất lượng sống của con người ở mọi thời đại.

1.5. Khái niệm phong cách Việt

Chúng tôi tạm đề xuất khái niệm để làm việc như sau: Phong cách Việt là kiến tạo những không gian nội - ngoại thất của công trình trên cơ sở khai thác các hình thức, giá trị từ tinh hoa của nền văn hóa, kiến trúc truyền thống, đáp ứng tốt công năng sử dụng, phù hợp với thẩm mỹ, tâm lý thói quen, đặc trưng địa lý khí hậu, văn hóa, xã hội... từng vùng miền của người Việt Nam.

Xác lập và gọi tên thành một phong cách thật không đơn giản, nhưng cũng cần gợi mở một khái niệm ban đầu về phong cách Việt trong khi chờ đợi những khái niệm cụ thể, chính xác hơn. Để thiết kế, kiến tạo những không gian nội ngoại thất đáp ứng yêu cầu của cuộc sống hiện đại mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc, bước đầu có thể tham khảo những tiêu chí sau:²

- Phù hợp với điều kiện thiên nhiên khí hậu Việt Nam nhiệt đới nóng ẩm, có gió mùa, mưa nhiều, bão lớn, nhiều ánh nắng...

² Theo nhận định của Hội thảo “*Vấn đề bản sắc dân tộc trong quy hoạch và kiến trúc công trình*” tại Hà Nội ngày 11/ 07/ 2000.

- Phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và trình độ khoa học, kỹ thuật thi công xây dựng và kiến trúc của Việt Nam.

- Phù hợp với con người Việt Nam: Kích thước, tâm sinh lý, tình cảm, đạo lý, truyền thống văn hóa, trình độ hiểu biết, lao động, phong tục tập quán sinh hoạt, thói quen sử dụng...

- Hình thức biểu hiện phù hợp với các quy luật và nguyên tắc thẩm mỹ nói chung cũng như các quan điểm, tâm lý, thẩm mỹ dân tộc và truyền thống của người Việt Nam. Biểu hiện ở hình dáng, kích thước, không gian, bố cục, tỷ lệ, hình thức, trang trí (bao gồm màu sắc, nghệ thuật tạo hình) là sự giản dị, xinh xắn, hòa quyện của công trình với thiên nhiên.

Thông qua đề tài nghiên cứu khoa học “Nghiên cứu phong cách Việt Nam trong thiết kế trang trí nội thất”, chúng tôi cũng đề xuất một số cơ sở lý luận hình thành phong cách Việt Nam như sau: [24, tr. 44-82]

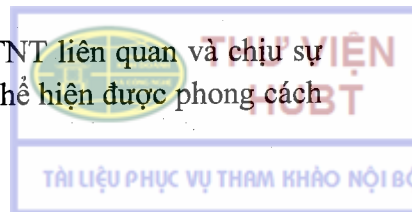
- Cơ sở về khí hậu và môi trường;
- Cơ sở về văn hóa, thẩm mỹ;
- Cơ sở đặc trưng kiến trúc truyền thống;
- Cơ sở về không gian kiến trúc;
- Cơ sở về nhu cầu sử dụng;
- Cơ sở về kích thước, nhân trắc;
- Cơ sở về vật liệu và công nghệ;
- Cơ sở nguồn lực đối với TKTTNT.

Dựa vào cơ sở nêu trên cho thấy vấn đề TKTTNT liên quan và chịu sự chi phối của nhiều yếu tố để hình thành cũng như thể hiện được phong cách phù hợp với con người và dân tộc Việt Nam.

1.6. Giới hạn

Không gian kiến trúc truyền thống có khái niệm rất rộng, bao gồm các công trình cộng đồng, công trình nhà ở hay nói cách khác là các đơn vị làng xã, nhà ở. Ngoài việc tập hợp, hệ thống hóa một số cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn từ các giá trị kiến trúc truyền thống, thì những nội dung, minh họa của sổ tay tham khảo chủ yếu về loại hình nhà ở truyền thống.

Các công trình đình, chùa, cung đình... được sử dụng, tham khảo chỉ để làm rõ thêm vấn đề bởi lẽ các di tích về nhà ở truyền thống do điều kiện khí



hậu và đặc điểm lịch sử Việt Nam đến nay không còn nhiều mặt khác qua một số nghiên cứu trước đây cho thấy các công trình nêu trên về cơ bản từ kiến trúc nhà ở chỉ khác ở quy mô, vật liệu...

Di sản kiến trúc truyền thống với những nét đặc sắc, có nhiều thành tựu, nổi trội như một nền kiến trúc truyền thống ở vùng Bắc Bộ. Do vậy sở tay chọn đề cập chủ yếu về nhà ở truyền thống của người Việt vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Bắc Bộ.

Khoảng thời gian từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX được xem là phạm vi đề cập đến tính truyền thống trong kiến trúc nhà ở của người Việt của sở tay tham khảo.



Chương 2

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THIẾT KẾ NỘI THẤT

2.1. Điều kiện tự nhiên, khí hậu

Nằm trong khu vực Đông - Nam Á, Việt Nam nằm trọn trong vành đai nhiệt đới Bắc Bán cầu, vùng khí hậu nóng ẩm và mưa nhiều của khu vực, có đặc thù kiến tạo địa lý có tính chất bán đảo tạo nên 2 mùa rõ rệt gọi là nhiệt đới gió mùa. Nhờ có biển Đông với đặc thù kiến tạo, địa lý có tính chất bán đảo, mang nhiều đặc tính khí hậu hải dương tạo nên hai mùa rõ rệt gọi là nhiệt đới gió mùa, vì vậy cây cối quanh năm tươi tốt. Việt Nam còn nằm trong trung tâm xoáy nghịch về áp suất khí quyển, nên từ tháng 6 đến tháng 8 hay có gió bão từ vịnh Bắc Bộ ảnh hưởng đến Nam Trung Bộ.

a) Vị trí địa lý

Lãnh thổ Việt Nam dài và hẹp, trải dài từ vĩ tuyến 8° đến 23° Bắc, từ kinh độ 102° đến 109° , với chiều dài bờ biển trên 3.000km. Khí hậu nằm trong vùng khí hậu ẩm, chịu ảnh hưởng gió mùa thường có gió bão, lụt lội.

b) Khí hậu

Chịu ảnh hưởng nhiều từ tác động của khí hậu, không gian cư trú cụ thể là nhà ở đã thể hiện trọn vẹn sự ảnh hưởng cũng như cách ứng xử của con người đối với khí hậu. Yếu tố khí hậu ở mỗi khu vực, địa phương quyết định hình thức và giải pháp kiến trúc nhà ở thể hiện ở cách bố trí ngôi nhà, hình thức kiến trúc, vị trí hàng hiên, kích thước cửa, sử dụng vật liệu tại chỗ... Lịch sử phát triển kiến trúc cũng là quá trình phát triển và hoàn thiện không gian cư trú thích nghi với điều kiện khí hậu, môi trường.

Khí hậu Việt Nam thuộc loại khí hậu nhiệt đới gió mùa - nóng ẩm [28, tr.9], vùng đất liền hoàn toàn nằm trong khu vực nội chí tuyến nên nước ta có một nền nhiệt độ cao. Với dải bờ biển chạy dọc đất nước, mạng lưới ao

hồ, sông ngòi chằng chịt đóng vai trò quan trọng và tạo nên điểm ưu việt cho chế độ khí hậu các vùng miền.

Miền Bắc khí hậu 4 mùa khá rõ rệt với gió mùa Đông Bắc khá lạnh nên phải chống lạnh trong tiết trời mùa đông và xuân. Mùa hè nóng nực, có gió Đông Nam mát mẻ, mưa nhiều kèm theo gió bão, lũ lụt do đó phải chống nóng và mưa bão từ tháng 4 đến tháng 10. Vùng đồi núi mùa đông khá lạnh có giá rét, mùa hè khí hậu mát mẻ.

Miền Nam có khí hậu ấm áp quanh năm và chia làm 2 mùa: mùa nắng, mùa mưa khá rõ rệt.

Tác động của khí hậu tạo nên đặc điểm kiến trúc và tổ chức không gian cư trú đặc trưng cho từng vùng, dựa trên nền tảng nhà gỗ khung bền chắc, thoáng mát với không gian đóng, mở linh hoạt giúp ngăn cản bức xạ mặt trời, đồng thời tránh được gió bão. Kiến trúc ẩn mình dưới tàn cây xanh, gần kề mặt nước ao hồ tạo sự thông thoáng, mát mẻ.

c) Địa hình

Địa hình Việt Nam với 3/4 là đồi núi và cao nguyên, hình thành 3 vùng địa hình chính là vùng đồi núi, vùng đồng bằng và vùng ven biển. Những đặc trưng và sự khác biệt của địa hình sinh thái tạo nên sự phong phú đa dạng cho môi trường thiên nhiên, đem đến nhiều điều kiện thuận lợi cũng như nhiều trở ngại, thách thức cho con người trong quá trình tạo dựng không gian cư trú.

Việt Nam có hai vùng đồng bằng lớn nằm ở Bắc Bộ và Nam Bộ là đồng bằng châu thổ sông Hồng (đồng bằng Bắc Bộ) và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long (đồng bằng Nam Bộ). Đồng bằng châu thổ sông Hồng ở phía Bắc, có diện tích khoảng 15.000km², được bồi tụ bởi phù sa sông Hồng và sông Thái Bình. Người Việt cổ xưa đã định cư tại nơi giao nhau của hai dòng sông. Đây cũng là cái nôi của nền văn minh Việt Nam và văn hóa lúa nước.

Với môi trường thiên nhiên Việt Nam có những đặc thù theo từng vùng miền, có sự phân bố tự nhiên độ chênh cao thấp giữa các vùng đồi núi, đồng bằng, sông ngòi, bờ biển theo suốt dọc đất nước... Sự không thống nhất này hình thành những nét khác biệt cơ bản trong phong tục tập quán của người Việt và các dân tộc anh em. Trong không gian cư trú địa hình đồi núi, mặt đất bằng, sông nước... người xưa đã tìm ra những loại hình nhà ở khác nhau phù hợp với địa hình, khí hậu.

Nghiên cứu không gian cư trú ba miền cho thấy, để thích ứng những thói quen trong lao động và sinh hoạt phù hợp với điều kiện tự nhiên đặc trưng môi trường thiên nhiên mỗi miền: Bắc Bộ thích ứng với địa hình đất trũng, Trung Bộ thích ứng với vùng khí hậu nắng nóng, nhiều gió bão, Nam Bộ thích ứng với điều kiện sông nước.

Như vậy, điều kiện tự nhiên, điều kiện địa lý, khí hậu, địa hình là những yếu tố mặc định, luôn hiện hữu và thường xuyên tác động đến không gian cư trú ngoài ý muốn của con người. Nhà ở dân tộc nào cũng tìm cách thích ứng với điều kiện khí hậu nơi họ sống. Những thuận lợi và bất cập của thiên nhiên Việt Nam như vừa nêu trên có ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau đến việc tổ chức cuộc sống của con người Việt Nam. Về vấn đề này, Nguyễn Khắc Tụng đã viết “Do vậy, nhà cửa các dân tộc thích ứng với điều kiện địa lý, khí hậu là yếu tố có tính phổ quát...”, “nếu có khác chằng, giữa các dân tộc là điều kiện để nhà ở thích ứng với môi trường có mức độ khác nhau mà thôi” [27, tr.15]. Thật vậy, sự khác nhau ngoài lý do điều kiện địa lý khí hậu chính là do phương thức sản xuất, phong tục tập quán, tâm lý... hình thành cách ứng xử với thế giới xung quanh của mỗi dân tộc.

2.2. Yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng

Yếu tố lịch sử, xã hội đóng vai trò quan trọng trong đời sống và sự phát triển của xã hội truyền thống. Hệ tư tưởng, thể chế xã hội - văn hóa ảnh hưởng đến mô hình tổ chức không gian cư trú của người Việt. Phương thức sản xuất có tác động và giữ vai trò quan trọng trong việc xác lập mô hình cư trú phù hợp.

Quá trình phát triển của lịch sử của dân tộc cũng là quá trình bền bỉ dựng nước, giữ nước; xây dựng nên một nền văn hóa đa dạng, giàu bản sắc, với những giá trị tinh thần bền vững, được lưu giữ từ thế hệ này qua thế hệ khác. Ý thức tự cường về văn hóa đã trở thành tố chất quan trọng để dân tộc Việt Nam tồn tại và phát triển. Một trong những giá trị, nổi bật trong nền văn hóa đó là di sản kiến trúc truyền thống của người Việt.

Các dân tộc anh em sống trên mọi vùng miền đất nước có những phong tục, tập quán, tín ngưỡng và thói quen sinh hoạt khác nhau, thể hiện các đặc trưng và bản sắc riêng, các yếu tố này có tác động và ảnh hưởng rất lớn đến việc xây dựng nhà ở. Trên cơ sở trình độ phát triển của văn hóa, kinh tế,

phương thức sản xuất... mà có cách lựa chọn riêng của mỗi người, mỗi gia đình, mỗi nhóm dân cư.

Người Việt thường sống hoà thuận, nhường nhịn và đại lượng nhưng cũng trọng danh dự, vì vậy tổ chức một không gian sống sao cho phù hợp vừa mang tính khép kín, vừa mở. Trong ngôi nhà truyền thống, yếu tố này còn thể hiện tính cách, phong thái riêng của từng con người, từng gia đình, từng thế hệ, sâu rộng hơn là từng vùng miền địa phương có tư duy, tập tục, cách nghĩ, cách làm khác nhau thể hiện qua cách tạo lập không gian sống, có thể khái quát một số đặc trưng về tính cách của người Việt xưa ở ba miền như sau:³

* Bắc Bộ: điều kiện thiên nhiên tương đối khắc nghiệt, phương thức sản xuất nông nghiệp, văn hóa làng xã rất đậm tính của cư dân đồng bằng châu thổ sông Hồng, phần nào bị chi phối bởi tính cách con người. Một số tích cách tiêu biểu có thể nhìn thấy ảnh hưởng trong quá trình tạo dựng không gian cư trú:

- Có ý chí vượt khó, tinh thần cộng đồng cao;
- Cần cù chịu khó, sáng tạo, thông minh, khéo léo và ý thức tận dụng, tiết kiệm cao;
- Thiết thực, dung hòa, ứng xử mềm mỏng linh hoạt, trọng thực tế và kinh nghiệm;
- nếp sống giản dị, mộc mạc do vậy thích sự bình dị, khéo léo, xinh xắn hơn cái huy hoàng tráng lệ;
- Nặng Chủ nghĩa bình quân thể hiện tính cào bằng, trong công việc có tính tùy tiện, manh mún.

Những đặc tính này ít nhiều chi phối cách lựa chọn ứng xử với các thành tố thiên nhiên trong không gian cư trú truyền thống vùng châu thổ.

* Trung Bộ: với bản tính chất chiu, cần kiệm của người miền Trung hòa với tính chịu thương chịu khó và chung tình của người di cư từ Đàng Ngoài vào xứ Đàng Trong, khai phá vùng đất mới mà có những tính cách rất riêng. Điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, phương thức sản xuất nông nghiệp, tính cách tiêu biểu này thể hiện rõ nét trong quá trình tạo dựng không gian cư trú:

³ Tham khảo Hữu Ngọc (2007) *Lãng du trong văn hóa Việt Nam*, (tr.740)

- Có ý chí, nghị lực vượt khó, có lòng yêu thương tôn trọng con người, sự nhạy cảm sẵn lòng đồng cảm cộng khổ với người khác, rất coi trọng tình nghĩa, thể hiện tính cộng đồng rất cao;

- Cần cù chịu khó, sáng tạo, thông minh, khéo léo và ý thức tận dụng, tận tiện;

- Bản chất ưa hiền lành, chuộng cuộc sống nội tâm nên cách sống thâm trầm, kín đáo;

- Nếp sống giản dị, mộc mạc do vậy thích sự bình dị, khéo léo, ưa chuộng nghệ thuật, có trình độ thẩm thấu thẩm mỹ cao;

- Nặng về lễ nghĩa, lễ thói, gia phong, có sự tôn trọng đối với những nguyên tắc phong thủy.

Những đặc tính này chi phối khá nhiều cách lựa chọn, tạo dựng không gian cư trú truyền thống vùng đồng bằng miền Trung, ngôi nhà thể hiện cả nền nếp gia phong phía sau.

* Nam Bộ: cư dân có sự đồng nhất cao về thái độ, ý thức và hệ tư tưởng, chịu ảnh hưởng từ các tư tưởng đạo phật, Khổng giáo, Lão giáo và một ít công giáo, đây cũng là nền tảng cho văn hóa làng xóm. Vai trò tâm linh cũng tạo niềm tin vào vũ trụ, sự tôn trọng đối với những nguyên tắc phong thủy trong việc xây dựng không gian cư trú.

Tính cách người dân Nam Bộ được định hình bởi lớp người đi khai hoang mở đất, trải qua cuộc đấu tranh cải tạo thiên nhiên, chống phong kiến, tạo nên những nhân cách. Ngoài những đặc trưng về tính cách chung người Việt họ có những năng lực khá tiêu biểu:

- Sự năng động, sáng tạo trong lao động sản xuất và tổ chức cuộc sống;

- Có những phẩm chất nổi trội đó là sự khảng khái, phóng khoáng, chân thành, bộc trực, nhân hậu, bao dung và hào hiệp;

- Vô tư và sống một cách bình dị.

Những tính cách này ngoài mặt tích cực còn có những mặt hạn chế, trong đó có cả việc ít quan tâm, đầu tư cho việc xây dựng nhà cửa...

Tổng hòa những tích cách với mặt tích, cực tiêu cực trong tính cách đã tạo nên sự khác biệt bản sắc văn hóa rất đặc trưng của người Nam Bộ trong hệ thống tính cách chung của người Việt Nam.

2.3. Yếu tố nhân trắc, kích thước

Việt Nam là một nước nông nghiệp, sống nương nhờ, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên do vậy mà trong kiến trúc luôn có ý thức tôn trọng, hòa mình vào thiên nhiên, ngôi nhà dân gian luôn có một tỉ lệ vừa phải, cân xứng, hài hòa với tổng thể cũng như tỉ lệ vừa phải so với tầm vóc người Việt, lấy con người làm thước đo cho kiến trúc, đó cũng góp một phần tạo thành phong cách riêng của kiến trúc dân gian.

Kích thước không gian mô phỏng hệ số kích thước con người, do vậy có cảm nhận nhạy bén về tỉ lệ, kích thước. Kích thước có thể bị chi phối ít nhiều bởi quan niệm, triết lý sống của con người.

Kích thước đối với kiến trúc trước tiên là hợp lý cho công năng và thỏa mãn nhu cầu về thẩm mỹ. Kích thước trong nội thất trước tiên thỏa mãn yêu cầu về chức năng sử dụng của không gian và đồ đạc. Kích thước trong nội thất chịu ảnh hưởng rất lớn từ kích thước của kiến trúc và cảm giác của con người, liên quan trực tiếp đến thói quen, tâm lý.

Khi thiết kế nội thất cần phải xem xét yếu tố tâm lý, hành vi sử dụng... để có thể tạo những khoảng cách, kích thước hợp lý trong tỉ lệ tổng thể của nó, tạo sự cân bằng, thoải mái cho người sử dụng. Do vậy, tùy theo mục đích sử dụng của không gian mà khi thiết kế nội thất sẽ cân chỉnh lại kích thước của kiến trúc cho phù hợp với công năng và tâm lý sử dụng, bằng cách dùng các thủ pháp như hạ trần, giạt cấp, sử dụng các vách ngăn phân chia không gian. Người Việt Nam có tính “tận dụng, tiện thể” cao khi sử dụng thường kết hợp nhiều chức năng cho một vật dụng nên cần lưu ý chọn kích thước theo công năng.

2.4. Kiến trúc truyền thống Việt, ảnh hưởng, giao lưu với các nước trong khu vực

2.4.1. Kiến trúc truyền thống thuần Việt

Chịu ảnh hưởng và giao thoa với nhiều nền văn hóa với 54 tộc người khác nhau, người Việt ngoài nền tảng văn hóa truyền thống đã tiếp nhận và gạn lọc, tiếp biến, hình thành những giá trị mới cho nền văn hóa của mình và có những ảnh hưởng đến các dân tộc anh em khác. Trong quá trình phát triển, mỗi vùng miền lại hình thành nét văn hóa riêng, góp phần làm phong phú nền văn hóa của các dân tộc.

Phong cách kiến trúc thuần Việt là khái niệm không dễ dàng xác định cụ thể, để hiểu nó có lẽ phải đi từ khái niệm phong cách địa phương. Bởi vì bản sắc địa phương là những giá trị tinh thần, vật chất quý báu có tính điển hình của một bộ phận hay một quần thể dân cư, địa phương, quốc gia.

Phong cách kiến trúc hay nội thất truyền thống thường mang những nét đặc trưng riêng của địa phương, thường được thể hiện trong bố cục không gian kiến trúc, nội ngoại thất, được sử dụng kết hợp với các phong tục tập quán truyền thống của địa phương - phong cách địa phương. Đặc trưng còn được thể hiện từ hình khối, kết cấu, các thành phần kiến trúc, các thành phần trang trí, chạm khắc, hoa văn họa tiết, màu sắc, vật liệu... ở bên trong và ngoài nhà.



*Hình 2.1: Kiến trúc nhà ở truyền thống ba miền Bắc, Trung, Nam
(Nguồn: tác giả)*

Bản sắc địa phương trong kiến trúc là phần phong cách kiến trúc đặc trưng của một khu vực, là yếu tố để nhận biết những hình thức, mô típ kiến trúc đặc trưng cơ bản của địa phương này với địa phương khác tổng hòa từ các mối quan hệ giữa thiên nhiên - khí hậu và con người. Bản sắc kiến trúc địa phương được xác định bởi vị trí địa lý hoặc theo các khu vực, vùng miền có cùng phong tục tập quán, tín ngưỡng.

Việt Nam có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống tạo nên một nền văn hoá, nghệ thuật đa sắc thái. Cần gạt bỏ và khai thác triệt để những hình thái văn hoá riêng biệt ấy của mỗi dân tộc, mỗi địa phương vào làm ngôn ngữ thiết kế trang trí nội thất ở cách kết cấu, bố cục, phân chia không gian, màu sắc, vật liệu, hình thức trang trí... trên các bề mặt nội thất, đồ đạc sao cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của xã hội hiện đại mà vẫn giữ được những đặc tính riêng biệt của địa phương.

Các nhà thiết kế luôn mang trong mình nghĩa vụ và trách nhiệm đóng góp cho kiến trúc và trang trí nội thất Việt, những công trình có chất lượng, thẩm mỹ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, mỗi cá nhân cần có sự am tường kỹ lưỡng về vốn văn hóa truyền thống nguyên lý sáng tạo nghệ thuật hiện đại, đi sâu vào thực tế cuộc sống và tâm lý của con người Việt Nam, biết khai thác kế thừa những tinh hoa, tiến bộ trong nghệ thuật và kiến trúc truyền thống của ông cha, từ đó có những nhận thức, cảm xúc, sáng tạo, phương pháp thể hiện riêng, tạo những nét đặc trưng mới của dân tộc trong trang trí nội ngoại thất hiện đại của Việt Nam.

2.4.2. Ảnh hưởng, giao thoa với các nước trong khu vực

Việt Nam nằm ở vị trí ngã tư đường giao lưu với các nền văn minh, lại là nước chậm phát triển nên có cơ hội tiếp cận những giá trị, thành tựu văn hóa nhân loại và chịu ảnh hưởng sâu sắc các triết lý phương Đông trong đời sống văn hoá, tinh thần. Văn hóa phương Đông với cội nguồn văn hóa nông nghiệp, phương thức sống trọng tĩnh, hướng nội, khép kín, tư duy nặng về duy lý và tổng hợp.

Hai nền văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa có ảnh hưởng sâu sắc đến nền văn hóa, kiến trúc Việt Nam. Khi tiếp xúc với nền văn hóa Ấn Độ ta có được nền văn hóa Chăm rất độc đáo thể hiện qua các công trình đền tháp Chăm và nền Phật giáo tiểu thừa Việt Nam. Tiếp thu nền văn hóa Trung Hoa ta có những công trình kiến trúc, Mỹ thuật chịu ảnh hưởng rất nhiều từ phương Bắc. Giao lưu với nền văn hóa phương Tây đem lại giá trị văn hóa, kiến trúc như phong cách kiến trúc Đông Dương. Đặc trưng cơ bản của quá trình giao lưu văn hóa nhiều thế kỷ này là tính tổng hợp - dung hòa - tích hợp, với một số đặc trưng sau:

- Là một thành tố của văn hóa, kiến trúc mang nặng yếu tố tinh thần, chịu ảnh hưởng của các tôn giáo lớn, từ đây đã kiến tạo được nhiều công trình tôn giáo rất đặc sắc;

- Văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc chịu ảnh hưởng sâu sắc từ những tư tưởng triết học lớn của phương Đông như nghệ thuật phong thủy, thuyết Thiên - Địa - Nhân, Âm - Dương, Ngũ hành, các tư tưởng Nho giáo...

- Kiến trúc truyền thống luôn là những quần thể gắn bó hài hòa với thiên nhiên, khắc phục những hạn chế do thiên nhiên đưa đến để tạo những không gian sống tối ưu nhất.

Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc từ những tư tưởng nêu trên, ông cha ta đã tiếp nhận, chắt lọc, sáng tạo và biến hóa để chúng có những đặc trưng riêng tạo nên bản sắc của dân tộc, để lại dấu ấn trên các công trình kiến trúc, nội thất mà ngày nay còn hiện diện trong đình, chùa, đền, miếu, phủ, cung điện... trở thành những di sản kiến trúc truyền thống quý giá.



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Chương 3

THAM KHẢO CÁC YẾU TỐ ĐẶC TRƯNG, HÌNH THỨC TỔ CHỨC KHÔNG GIAN NỘI THẤT TRONG NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT

3.1. Không gian kiến trúc

3.1.1. Các loại nhà ở và kết cấu gỗ truyền thống

Hình thái cư trú truyền thống của người Việt thể hiện trên hai đơn vị Làng và nhà trong đó Nhà ở là nơi thờ cúng tổ tiên, nơi cất giữ của cải thu hoạch từ mùa màng, gia cụ phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày, bếp, chuồng nuôi gia súc... là nơi ăn chốn ở của người nông dân.

Theo những nghiên cứu trước đây cho thấy nhà ở thường nằm ở những nơi cao ráo, an toàn, thuận tiện cho sản xuất và sinh hoạt: gần ruộng đồng, nương rẫy, gần sông nước... Theo từng vùng, làng xóm lại có những đặc điểm riêng, "...thể hiện ở thế đất, ở diện mạo, ở mật độ dân cư, ở cách bố trí nhà cửa, vườn tược trong các khuôn viên..." [27, tập 1, tr.26].

3.1.1.1. Các loại hình nhà ở truyền thống

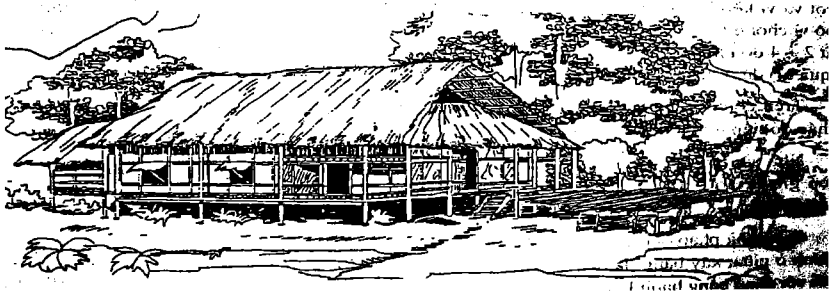
Mỗi vùng dân cư có trình độ văn hóa, phương thức sản xuất, phong tục, tập quán về ăn ở, quan niệm thẩm mỹ, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau do vậy nhà ở từng vùng có những đặc trưng khác nhau. Nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Tung đã phân loại nhà ở truyền thống tại các vùng miền thành bốn nhóm:

- Nhà sàn của đồng bào vùng núi phía Bắc, vùng cao nguyên;
- Nhà trên nền đất, vùng đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ;
- Nhà nửa sàn nửa đất vùng trung du Bắc Bộ;
- Nhà nổi trên mặt nước vùng ngập lụt - đồng bằng sông Cửu long.

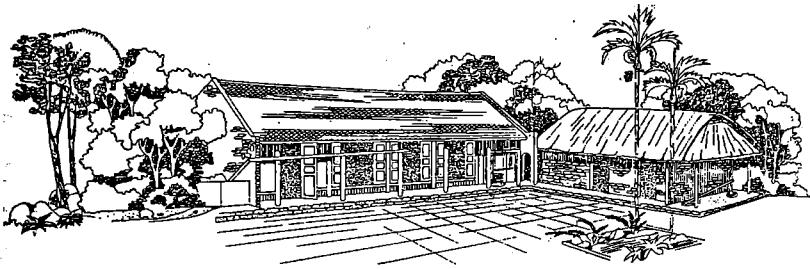
3.1.1.2. Kết cấu gỗ truyền thống

Thức kiến trúc cổ Việt Nam kết cấu, tạo hình các bộ phận chủ yếu của bộ khung nhà bằng gỗ của ngôi nhà truyền thống Việt Nam đã được định

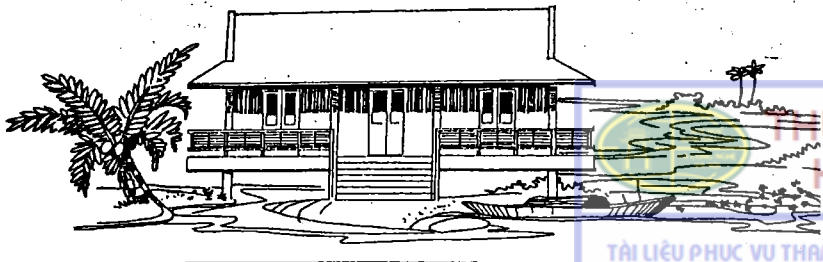
hình ổn định với chất lượng thẩm mỹ kiến trúc hoàn chỉnh, thể hiện trong mối tương quan tỉ lệ giữa các bộ phận của bộ khung nhà như cột, xà, kẻ, bẩy cùng các bộ phận và chi tiết khác.



Nhà sàn của người Tày vùng núi Bắc Bộ



Nhà sàn của người Tày vùng núi Bắc Bộ



Nhà nổi trên vùng nước ngập lụt

Nguồn: [25]

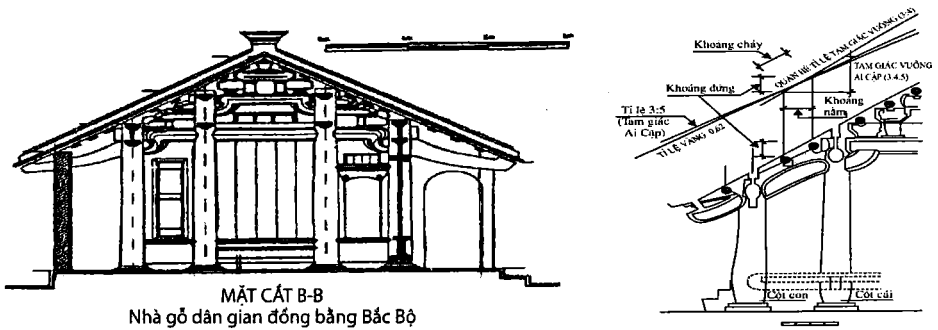
Hình 3.1: Các loại hình nhà ở truyền thống

* Kết cấu gỗ đồng bằng Bắc Bộ:

Kết cấu bộ khung nhà cổ truyền của người Việt hình thành trên cơ sở các vì kèo, cấu tạo từ đơn giản đến phức tạp. Bộ vì được cấu thành bởi kèo, cột, xà. Cột giữ vai trò chịu lực chính, tường vách giữ vai trò bao che.

Phần nhà chính thường tách khỏi và cao hơn khu nhà phụ vài bậc. Mái khung tre mái làm bằng vật liệu rơm rạ, lá cọ, nhà khung gỗ thì mái ngói đất nung có độ dốc lớn để thoát nước nhanh. Mái nằm trên hệ kết cấu khung gỗ, cột chịu lực gồm 3 hoặc 5 gian. Tường đất bao che 3 phía, mặt chính nhà có hiên với các tấm giại, cửa đi cửa sổ mở rộng gần hết mặt nhà tạo sự thông thoáng thuận tiện cho các sinh hộ ở các khu phụ xung quanh như sân vườn, bếp, khu sản xuất phụ.

Ở những nhà nghèo, nhà khung tre, không có hiên, vách đất xung quanh, mái lợp bằng rạ, cửa bằng vách liếp. Những nhà khá giả dùng gỗ xoan đào, nhà mái ngói với cửa bức bàn có hiên dài rộng. Các chi tiết vì kèo được soi gờ, chạy chỉ, trang trí chạm khắc hoa văn... vùng có đá ong thì xây tường bằng đá để mộc.



Hình 3.2: Thức kết cấu gỗ truyền thống đồng bằng Bắc Bộ

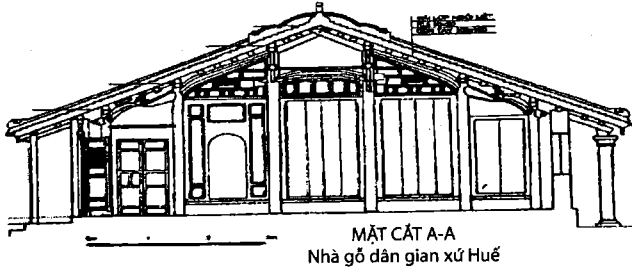
(Nguồn: Kiến trúc dân gian Việt Nam - Chu Quang Trứ)

* Kết cấu gỗ Trung Bộ:

Nhà ở truyền thống miền Trung có loại nhà rội và nhà rường (1 gian 2 trái hoặc 3 gian 2 trái), hay kết hợp cả 2 loại thành kiểu vì thượng rường hạ rội với hệ thống kết cấu mái và cột rất chắc chắn. Nhà rường thường lợp mái ngói âm dương để lên khung nhà làm tăng sức nặng, thích nghi với việc phòng chống bão to và lũ lụt lớn hàng năm.

Khung nhà được chống đỡ bởi 5 hàng cột to chắc làm bằng gỗ tứ thiết chân kê trên mặt đá vuông hoặc tròn. Hệ thống cột khá dày, cách 2 mét một cột. Cột hàng nhất đứng giữa nhà đỡ kèo, hai hàng cột vách và cột hiên dùng đỡ đòn tay, trính, xà, mái hiên Bộ khung thường làm bằng loại gỗ tốt như gỗ Chua hay gỗ Gụ. Kỹ thuật lắp ghép khéo léo tạo nên những mộng vững chắc ở đầu cột, nhất là ở chỗ nối với câu đầu, kẻ ngòi và xà thượng,

mỗi đầu kèo là một đầu cù được trạm trổ bằng các họa tiết hình kỷ hà hoặc vân mây, hoa lá... tinh xảo.

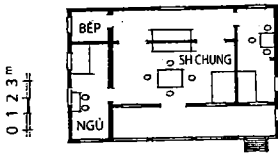


Hình 3.3: Thức kiến trúc và kết cấu gỗ nhà rường Huế
(Nguồn: Kiến trúc dân gian Việt Nam - Chu Quang Trứ)

*** Kết cấu gỗ Nam Bộ:**

Kết cấu chính là khung nhà trình và khung nhà rội (có hàng cột cái ở giữa và 2 hàng cột nhì, nhà lớn thêm cột hàng ba). Các khung chịu lực không nối với khung sàn (không cần sự chắc chắn để chống bão). Cột hiên mang tính trang trí, mái lá nhẹ nhàng đơn sơ. Mặt tiền cửa mở rộng ra các gian, vách sau và vách bên nhà trên ít được mở cửa để hạn chế gió lùa.

- NHÀ THẢO BÁT



• MẶT BẰNG



Hình 3.4: Mặt bằng và phối cảnh nhà Thảo bát Nam Bộ

Nguồn: [25]

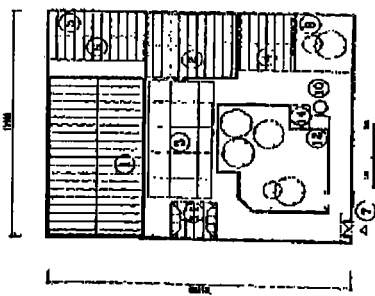
3.1.2. Nhận dạng nhà ở truyền thống theo tính chất vùng miền

Thông qua tìm hiểu kiến trúc nhà ở truyền thống ba miền để xem xét yếu tố nội thất thể hiện phong cách địa phương. Phân tích dựa trên một số yếu tố tác động đến nội thất kiến trúc như giải pháp về phong thổ khí hậu, bố trí mặt bằng phân chia không gian, các thành tố nội thất, trang trí...

3.1.2.1. Nhà ở đồng bằng Bắc Bộ

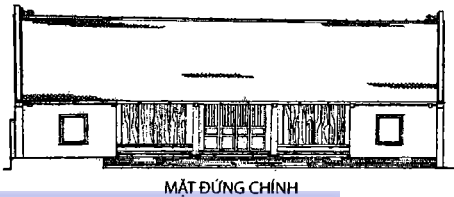
* Hướng nhà, giải pháp xử lý khí hậu: Mặt chính nhà là hướng chính Nam, tránh được gió mùa Đông Bắc, mùa hè đón gió mát từ hướng Đông

Nam. Chống nóng về mùa hè, chống lạnh về mùa đông. Giải pháp điều tiết khí hậu như trồng cây có tán, lá to như chuối ở mặt nhà phía Bắc để ngăn gió lạnh vào mùa đông, cảm bức xạ vào mùa hè (mùa hè mặt trời ở hướng Bắc). Trồng cây có thân cao như cây Cau... (dân gian có câu “chuối trồng đằng sau, cau trồng đằng trước”) ở phía Nam, mặt trước nhà để không ngăn cản gió mát về mùa hè cũng như che ánh nắng chiếu vào nhà về mùa đông (mùa đông mặt trời mọc ở hướng Nam). Không mở cửa ra hướng bắc mà chỉ mở cửa sổ nhỏ, tường là dày hơn các hướng khác. Mặt nhà hướng Nam không xây tường mà mở cửa gỗ toàn bộ, khi mở hết cửa không gian trong nhà, hàng hiên và sân trước liên thông với nhau tạo cảm giác thoáng rộng.

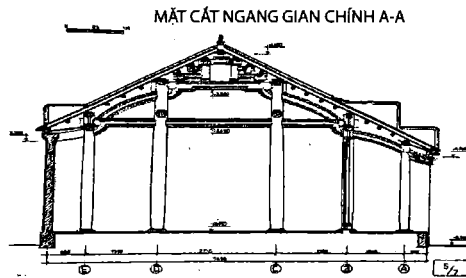


- 1 - Nhà chính
- 2 - Nhà phụ
- 3 - Sân
- 4 - Bếp
- 5 - Kho
- 6 - Chuồng nuôi
- 8 - Vườn
- 9 - Vệ sinh
- 10 - Giếng
- 11 - Bàn thờ thiên
- 12 - Tắm

Hình 3.5: Mặt bằng bố trí nhà ông Trịnh Phan, Xóm 4, Xã Đại Phúc



MẶT ĐỨNG CHÍNH



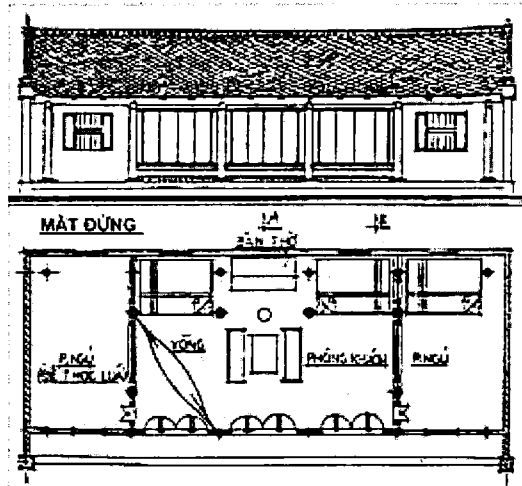
MẶT CẮT NGANG GIANG CHÍNH A-A

Hình 3.6: Mặt bằng khuôn viên, mặt đứng, mặt cắt nhà dân gian Bắc Ninh

(Nguồn: tài liệu của Cục Di Sản văn hóa, bộ VHHT)

* Mặt bằng bố trí nội thất: Mặt bằng nhà hình chữ nhật gồm các gian lẻ và hai chái, 3 gian nhà chính không ngăn thành buồng, để thành một không gian lớn linh hoạt trong sử dụng và thông thoáng, khi cần ngăn sẽ sử dụng bình phong, đồ đạc... nhà phụ (nhà ngang) nhà bếp, chuồng nuôi gia súc, gia cầm. Công trình phụ như giếng nước, nhà vệ sinh, nhà tắm, tường rào, ao (kiêng ao cá đặt sau nhà), sân phơi, vườn cây...

* Nội thất nhà chính gồm: Trước nhà là phần hiên được ngăn cách bằng phen, màn hoặc tấm đại che nắng che mưa, ngăn côn trùng, ruồi muỗi, giảm nắng chói mùa hè, không khí vẫn luân chuyển thoáng mát. Mang nhiều chức năng như tiếp khách, ăn cơm, để lương thực vào những ngày mùa, làm kinh tế phụ...



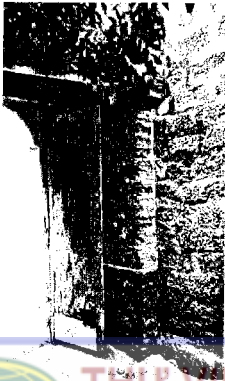
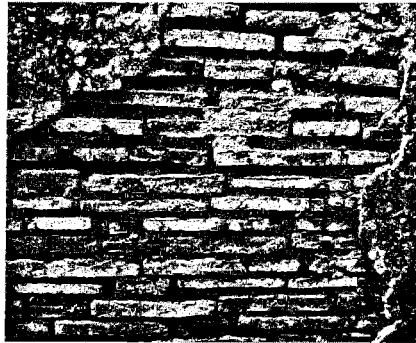
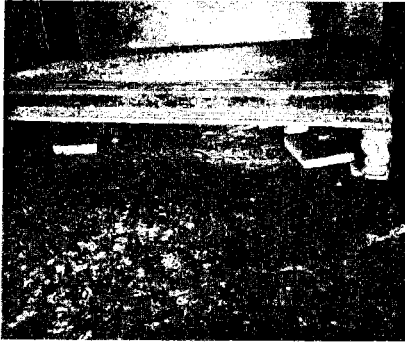
Hình 3.7: Mặt bằng bố trí nội thất nhà ở Bắc Bộ điển hình

Gian giữa để bàn thờ, bộ bàn ghế tiếp khách, hai bên là giường ngủ, chái làm buồng ngủ cho phụ nữ để gần bếp hoặc cho con lớn lập gia đình mà chưa ra ở riêng, phía trong có kho, bên cạnh chái là khu vực nhà phụ đặt bếp và để đồ dùng, dụng cụ.

Bố trí mặt bằng nội thất cho thấy nếp sinh hoạt của vùng Bắc Bộ không gò bó trong không gian nội thất của một vài phòng mà linh hoạt mở rộng ra hiên và các sân trước, sân sau, hay vườn rau.

* **Bộ cục, kết cấu:** Kết cấu bộ khung nhà hình thành trên cơ sở các vì kèo với ba yếu tố chính hình thành một bộ vì là kèo, cột, xà, nhìn chung khá đơn giản. Nhà chính hình chữ nhật, có số gian lẻ như 1,3,5...

* **Vật liệu:** Kiến trúc dân gian Bắc bộ sử dụng vật liệu chủ yếu là tranh, tre, nứa lá kết hợp với gỗ, gạch ngói. Mái tranh (hay cỏ tranh, lá cọ, lá mía, bổi cói...) dày khoảng 20cm, xốp, cách nhiệt rất tốt. Tường bao che nhà bằng đất trình dày hoặc vách đất trát bùn xốp để chắn nắng hắt từ ngoài vào. Nhà khá giả làm nhà ngói, tường xây gạch, có sân gạch. Đồ đạc chủ yếu bằng gỗ, mây tre có gắn các chi tiết chạm lộng, cẩn gắn xà cừ trang trí.

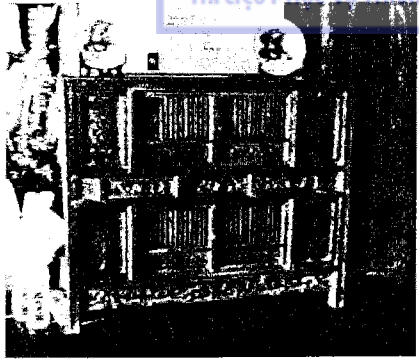
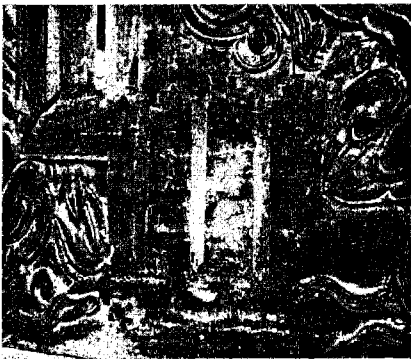
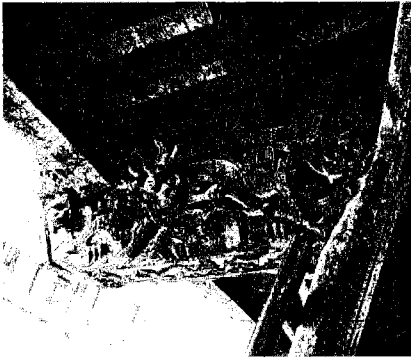
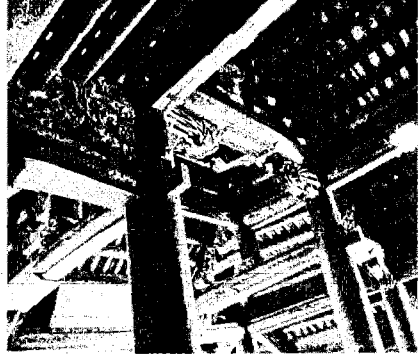
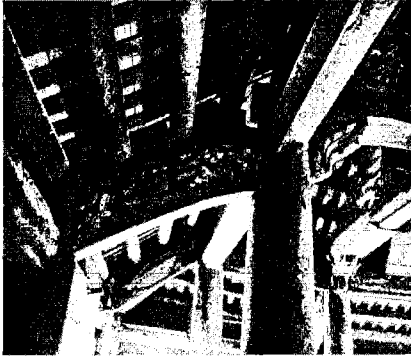
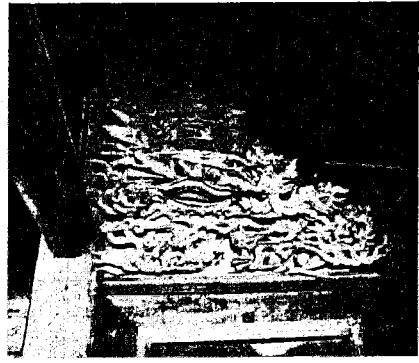
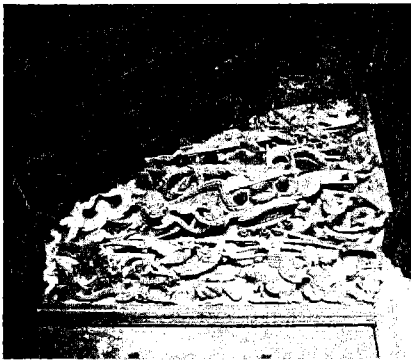


THƯ VIỆN
HUS

Hình 3.8: Vật liệu truyền thống nhà nền đất nện, tường đất, tường bằng đá ong, tường gạch nung trát vữa pha cát và vôi

(Nguồn: tác giả)

* Trang trí: Khung kết cấu nhà tùy theo điều kiện kinh tế của gia chủ mà có thêm các chi tiết trang trí tinh xảo ở các vì kèo, kẻ hiên, các bộ phận này được soi gờ chạy chỉ, gắn thêm các họa tiết chạm lõng, các họa tiết trang trí này cũng được thể hiện trên đồ đạc trong nội thất như hoành phi, bức chướng bàn thờ, sập gụ tủ chè, bộ bàn ghế tiếp khách, trên ô thông gió...



THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

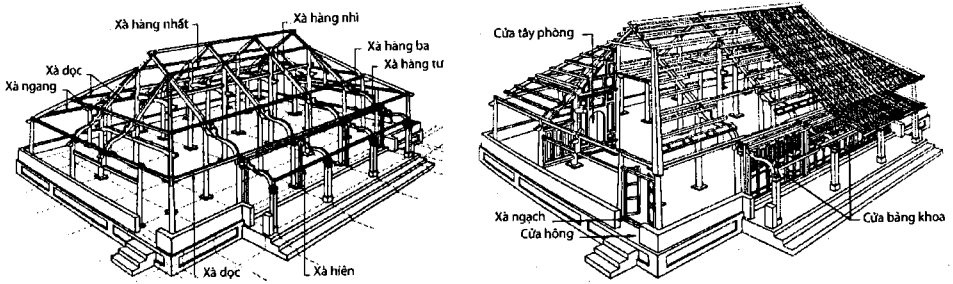


Hình 3.9: Trang trí trên vách và đồ đạc
(Nguồn: tác giả)



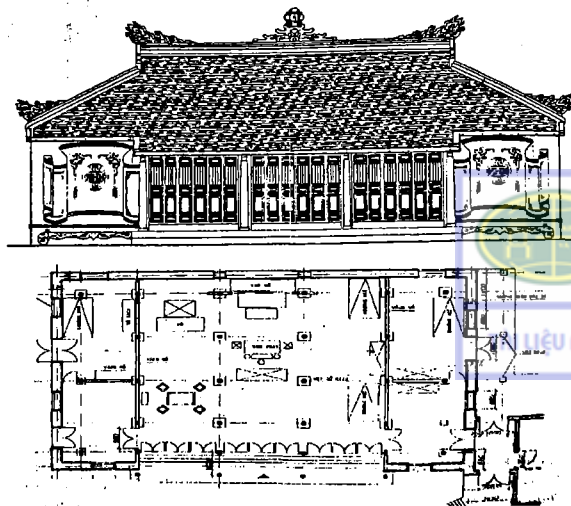
3.1.2.2. Nhà ở vùng Trung Bộ

* Hướng nhà: thường quay về hướng Nam (vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh), nhà phụ quay về hướng Tây, hướng Tây nam thường bị tránh vì có gió mùa khô nóng dễ bị ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới. Kiến trúc miền Trung có kiểu nhà rội, nhà rường hoặc nhà rội kết hợp với nhà rường thích nghi cho việc chống mưa bão và lũ lớn. Nhà vườn Huế dựa trên hai yếu tố tạo nên môi trường sống là nhà - vườn, Kết cấu của nhà rường, nhà rội, có hàng hiên rộng nối liền với dãy nhà phụ. Nhà mái lá Trung bộ có kết cấu đặc biệt với khả năng chống gió phơn (gió Lào) nóng Trường Sơn thổi từ hướng tây và tây nam. Những ngôi nhà nhỏ gọn, chắc chắn, thấp bám sát mặt đất để đương đầu với gió bão, nắng nóng.



Hình 3.10: Kết cấu khung gỗ chắc chắn của nhà rường truyền thống tiêu biểu - Huế
 Nguồn: [32]

* Mặt bằng bố trí nội thất: Bao quanh ba mặt sân cây cảnh là ba nếp nhà xếp theo hình chữ U. Nếp nhà giữa là nơi thờ Phật, thờ Tổ tiên và tiếp khách. Gian chính giữa là chỗ ngủ của chủ nhà, 2 chái nhà được ngăn thành phòng ngủ, phía Tây dành cho đàn ông, phía Đông dành cho đàn bà. Nhà phụ thường tách biệt với kho, bếp... khác với nhà phía Bắc, hiên nhà rường Huế chỉ làm hiên ở các gian chính. Tường rào nhà xây bằng tường gạch. Xung quanh là vườn cảnh trồng nhiều loại cây ăn trái. Vườn ở sân trước nhà thường có bình phong hoặc bể non bộ lớn.



Hình 3.11: Mặt Đứng và mặt bằng nội thất nhà rường truyền thống Huế

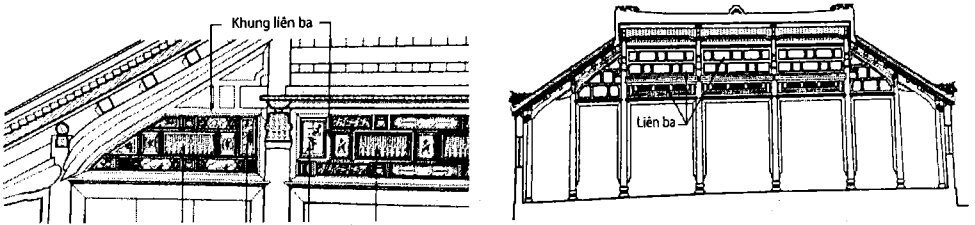
Nhà - vườn Huế là một điển hình truyền thống về tổ chức không gian ở - vườn cây hợp lý, đáp ứng nhu cầu về vật chất lẫn tinh thần cho con người, cấu trúc và hình thái này tạo nên sắc thái đặc trưng mang đậm nét riêng của Huế.



Hình 3.12: Nhà vườn An Hiên - Huế, nhà vườn làng cổ Phước Tích - Huế

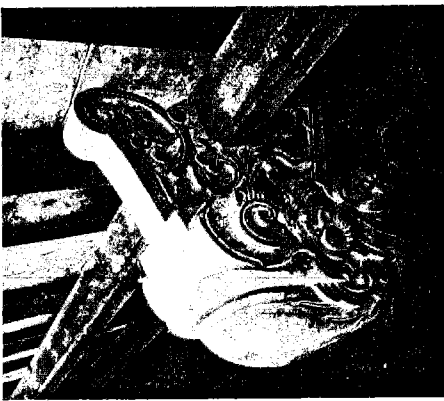
* Vật liệu: miền Trung có nhiều loại gỗ tốt nên khung nhà bất kể lớn nhỏ đều làm bằng gỗ Chua và gỗ Gụ với một số loại khác. Nhà rường Huế được tạo nên chủ yếu là vật liệu gỗ. Công đoạn chuẩn bị gỗ để làm nhà rất công phu. Người xưa có câu “Tam niên tích cốc, ngũ niên tích mộc”. Gỗ làm nhà phải bằng gỗ mít đáng “thượng thu hạ thác”, hay “thượng chua hạ mít”, “thượng mít nhà, hạ mít nài”, tức phần trên của nhà rường: kèo, xuyên, trên, đòn tay, rui mè, rầm thượng... làm bằng gỗ chua hoặc gỗ mít vườn, “tuồng dưới” là cột, đà, gạch, rầm hạ làm bằng gỗ mít nài (mít rừng mít nài xanh là tốt nhất). Gỗ Mít có màu vàng sáng khi để lâu có màu sẫm đỏ, gỗ có mùi thơm nhẹ. Vật liệu gỗ tạo cho nhà vườn một nét ưu điểm nổi trội nhất, đó là vật liệu này không hấp thụ nhiệt nên chúng thường mát hơn vào những ngày hè nóng nực và ấm áp hơn vào ngày mùa đông. Ngoài ra còn các vật liệu như đá, gạch gốm, tre, nứa lá...

* Trang trí: Nét đặc sắc của ngôi nhà rường Huế là hệ thống vì kèo nổi đuôi và chồng lên nhau mỗi đầu kèo là một đầu cù chạm trở công phu, vừa có đường kỷ hà vừa có nét uốn lượn mềm mại của tua, dải, dây leo và mây nước... nhất là kèo hàng ba, tuy ngắn nhưng có nhiều đồ án trang trí đẹp. Riêng hai dải liên ba nối hàng cột nhất tiền tả hữu chạy suốt ba gian là những ô hộc trang trí bằng các mảng chạm nổi tứ quý, bát bửu, hoa, lá và chữ thọ cách điệu theo lối phù trầm, chạm lõng hay có khi được khảm bằng xà cừ óng ánh. Những tác phẩm chạm khảm ấy tương phản với bộ mái mà những đường rui thẳng đều đỡ các viên ngói liệt, được nhúng vào nước vôi trước khi lợp, vừa sáng sủa, vừa tạo nên không khí trang trọng, thâm nghiêm.



Hình 3.13: Vị trí liên ba và các đồ án hoa văn trang trí trên nhà rường

Nguồn: [32]



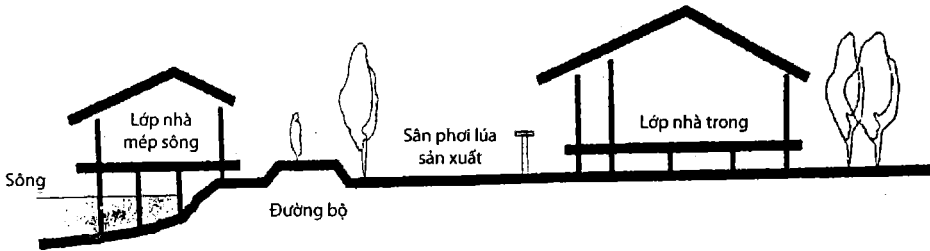
Hình 3.14: Trang trí chạm khắc nổi hình hoa văn hoa lá cách điệu trên đầu trên vì kèo, xuyên liên ba trong nhà rường Huế

(Nguồn: tác giả)

Đồ đạc nội thất bằng gỗ như sập gụ, tủ chè, trường kỷ cùng với hoành phi, câu đối trang trí trong nội thất của ngôi nhà rường thật hợp lý, các thành tố đều gắn kết thống nhất với kiểu cách kiến trúc nhà, hòa quyện lẫn nhau.

3.1.2.3. Nhà ở truyền thống Nam Bộ

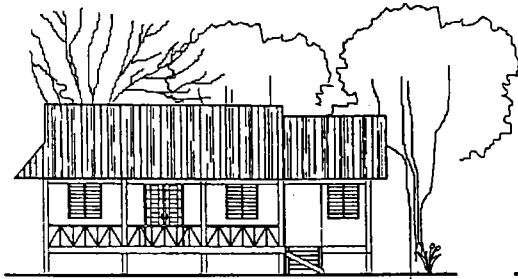
Nam Bộ là vùng đất mới khai thác, kiến trúc và nhà ở truyền thống phần nhiều chịu ảnh hưởng và cải tiến từ miền Bắc và miền Trung. Đất rộng, người thưa, sông nước, kênh rạch chằng chịt, thiên nhiên ưu đãi, điều kiện thiên nhiên Nam Bộ thuận hòa ít bị tác động bởi thời tiết khí hậu khắc nghiệt như miền Bắc và miền Trung do vậy thường cất những “nhà nổi” dạng nhà sàn trên những cọc gỗ tràm, gỗ đước cắm dưới lòng kênh rạch, mái và vách kết bằng lá dừa.



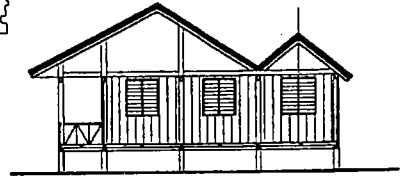
Hình 3.15: Mô hình mặt cắt loại nhà lều cư nằm dọc bờ sông

Các kiểu nhà truyền thống phổ biến ở ĐB SCL là nhà 3 gian 2 mái có chái ở một hay hai phía để bố trí bếp ăn hay kho, buồng ngủ, chủ yếu là nhà chữ đình, nhà xếp đội, nhà bát dền, nhà thảo bạt. Các kiểu nhà này đều có phần chân bằng cột gỗ, gạch nhô cao khỏi mặt đất hoặc nước, đó là cách lựa chọn phù hợp với địa hình sông nước. Kết cấu khung nhà đơn giản, không nhiều tính kiên cố, bộ mái có độ dốc cao để mau thoát nước. Ở các vùng nước ngập quanh năm có loại nhà sàn chịu lực trên hệ cọc cắm sâu xuống lòng đất bùn.

* Mặt bằng bố trí nội thất: Ngôi nhà vùng đồng bằng sông Cửu Long có 3 gian với một hoặc hai chái gọi là nhà “Bát dền” có đặc điểm là mở rộng ra hai bên, phân biệt rõ nhà chính và phần mở rộng. Nhà chính ba gian có gian chính dành cho thờ tự và tiếp khách được bố trí đăng đối tạo sự trang trọng và các gian sinh hoạt chung, trung bày đồ kiểu với các kỷ vật, hai bên có hai bộ ván ngựa, các gian sinh hoạt riêng ngủ nghỉ... phần mở rộng dùng bố trí bếp, kho và chỗ ngủ, bếp gắn liền với sân và bể nước. Tổ chức nhà ở thường chú ý đến cổng và tường rào với rặng cây xanh thấp (như cây duối) nhằm bảo vệ, che chắn, ngăn cách giữa hàng xóm.

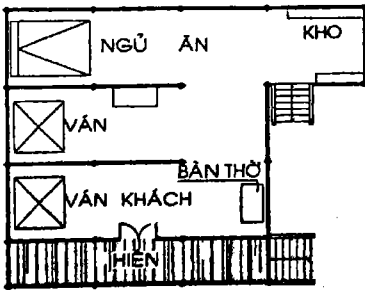


MẶT ĐỨNG

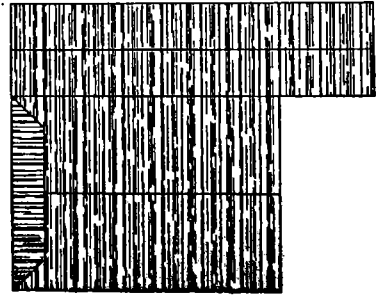


MẶT CẮT A-A

Hình 3.16: Mặt bằng, mặt đứng kiểu nhà thảo bạt ven sông, vùng ĐBSCL



a) Mặt Bằng bố trí đồ đạc



b) Mặt bằng mái

Hình 3.17

Trong bố trí nội thất nhà, khu vực nhà sau gắn liền với sinh hoạt, lao động sản xuất nên có nhiều cửa; cửa ra vườn, khu vệ sinh, cửa dành cho việc cập xuống (bên cạnh nhà có nhà để xuống), có cửa mở ra sàn nước, cửa trở ra trái bếp... Cửa ra vào và các tường nhà sơ sài hoặc không có cửa, thể hiện tính mở như phong cách phóng khoáng, đơn giản của người dân miền Nam.

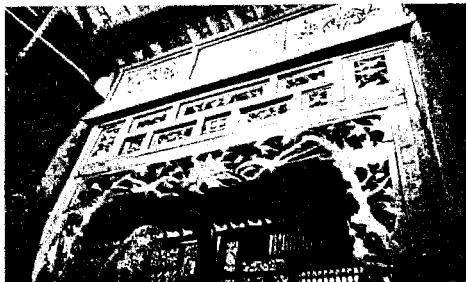
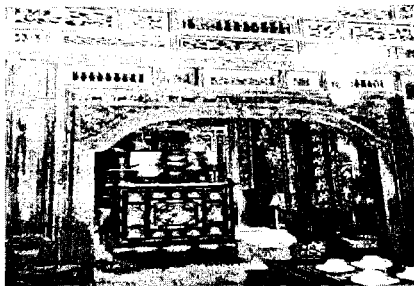
Những vùng đất thổ cư có vườn cây trước và sau thường được đánh luống cao để rút nước mùa mưa lũ và cấp nước tưới tiêu vào mùa khô hạn.

Hệ thống không gian sản xuất phụ trong nhà dân gian thường bố trí mở xung quanh khu nhà chính với các vách ngăn hờ có cửa treo hay chống lên để tiện cho sinh hoạt cũng như mùa thu hoạch lúa từ mé nước ngoài đồng cấp vào chắt ở đây để tuốt hoặc chờ phơi.

* **Vật liệu:** Vật liệu xây dựng nhà Nam bộ sử dụng triệt để nguồn vật liệu tại chỗ, thông dụng như tre, gỗ, thân cây dừa, lá dừa nước, trầm, đước, hoặc đất trộn rom rạ, gạch gốm... kỹ thuật đơn giản, ít chau chuốt gia công từ gỗ

và tre, vật liệu chịu nước, không hút nước và mau khô sạch, thích hợp với môi trường ẩm ướt và ngập lụt.

* Trang trí: Khai thác các hoạ tiết, mô típ trang trí dân gian (Tứ bình: Tùng, Cúc, Trúc, Mai; ngũ phúc; bát bửu; Long Ly Quy Phụng...) trên các thành phần kiến trúc và đồ đạc và cột kèo trong nội thất truyền thống.



Hình 3.18: Trang trí trong kiến trúc nhà thờ dòng họ Ô. Trần Tuấn Kiệt, (xây 1838) ấp Phú Hòa, Đông Hiệp Hòa - Tiền Giang
(Nguồn: tác giả)

Như vậy, nhà ở truyền thống của người miền Nam cho thấy tâm lý khá đơn giản và dễ dãi về hình thức nhà ở, thể hiện sự khác biệt so với tâm lý rất xem trọng cái nhà của người Bắc Bộ và Trung Bộ. Qui mô nhà ở tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi gia đình, không bị bó buộc bởi luật lệ, quy ước của tầng lớp, quan lại phong kiến như hai miền. Bản tính người Nam Bộ phóng khoáng, dễ dàng thích ứng, ít bị ràng buộc bởi cái cũ nên ít chăm chút nhà ở như Bắc và Trung Bộ.

Tham khảo thêm các tài liệu:

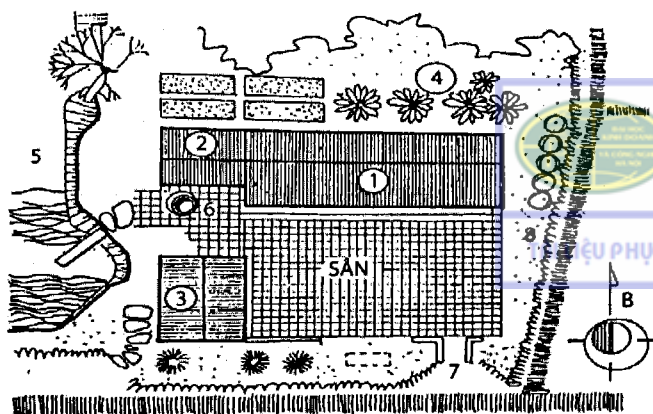
1. Vũ Duy Cừ, 1996. “*Nghệ thuật tổ chức không gian kiến trúc*”; NXB Xây Dựng, mục III (trang 47 - 87).
2. Chu Quang Trứ, 2003. “*Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam*”; NXB Mỹ thuật.
3. Nguyễn Khắc Tụng, 1993. “*Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam*” tập 1,2,3; Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc, ĐH Kiến trúc HN.
4. Trần Lâm Biền (chủ biên), 2008. “*Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt - vùng châu thổ sông Hồng*”; NXB VHNT, HN.
5. Nguyễn Đình Toàn, 2002. “*Kiến trúc Việt Nam qua các triều đại*”; NXB Xây dựng.
6. Nguyễn Thị Thúy Vi (chủ biên - 2010) “*Thuật ngữ kiến trúc truyền thống - nhà rường Huế*”; NXB Thuận Hóa.

3.1.3. Phân chia không gian nội thất

* Phân chia không gian chức năng

Nền nông nghiệp lúa nước Việt Nam với môi trường tự nhiên luôn tiềm ẩn áp lực của thiên tai (hạn hán, bão lụt, sâu bệnh...) nên năng suất và sản lượng không cao, lúa chỉ đủ ăn. Sản phẩm phụ từ lúa được tận dụng để chăn nuôi, trồng trọt tạo thêm nguồn thực phẩm cải thiện bữa ăn hàng ngày. Mặt khác làm nông theo thời vụ nên lúc nông nhàn có nhiều thời gian rảnh rỗi, thế nên người dân phải tìm thêm các nghề sản xuất phụ như chăn nuôi, dệt, đan lát, trồng vườn... vì thế cơ cấu nhà ở phải mở rộng thêm khu vực làm kinh tế phụ gia đình như chuồng trại, vườn rau, do vậy mặt bằng nhà ở xuất hiện rất nhiều không gian chức năng liên quan, phục vụ cho nghề trồng lúa:

- Khu vực kho chứa thóc lúa;
- Sân nhà kết hợp phơi thóc;
- Hiên, trái, nhà phụ nơi để nông cụ phục vụ cho sản xuất;
- Khu vực làm kinh tế phụ: chuồng trại, vườn rau, ao hồ... tận dụng những sản phẩm thừa từ việc trồng lúa để chăn nuôi gia súc (lợn, gà, vịt...) → cung cấp nguồn thực phẩm cho người. Nuôi trâu, bò → tạo sức kéo cho nông nghiệp, cung cấp phân bón cho ruộng đồng, cũng như tận dụng sức lao động dư thừa ra trong những ngày nông nhàn chờ thời vụ.



GHI CHÚ:

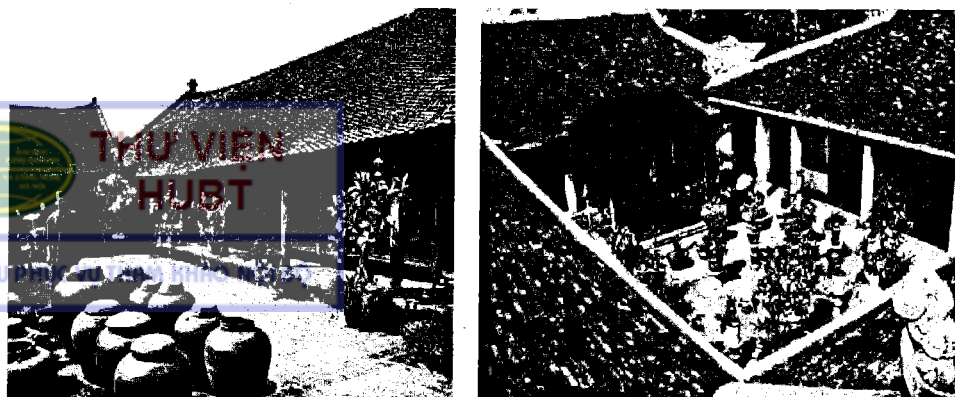
- | | |
|------------------|----------------------|
| 1. Nhà chính | 5. Ao |
| 2. Bếp | 6. Giếng nước |
| 3. Khu chăn nuôi | 7. Cổng |
| 4. Vườn | 8. Hàng rào cây xanh |

Hình 3.19: Mặt bằng nhà ở truyền thống Bắc Bộ

Bố trí mặt bằng không gian kiến trúc trong nhà ở dân gian được tổ chức hợp lý: khuôn viên khu đất có ranh giới rõ ràng, bao gồm các thành phần: hàng rào, công ngõ, nhà ở chính, các khu công trình phụ như sân, ao hồ, vườn cây... vừa sinh hoạt, vừa sản xuất nên bố cục tổng thể có tính độc lập, khép kín. Bố cục nhà ở theo kiểu dàn trải, thoáng rộng, đa năng, không gian chỗ đóng chỗ mở, có nhiều khu vực chuyển tiếp phù hợp với cách thức sinh hoạt, ăn, ở... tận dụng những thuận lợi, khắc phục nhược điểm của tự nhiên, quan hệ giữa không gian kiến trúc và môi trường tự nhiên là quan hệ hữu cơ, đan xen lẫn nhau.

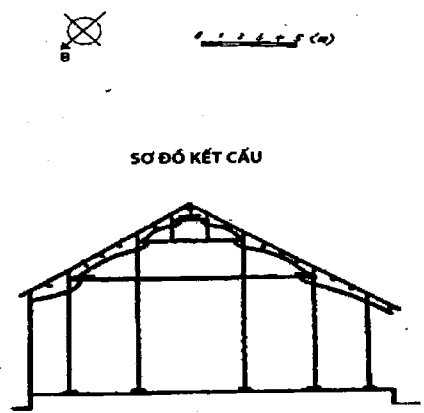
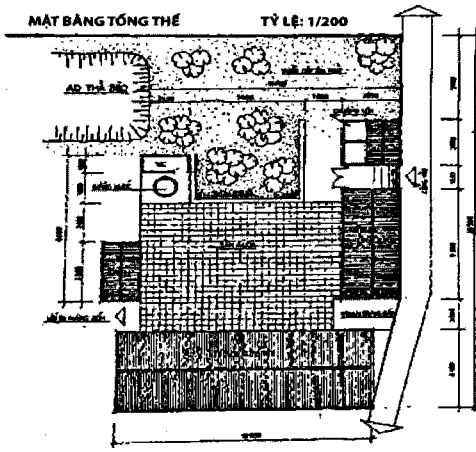
Nội thất nhà ở truyền thống với không gian chính, phụ và các chức năng khác nhau; nhà chính thường là 3 gian, chính giữa để thờ gia tiên và tiếp khách, nơi diễn ra những sinh hoạt quan trọng của gia đình. Không gian phụ gồm phòng ngủ (phụ nữ), kho dự phòng... Hiên hay thềm nhà đóng vai trò không gian chuyển tiếp trong và ngoài nhà, có rất nhiều tác dụng trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày của mọi ngôi nhà.

Nhà ở được tổ chức theo kiểu xuyên phòng phù hợp với lối kiến trúc dàn trải theo phương ngang trên mặt đất, tạo sự thông thoáng mát mẻ, không gian lưu thông nội bộ kín đáo cho thấy tính độc lập, riêng biệt. Các giải pháp không gian nhà thiên về chung hơn riêng, tính đa năng nhiều hơn đơn năng, tạo nên cách sống hài hòa, gắn kết trong không gian chung của gia đình, gắn bó mật thiết, hài hòa với thiên nhiên.

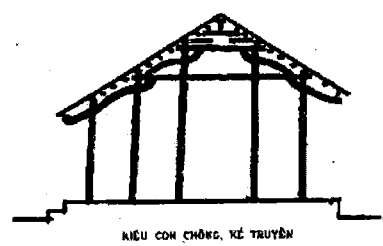
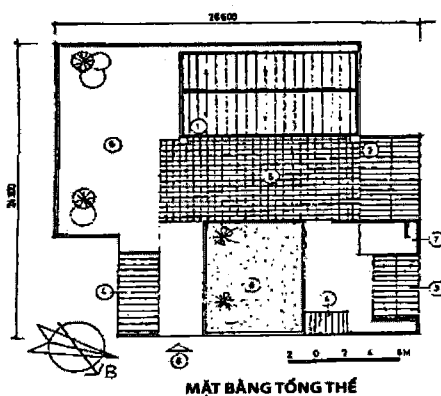


Hình 3.20: Không gian mở, giao tiếp với sân vườn, sân trong

(Nguồn: tác giả)



Nhà Ông Nguyễn Kiên Ngũ, thôn An Quang, xã Lăng Ngâm, H.Gia Lương



- 1. Nhà chính 5 gian, mái ngói; 2. Nhà phụ;
 - 3. Bếp; 4. Khu chăn nuôi; 5. Sân gạch; 6. Vườn; 7. Bể nước; 8. Cổng
- Nhà Ông Nguyễn Đắc Nhụ, thôn Đồng Chuế, Xã Nhân Hòa, Quê Võ

Hình 3.21: Mặt bằng tổng thể khuôn viên nhà truyền thống Bắc Bộ

Nguồn: [31]

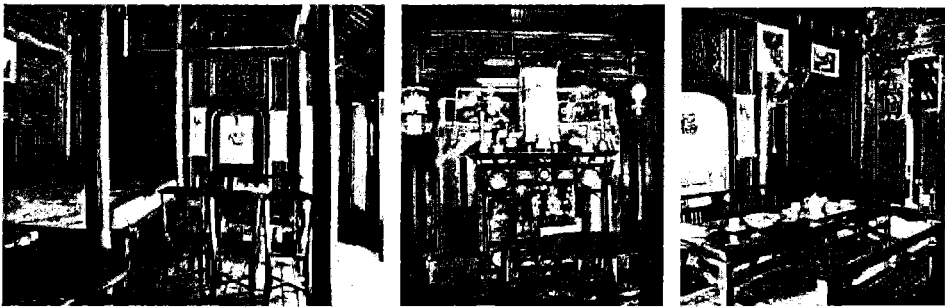


Như vậy, có thể thấy việc tổ chức và phân chia trong không gian cư trú truyền thống phần lớn bị chi phối, phụ thuộc vào cách sống, cách nghĩ của nền nông nghiệp lúa nước và một phần vì điều kiện môi trường tự nhiên. Sản phẩm của nó là nhóm không gian chức năng đặc trưng như sân, vườn, ao, chuồng trại... một mặt thích ứng, phục vụ cho sản xuất trồng lúa và làm kinh tế phụ, mặt khác thích ứng với khí hậu, môi trường thiên nhiên, thể hiện cách ứng xử linh hoạt, năng động.

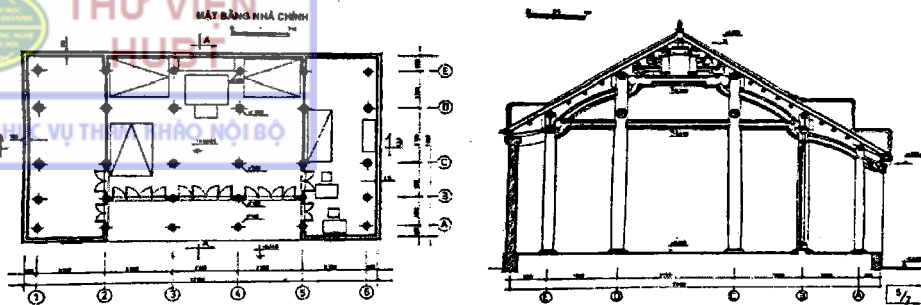
Theo phong tục, tập quán sinh hoạt chung của ba miền và qua thực tế tham khảo các tài liệu vẽ ghi và khảo sát các nhà ở truyền thống đặc trưng các vùng miền cho thấy việc phân chia không gian chức năng đã được định hình từ kiến trúc và kết cấu từ trục trung tâm ngôi nhà một gian hai chái hoặc ba gian hai chái. Nội thất thường được chia thành 2 không gian chính, phụ với các chức năng khác nhau.

Gian chính thường là 3 gian, chính giữa thoáng rộng, bề thế và tiện nghi để thờ gia tiên và tiếp khách, nơi diễn ra những sinh hoạt quan trọng có tính lễ nghi của gia đình. Bao gồm các hệ thống bàn thờ với các vật dụng sinh hoạt và trang trí, chính giữa nhà là bộ trường kỷ (Trung), sập gụ tủ chè (Bắc) hay dạng bàn ghế tiếp khách. Hai gian chái kế bên là sập gụ hoặc bộ ngựa (bộ ván) nơi sinh hoạt của ông bà chủ nhà, ông chái Đông (gian hữu), bà phía chái Tây (gian tả), thường gắn với khu phụ là bếp núc và nơi ở của con cái.

Ở những gia đình khá giả không gian rộng hơn có qui mô lớn hơn thì sẽ điều chỉnh thêm buồng phụ ở các gian chái hai bên và phía sau cho con cái.



Hình 3.22: Trái Đông, Tây, gian giữa, nhà Ô Hồ Văn Tê (xây 1870) Phong Điền Huế



Hình 3.23: Mặt bằng bố trí đồ đạc nhà truyền thống ở Bắc Ninh

Nguồn: [31]

Không gian phụ (nhà ngang) có kết cấu đơn giản, diện tích nhỏ hơn, hình thức và vật liệu đơn giản, thường bố trí ngang, vuông góc với nhà chính, được bố trí một số chức năng hoạt động, sinh hoạt như, công trình phụ, sản xuất thủ công...



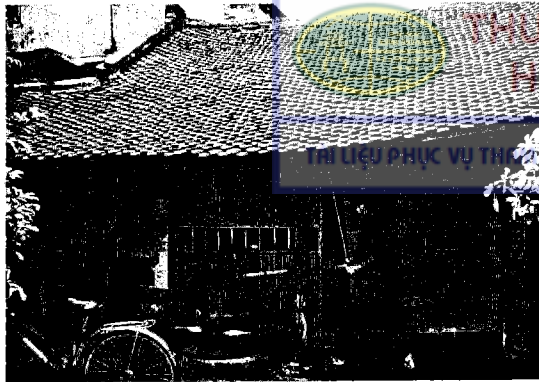
Hình 3.24: Nhà phụ, thôn Mông Phụ, làng Đường Lâm

Nhà bếp nằm ở phía sau nhà ngang ở cuối luồng gió, kết cấu đơn giản có bếp lò, các vật dụng phục vụ nấu nướng.

Hiên hay thềm nhà đóng vai trò không gian chuyển tiếp trong và ngoài nhà, có nhiều tác dụng trong đời sống sinh hoạt và lao động sản xuất hàng ngày.



Hình 3.25: Không gian Bếp nhà ông Huyền, thôn Mông Phụ, làng Đường Lâm (1846)



Hình 3.26: Hiên nhà chính và nhà phụ của ông Hà Hữu Thế, (xây khoảng TK 16) thôn Mông Phụ, làng cổ Đường Lâm (Nguồn: tác giả)

Nhà ở được tổ chức theo kiểu xuyên phòng với nhau bởi các không gian lưu thông nội bộ kín đáo cho thấy tính độc lập, riêng biệt. Các giải pháp không gian nhà thiên về chung hơn riêng, tính đa năng nhiều hơn đơn năng, thể hiện cách sống quây quần, gắn kết trong không gian của gia đình.

3.1.4. Không gian tâm linh

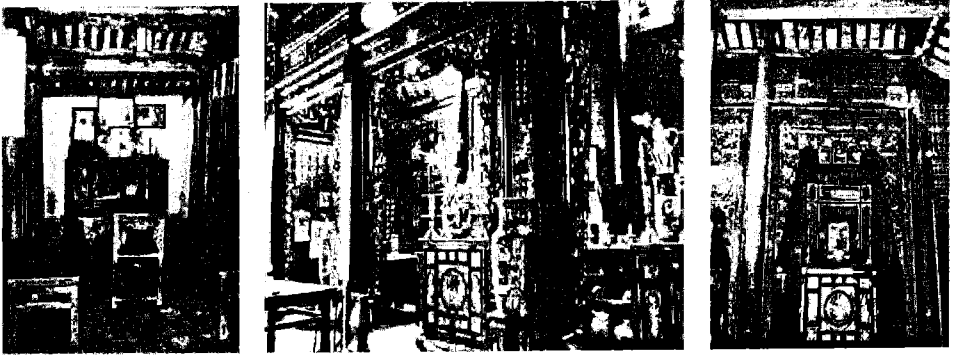
Văn hóa tâm linh đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt Nam, thờ cúng tổ tiên đặc biệt có ý nghĩa đối với người Việt, hầu như gia đình nào cũng có bàn thờ gia tiên trong nhà để thực hiện việc cúng giỗ vào ngày mất của ông bà, người thân. Nguyễn Đình Chiểu đã viết trong “Lục vân Tiên”:

*Thà đui mà giữ đạo nhà
Còn hơn sáng mắt ông cha không thờ*

Trong xã hội cổ truyền Việt Nam hình thành một hệ tín ngưỡng cho các tầng lớp người trong xã hội, họ đặt niềm tin hiển linh với quan niệm cho rằng có thể lực siêu nhiên (thiên thần, thổ thần, vong linh tổ tiên...) tồn tại ở khắp mọi nơi, trong mọi vật trong nơi cư trú của mình và tin rằng vị trí nhà, hướng nhà, thời giờ lấp dựng nhà... có thể có những tác động, ảnh hưởng đến vận mệnh, sự hưng thịnh, suy vong của người cư ngụ.

Với những ý nghĩa và giá trị tinh thần quan trọng vậy nên trong nhà ở, bàn thờ tổ tiên luôn được dành những vị trí trang trọng nhất, quan niệm của người Việt không chỉ coi trọng yếu tố vị trí bày biện mà còn ở cả thái độ cũng như cung cách ứng xử của các thành viên trong gia đình. Chính vì vậy nếp gia phong truyền thống luôn hiện diện không gian nghi lễ và tâm linh, hướng mọi người đến những giá trị hiếu lễ “uống nước nhớ nguồn”, sống có nhân nghĩa, nuôi dưỡng nhân cách con người. Cúng tổ tiên vào những ngày lễ tết, ngày mừng một và rằm, những khi nhà có việc cần báo cáo tổ tiên như dựng vợ gả chồng, sinh con, đi xa, thi cử... và để tạ ơn.

Gian giữa nhà chính, nơi tôn kính nhất để đặt hệ thống bàn thờ gia tiên và bàn thờ Phật (ở một số gia đình). Tùy điều kiện mà có thêm nhiều hình thức trang trí ở tủ thờ, bài vị và trên các vì kèo, liên ba chạm hoặc khảm cẩn với các loại hoành phi, câu đối treo dọc các cột.



Hình 3.27: Không gian thờ tổ tiên trong nhà ở Bắc Ninh và Phú Hội - Đông Nai



Hình 3.28: Không gian thờ tổ tiên trong nhà ở Bắc Ninh và Phú Hội - Đông Nai
Không gian thờ tổ tiên trong nhà ở truyền thống Thừa Thiên Huế
(Nguồn: tác giả)

Trong nhà ở truyền thống, ngoài không gian thờ cúng tổ tiên còn thờ cúng các vị Thổ Công (thổ thần, thổ địa), thần tài với ý nghĩa để trông nom gia cư, định đoạt phúc họa cho một gia đình, thường đặt ở gian bên trái, người Nam bộ hay đặt bàn thờ sát đất.

3.1.5. Yếu tố sàn, tường, trần

Do điều kiện môi trường, tự nhiên và khí hậu mà các thành tố nội thất ngoài vai trò bao che công trình còn thể hiện sự thích ứng với hoàn cảnh môi sinh thông qua nguồn nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương.

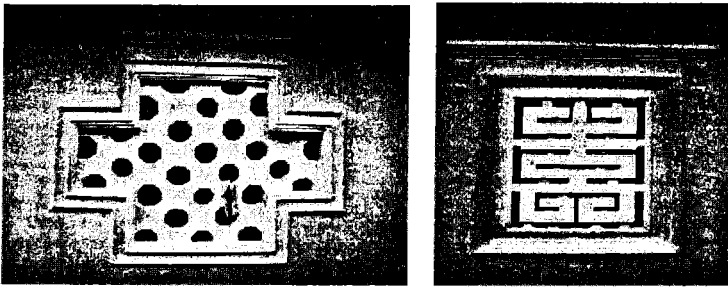
* Sàn: Phần lớn là nền đất nện hay sàn gạch gốm nung, được tôn cao từ một đến vài bậc so với mặt sân để tránh ngập và ẩm ướt. Các ngạch cửa cũng không sát mặt sàn mà luôn có khoảng ở cách mặt đất để tạo sự thông thoáng và không giữ nước, mau khô ráo khi có ngập lụt, thường nằm ở phần chân hệ thống cửa đi mặt trước và các chân vách ngăn buồng trong nhà, đây cũng là dấu tích còn lại của nhà sàn xưa.



Hình 3.29: Sàn đất nện và nền lát gạch với các khoảng hở tạo sự khô thoáng

* Tường: Bao quanh nhà che nắng, mưa, gió rét, được trình bằng đất trộn rơm, đất cắt khuôn thành viên hoặc xây gạch nung có trát vữa cát và vôi tôi, bên ngoài quét ve màu sáng. Ngoài ra những khu vực có đá ong được xây bằng đá ong trát kín mạch có tác dụng giữ ấm về mùa đông và làm mát về mùa hè.

Bên trong ngăn chia bởi các bức vách bằng gỗ ghép tấm hoặc bản rộng kết hợp chi tiết trang trí để làm vách ngăn chia giữa không gian chính và các buồng, trái hai bên.



Hình 3.30: Ô thông gió, lấy sáng kết hợp chi tiết trang trí trên các vách tường đầu hồi nhà (Nguồn: tác giả)



Hình 3.31: Vách ngăn bằng lam gỗ, tường bao quanh gạch trát vữa, tường trình đất, phen liếp bằng tre nửa nhà ở truyền thống làng cổ Đường Lâm

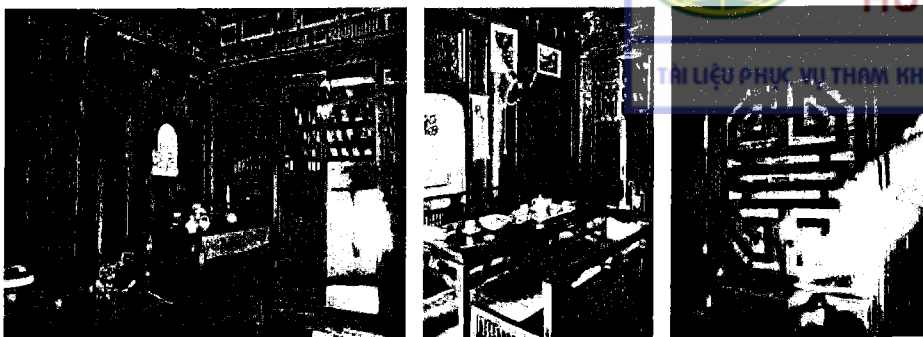


Hình 3.32: Tường vách bao quanh nhà xây bằng gạch, đá ong, đất, liếp tre...

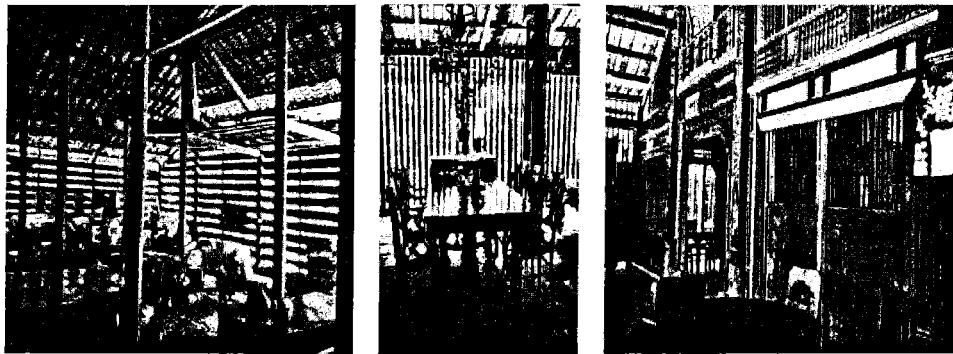
Qua khảo sát ở một số nơi khu vực Trung bộ và Nam Bộ, do điều kiện khí hậu nóng, ẩm ướt mà nhiều nơi các vách ngăn bên trong, vách bao quanh nhà phụ và một số mặt tiền nhà thường làm bằng các hệ thống vách lam gỗ đứng tạo sự thông thoáng và lấy sáng tự nhiên cho sinh hoạt hàng ngày.



Hình 3.33: Hệ thống cửa trước mở hết mặt chính nhà cổ làng Đình Bảng - Bắc Ninh

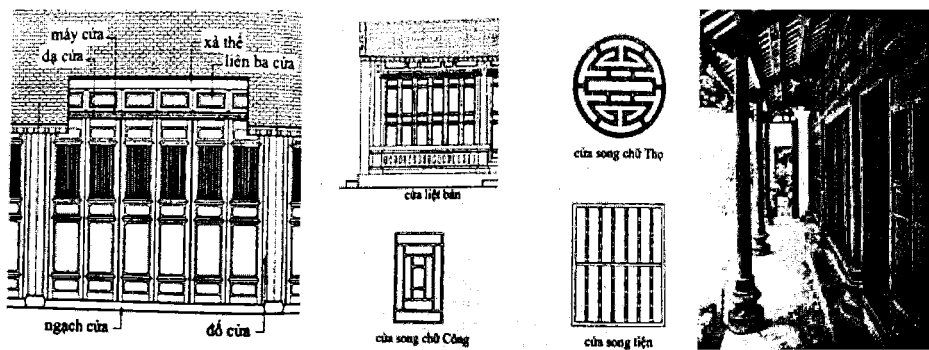


Hình 3.34: Vách ngăn chia không gian các buồng bằng ván gỗ phía trên có hoa văn trang trí và hệ lam cửa tạo sự thông thoáng bên trong nhà



Hình 3.35: Hệ thống cửa vách ngăn có lam tạo thông thoáng nhà ở tỉnh Tiền Giang. Các loại vách ngăn chia buồng trong nhà ở truyền thống Huế

* Hệ thống cửa: Mặt trước nhà là hệ thống cửa đi bằng gỗ tẩm (phía Bắc) hoặc theo kiểu “thượng song hạ bản” phần dưới bản kín để tránh mưa hắt, nắng xiên, phía trên có song hở để tạo dự thông thoáng và lấy sáng tự nhiên ở Trung và Nam Bộ.



Hình 3.36: Hệ thống cửa bằng khoa mở hết mặt tiền nhà rường truyền thống Huế



Hình 3.37: Các loại cửa đi, cửa buồng trong nhà ở truyền thống Huế, Hưng Yên



Hình 3.38: Cửa đi bằng ván bản ở nhà truyền thống xã Hùng An, Hưng Yên

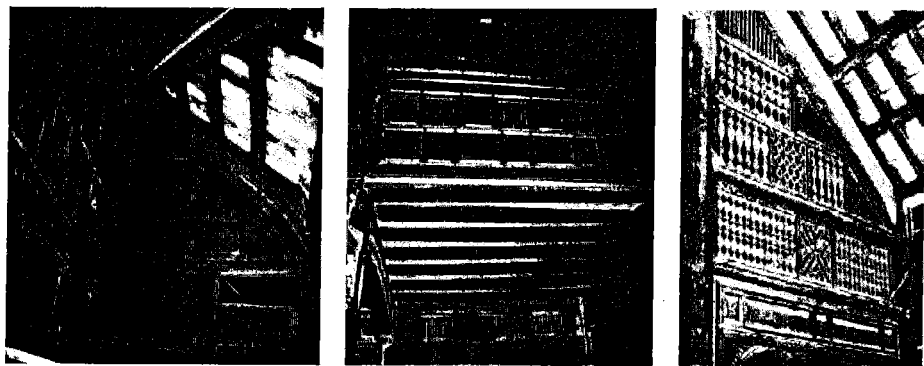
* Trần: Kết cấu nhà khung gỗ phổ biến khắp các miền, trần nhà để nguyên kết cấu khung vì kèo gỗ đặc trưng của các vùng miền với các hình thức trang trí trên dui, mè, cột, các thanh mè đỡ mái được phân chia cân đối đều đặn để lộ phần mái ngói. Nhà ở miền Trung có loại nhà lá mái và nhà rường, phần trần gian trong, gian giữa và gian thờ một số nhà có hạ trần bằng ván suốt theo chiều dài nhà.



Hình 3.39: Trần với khung xà đỡ mái trong nhà ở truyền thống Bắc Ninh



Hình 3.40: Trần khung xà mái, hạ trần ván gỗ khoang giữa nhà ở Thừa Thiên Huế



Hình 3.41: Phân hạ trần với hoa văn trang trí trên liên ba thượng - hạ, liên ba nách trong nhà rường Huế
(Nguồn: tác giả)

3.1.5. Các giải pháp thích ứng với điều kiện khí hậu trong nội ngoại thất

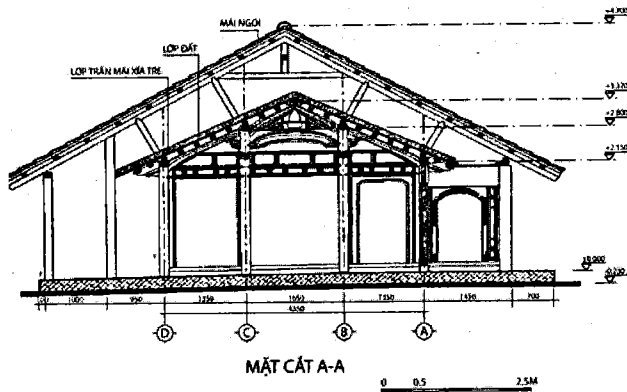
Do đặc điểm khí hậu, chịu sự tác động ấy mà hình thành các hình thức kiến trúc, tổ chức không gian cư trú đặc trưng cho từng vùng, dựa trên nền tảng nhà gỗ khung bền chắc, thoáng mát với không gian đóng, mở linh hoạt, giúp ngăn cản bức xạ mặt trời, đồng thời tránh được gió bão. Kiến trúc hòa hợp với cây xanh, gần kề mặt nước tạo sự thông thoáng, mát mẻ. Để thích ứng với điều kiện môi trường, khí hậu, dân gian đã có nhiều giải pháp thích ứng lưu truyền qua nhiều thế hệ như:

- Hình thành một thức mái riêng phù hợp với khí hậu vành đai nhiệt đới ở nước ta đó là thức hàng hiên và những tấm che chắn nắng, hình thành thức mái và mái hiên qua kinh nghiệm từ nhiều thế hệ và phù hợp với các vùng miền khí hậu.

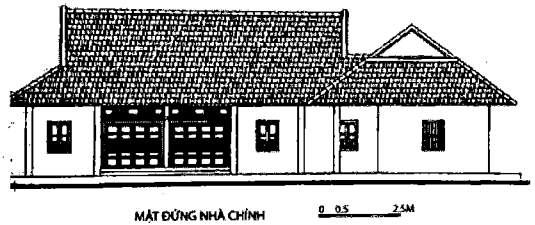
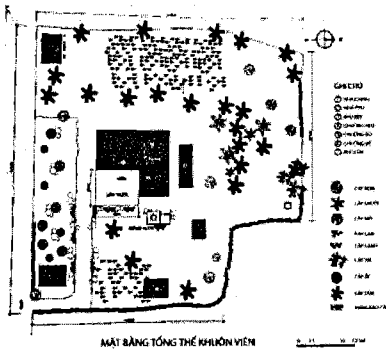
Kiến trúc nhà rường Trung Bộ là một ví dụ, nhà lá mái miền Trung có những đặc điểm chống nắng nóng như tường trình dày giữ nhiệt độ nhà ổn định, nhất là những phía tường trực tiếp hấp nắng chiều, mái nhà đua rộng và thấp che cho một phần tường tránh bị nắng nung và mưa sỏi mòn, phần tường giáp mái và ở hai nóc hồi thường chừa những khoảng trống hẹp hay ô thông để làm nơi thông thoát khí nóng và ẩm ướt.

Nhà lá mái Trung Bộ có kiến trúc đặc biệt với khả năng chế ngự, che chắn chống gió phơn (gió Lào) nóng Trường Sơn thổi tứ hướng Tây và Tây Nam. Những ngôi nhà nhỏ gọn, chắc chắn, thấp bám sát mặt đất để đương đầu với gió bão, nắng nóng.

* Nhà lá mái: Đất sét dùng làm mái, một lớp đất được đổ trên rui mè, sau lớp 1 lớp mái gói lên trên (dày trên dưới 30cm), làm thành một cái vỏ chống nóng và chống cháy cao.



a) Mặt cắt cấu trúc nhà lá mái



b)

Hình 3.42: Mặt bằng và mặt cắt một nhà lá mái điển hình Vùng Bình Định
(Nguồn: tài liệu của Cục Di sản VH bộ VHTT)

Nhà mở cửa về hướng Đông hay Đông Nam, phía trước được che chắn bởi hàng cây xanh, mặt hồ ao nước tạo không gian thoáng và làm ẩm không khí vào những ngày khô nóng. Tường bốn mặt nhà đắp đất dày dặn, cửa đi cửa sổ sâu theo chiều dày tường, đầu hồi hướng có gió nóng thường được xây kín. Mái nặng chít thêm vôi vữa hoặc chặn đá nặng lên nóc, hơi tối do vậy mặt nhà quay về hướng Nam và Đông có nhiều ánh sáng để sáng hơn. Mái có độ dốc cao để thoát nước nhanh. Tường vừa bảo vệ, ngăn chia không gian, vừa cách nhiệt, nhất là hướng Tây và có những giải pháp trang trí kết hợp với cách nhiệt điều tiết khí hậu.

Cửa đi, cửa sổ các loại có kích thước và cách bố trí khác nhau ở các vùng miền địa phương, ví dụ Nam Bộ chỉ thông gió và chống nắng thì ở phía Bắc phải kín để chống gió lạnh về mùa đông, cửa mở tránh hướng Bắc, không bố trí cửa thẳng nhau để tránh gió lùa và gió lạnh mùa đông có hại cho sức khỏe.

Cửa đi có cánh ván ghép, cánh khung ván lùa, cánh trên song dưới bản... trên khung cửa có chấn song hình con tiện tạo sự thông thoáng, ngăn nắng chói mà vẫn lấy sáng vào nhà. Mặt trước nhà có hàng hiên tạo không gian đệm nối tiếp giữa không gian trong và ngoài, dùng màn hoặc dàn cây che nắng tạo bóng mát, giảm bức xạ.



Hình 3.43: Các hình thức màn, tầm đại, dàn cây tạo bóng mát trước nhà ở Bắc Bộ
(Nguồn: tác giả)

- Tận dụng thông gió tự nhiên trong nội thất bằng các giải pháp hút gió trong nhà thông qua hiên, sân trong và phòng sinh hoạt chung.

- Cây xanh: Từ xưa, cây xanh đóng vai trò làm đẹp cảnh quan và điều hòa nhiệt độ không khí, ngăn cản tia nắng, tạo bóng mát cho công trình, chắn bụi, tiếng ồn, tạo vẻ mỹ quan, tạo sự kín đáo cho nội, ngoại thất ngôi nhà.

Như vậy, những nội dung nêu trên cho thấy sự chi phối rất lớn của môi trường thiên nhiên trong nhà ở. Khi tạo dựng không gian cư trú toàn bộ kết cấu, kiến trúc, giải pháp, hình thức... ngôi nhà đều gắn với việc ứng phó thích ứng điều kiện khí hậu và môi trường thiên nhiên, tạo môi liên hệ hữu cơ chặt chẽ.

3.2. Đồ đạc nội thất

3.2.1. Chức năng sử dụng, cấu tạo

Đồ đạc trong nhà ở truyền thống chủ yếu phục vụ cho các nhóm chức năng trong sinh hoạt thường ngày của con người:

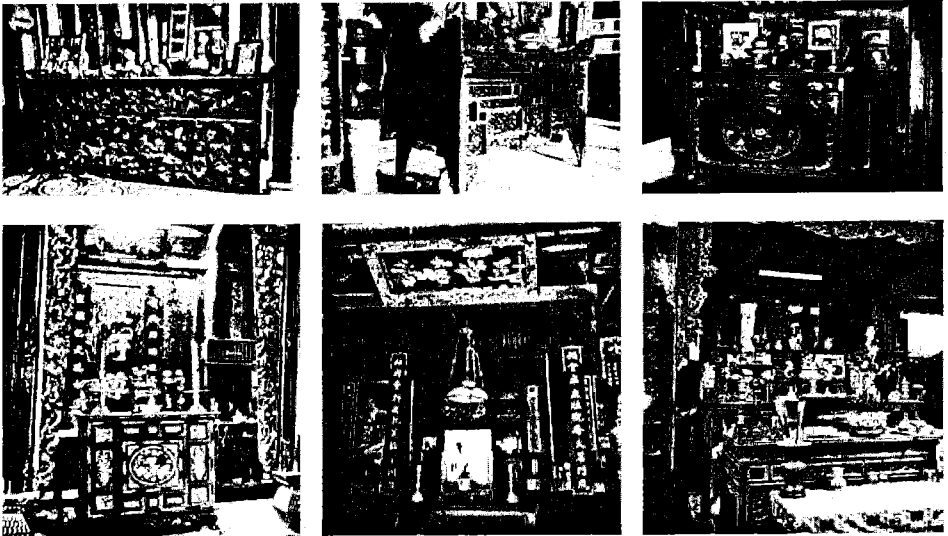
- Chức năng thờ cúng, tâm linh: gồm các tủ thờ, bàn hương án, liễn, hoành phi câu đối;

- Chức năng tiếp khách: bàn ghế, sập gụ, tủ chè;

- Chức năng chứa đựng: rương, tủ thấp, tủ đứng;

- Chức năng ngủ nghỉ: giường, phản, ghế, đôn...

Cấu tạo đồ đạc kết cấu, chịu lực chủ yếu bằng cách lắp ghép qua các rui, mộng với kỹ thuật gia công đục, bào, cùn ộp các chi tiết trang trí, sau đó đánh bóng và sơn dầu bóng hoặc phủ lớp vec ni.



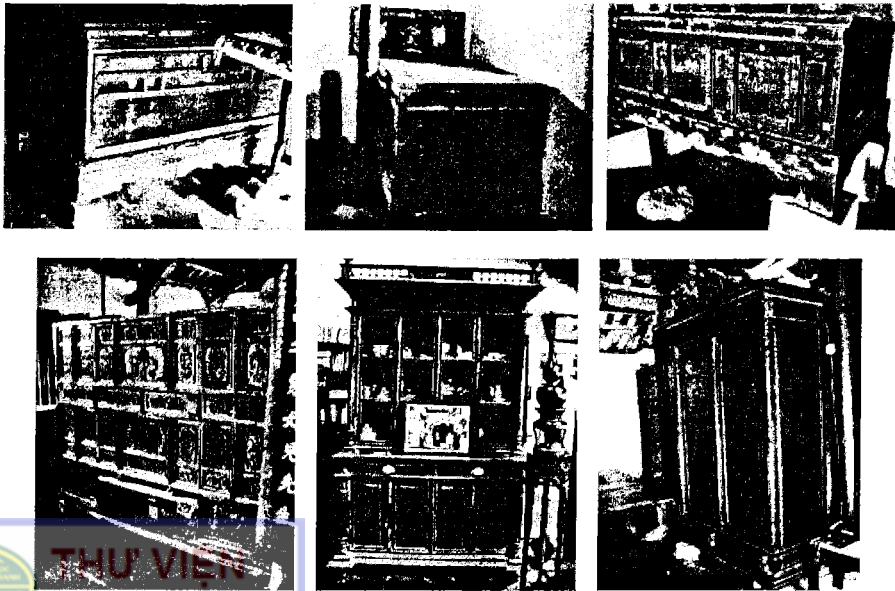
Hình 3.44: Không gian tâm linh đồ đạc tủ thờ, hương án, liễn, hoành phi... 3 miền



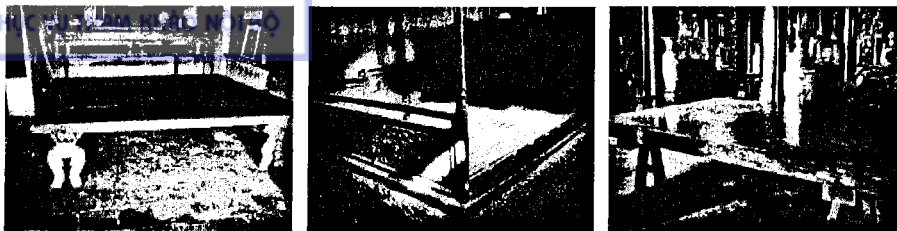
Hình 3.45: Không gian tiếp khách: các loại bàn ghế trường kỷ, sập gụ, tủ chè...



Hình 3.46: Đồ chứa đựng: rương, hòm, các loại tủ thấp, tủ đứng ở Bắc, Trung Bộ



Hình 3.47: Tủ với hoa văn trang trí cầu kỳ của các công chúa thời Nguyễn - Huế



Hình 3.48: Một số loại phản, giường ngủ ở Bắc Ninh, Huế, Đồng Nai, Tiền Giang



*Hình 3.49: Một số loại phản, giường ngủ ở Bắc Ninh, Huế, Đồng Nai, Tiền Giang
(Nguồn: tác giả)*

3.2.2. Kiểu dáng

Tùy theo điều kiện kinh tế, do sự phân tầng giai cấp nhà nghèo, nhà thường dân, nhà giàu hay do đặc điểm nhà ở có tính chất nhà thờ phụng mà kiểu dáng đồ đạc có hình thức đơn giản hay cầu kỳ, phức tạp. Một số nhà ở (dành cho quan lại, con cháu vua chúa trong các phủ đệ, ở Thừa Thiên Huế) do được vua ban có một số quy định về quy mô, kiểu dáng và hình thức mô típ trang trí riêng (có hoa văn rồng, phượng), xong dù ở hình thức nào thì nổi trội vẫn là:

- Tính thống nhất và đồng bộ về kiểu dáng, vật liệu, trình độ kỹ thuật đạt mức độ tinh xảo khéo léo... giữa đồ đạc với hình thức kết cấu khung gỗ của không gian kiến trúc, giữa tính đồng bộ trong mỗi bộ sản phẩm trong một ngôi nhà, một phần bởi được làm từ cùng một hội nhóm, phường mộc chịu trách nhiệm lĩnh thầu xây dựng công trình, phần nhà sẽ xây dựng trước sau đó tiếp tục phần trang trí và đồ đạc. Sau khi xây dựng nhà xong, có thể kéo dài đến vài ba năm mới hoàn tất phần trang trí bề mặt kiến trúc và đồ đạc.



Hình 3.50: Nội thất đồng bộ do cùng phường mộc thi công trong các nhà ở truyền thống Phú Hội - Đồng Nai, Chợ Gạo - Tiền Giang, Đình Bảng - Bắc Ninh

- Tính tiện dụng, đa năng: Người Việt Nam với điều kiện địa lý, lối sống và thói quen sử dụng thuận tiện cho hoạt động nông nghiệp, với cách sống

và ứng xử linh hoạt trong mọi hoàn cảnh, chịu cực chịu khó, nên trong môi trường sống cũng linh hoạt, hài hòa, dễ dãi với ngôi nhà vừa là nơi ở vừa là nơi sản xuất tăng gia... do vậy không gian và đồ dùng luôn đa chức năng, vừa tiện dụng vừa tiết kiệm. Ngôi nhà truyền thống người Việt là ví dụ điển hình về không gian đa năng.

Linh hoạt và “nhân thể, một công đôi ba việc” là thói quen phổ biến trong cách nghĩ và cách làm của con người Việt Nam. Không gian đa năng cũng chứa đựng những đồ đạc dù đơn giản nhưng rất đa năng. Một đồ đạc quen thuộc với mọi người là chiếc Võng dùng để nằm, ngồi, làm võng cứu thương, làm nôi em bé, có thể đặt để trong nhà, ngoài sân vườn, ngoài đồng ruộng... Trong cuộc sống người Việt Nam chúng ta còn rất nhiều loại đồ đạc đa năng như chiếc võng như chõng tre, phàn, chiếu

3.2.3. Vật liệu, hình thức trang trí

Vật liệu làm đồ đạc chủ yếu là các loại gỗ quý như lim, chắc, gụ, có độ bền vững và nổi vân, có cấn xà cừ, đá... ở nhà có điều kiện, nhà dân thường dùng các gỗ xoan, mít, mây tre...



Hình 3.51: Vân và màu sắc tự nhiên của gỗ hoặc phủ lớp vecni, sơn son thếp vàng



Hình 3.52: Họa tiết trang trí trên thành ghế trường kỷ, sập gu, mặt tủ thờ bằng gỗ

Đồ đạc sau khi đóng xong thường được đánh bóng và phủ ngoài bằng lớp vec - ni để giữ nguyên màu và thớ vân tự nhiên của mỗi loại gỗ.

3.3. Nghệ thuật trang trí, sắp đặt

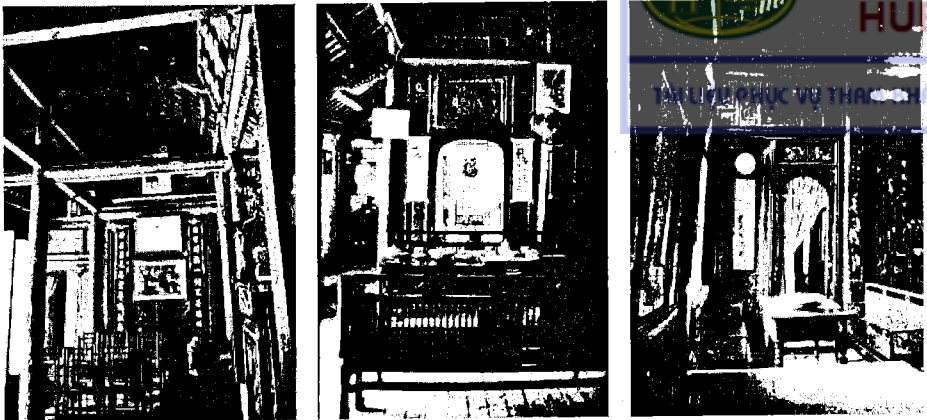
3.3.1. Hình thức trang trí, bày biện, sắp đặt

Người Việt xưa với bàn tay khéo léo và óc thẩm mỹ, từ quá trình tích góp lâu dài để xây dựng nhà cửa đã không ngần ngại bỏ nhiều công sức, tiền của, thời gian vào việc trang trí cho ngôi nhà nhằm nâng cao giá trị, hình thức cũng như vẻ đẹp, sự bề thế của ngôi nhà cho gia đình và nhiều đời con cháu về sau.

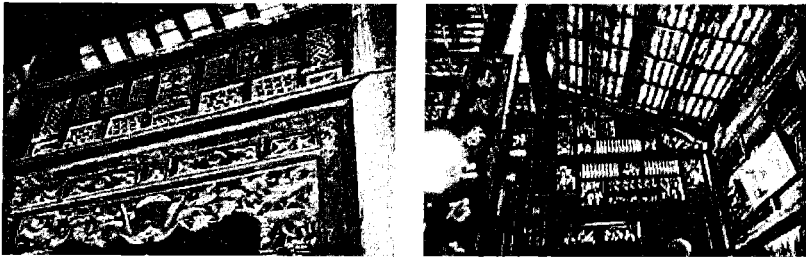
Các chi tiết trang trí được thể hiện trên các cấu kiện kiến trúc như vì kèo, cột, trần, vách ngăn, tường, hệ thống cửa đi, cửa sổ, đồ đạc, tranh tượng, đồ vật trang trí nội thất khác.



Hình 3.53: Trang trí mặt tiền nhà ở làng Đông Long, Hùng An, Hưng Yên (1916)



Hình 3.54: Trang trí trên vách ngăn nhà cổ truyền thống Bắc - Trung - Nam

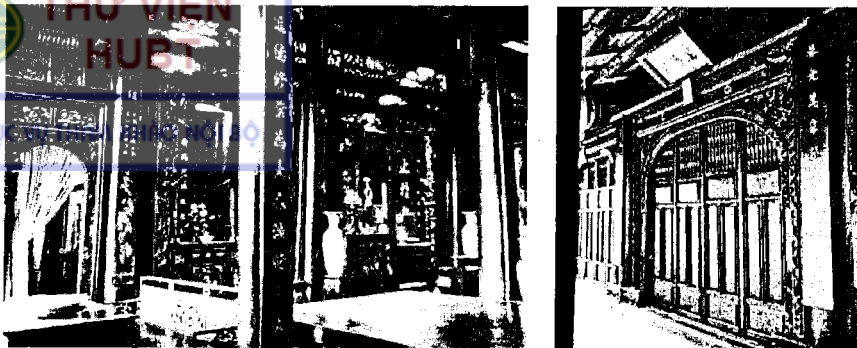


*Hình 3.55: Hoa văn kỹ hà trên vách ngăn trong nhà cổ Đồng Nai
(Nguồn: tác giả)*

Trang trí trên gạch rất thường gặp ở loại gạch lát nền, ốp tường, chủ đề chính là dạng hoa cúc, hoa chanh, những trang trí hoa dây hình sin, hình chữ đinh, mảnh vẩy rồng hay râu rồng men xanh, vàng. Về nghệ thuật, các viên gạch được trang trí công phu trong bố cục cũng như họa tiết, hình tượng. Cách thức liên kết, phối hợp các viên gạch với nhau qua mạch vữa ghép nổi trong quá trình thi công cũng tạo nên tạo hiệu quả thẩm mỹ cao.

Các họa tiết hoa văn trang trí dân tộc được sử dụng phổ biến lấy từ trong kho tàng trang trí dân gian Việt Nam có chủ đề như chim Hạc, họa tiết trống đồng, hoa sen, chữ Thọ, các hình kỹ hà, hồi văn, hoa văn rồng, vân mây, hoa lá cách điệu... các chi tiết trang trí ở các vì kèo, kẻ hiên, các bộ phận này được soi gờ chạy chỉ, gắn thêm các họa tiết chạm lõng được thể hiện giống nhau về sự tinh tế, khéo tay, tỉ mỉ nhưng cách thức vận dụng có những sự khác biệt theo đặc trưng văn hóa, kiến trúc từng vùng miền.

Các họa tiết trang trí này cũng được thể hiện trên đồ đạc, trong nội thất như hoành phi, bức chướng, sập gụ tủ chè, bộ bàn ghế tiếp khách, tủ áo, ô thông gió...

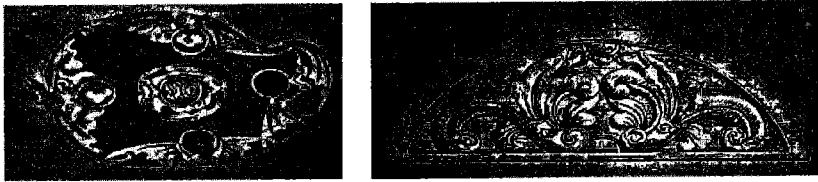


Hình 3.56: Trang trí các diện vách, đồ đạc cửa đi trong nhà cổ Đồng Nai

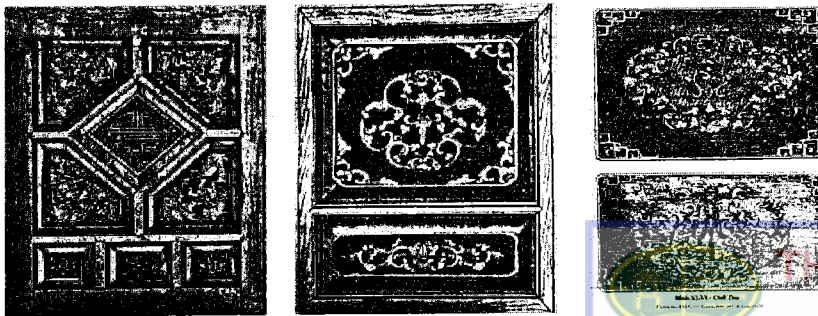
3.3.2. Các mô típ trang trí

Hoa văn trang trí kiến trúc truyền thống chịu ảnh hưởng đậm nét về hệ thống quan niệm về thế giới, nhân sinh, tư tưởng, thẩm mỹ của Nho giáo. Tùy theo vị trí, điều kiện kinh tế trong xã hội và khiếu thẩm mỹ của chủ nhân, hoa văn được dùng trong trang trí rất đa dạng, khai thác các họa tiết, mô típ trang trí dân gian trên các thành phần kiến trúc và đồ đạc nội thất truyền thống bao gồm:

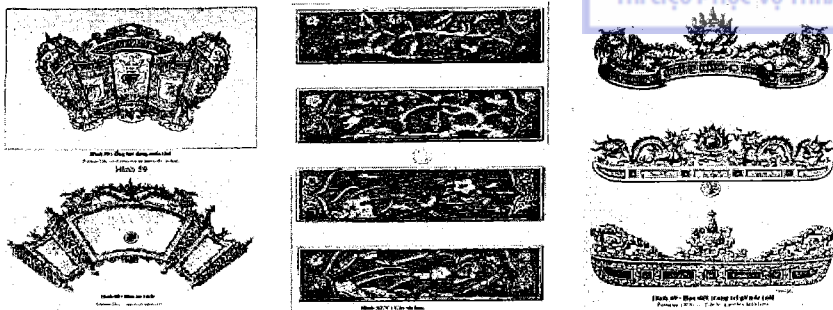
- Hoa lá quả: Hoa mai, lan, cúc, trúc; quả lựu, đào, phật thủ, quả thị, măng cầu, trúc, tùng v.v...
- Con vật thiêng: Rồng, lân, dơi v.v...



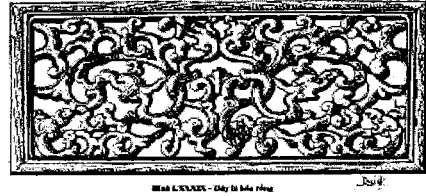
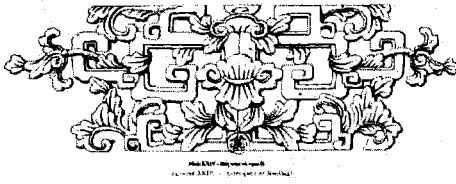
Hình 3.57: Họa tiết, trang trí dân gian trên kiến trúc và đồ đạc nội thất



Hình 3.58: Chữ thọ kết hợp cách điệu hoa lá, hình rồng trên cuốn thư, diềm mái



Hình 3.59: Hội văn kết hợp hoa lá dùng làm nền trong trang trí kiến trúc, nội thất



Hình 3.60: Hồi văn kết hợp hoa lá dùng làm nền trong trang trí kiến trúc, nội thất
 Nguồn: B.A.V.H, [33]

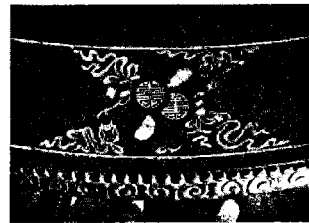
- Chữ: Chữ vạn kết hợp hoa mai, chữ thọ cách điệu kết hợp hình lá, mô típ chữ thọ và chữ vạn được trang trí phổ biến trên cấu kiện đòn tay, chữ vạn thường được liên kết thêm nhiều chữ liền nhau, có điểm xuyên thêm họa tiết hoa lá, tạo cho bố cục trở nên sinh động. Riêng chữ thọ được bố trí một chữ ở dạng hình tròn hoặc vuông kết hợp xung quanh những đám mây hoặc dây hoa lá tạo cho bố cục chuyển động và mềm mại.

- Mây thường đi đôi với mưa “Mây - mưa” biểu trưng cho sự tốt lành, sự sinh trưởng, xanh tốt cho cây trồng, là con người cầu mong cho mưa thuận gió hòa.

- Thể loại tranh trang trí đề tài phong cảnh: Chủ đề từ thiên nhiên và hình ảnh cuộc sống hiện thực của xã hội, những quan niệm về vũ trụ, thiên nhiên mang đậm nét thẩm mỹ dân gian.

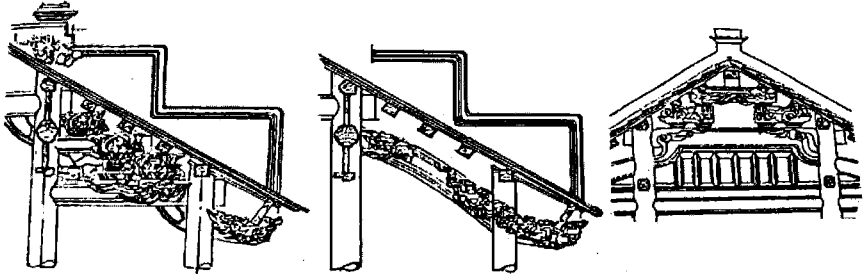
- Kiểu thức trang trí hình kỷ hà: Là những đường thẳng gấp khúc dài ngắn khác nhau có một bố cục đăng đối, thuận mắt, có lúc được kết hợp lồng ghép thêm với mô típ hoa lá tạo bố cục biến dị và thay đổi sinh động.

- Tứ linh - hổ phù: Rồng, phụng, lân, rùa, hổ phù... theo quy định chỉ triều đình được ban cho trong các thân tộc, hoàng triều, phủ, đệ hoặc nhà quan quyền mới được sử dụng những loại hoa văn này.



Hình 3.61: Chạm khắc hình rồng phượng, chữ thọ trên bàn ăn phủ thờ Công Chúa Ngọc Sơn - Huế
 (Nguồn: tác giả)

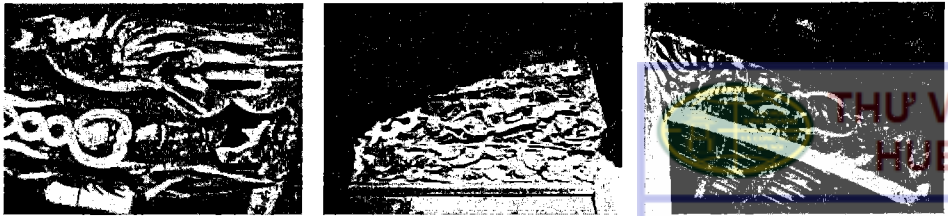
- Kiến trúc mang tính biểu tượng, ẩn dụ, thể hiện nhiều hình tượng nghệ thuật. Hình thức và nội dung thấm tính triết lý (quan điểm triết học Phương Đông).



Hình 3.62: Các chi tiết trang trí trên kẻ hiên nhà vùng nông thôn Bắc bộ
(Nguồn: theo “Kiến trúc Việt Nam qua các thời đại”, NXB Xây Dựng)



Hình 3.63: Các hoa văn chạm khắc trên đầu cột, vì kèo, đồ đạc
(Nguồn: tác giả)



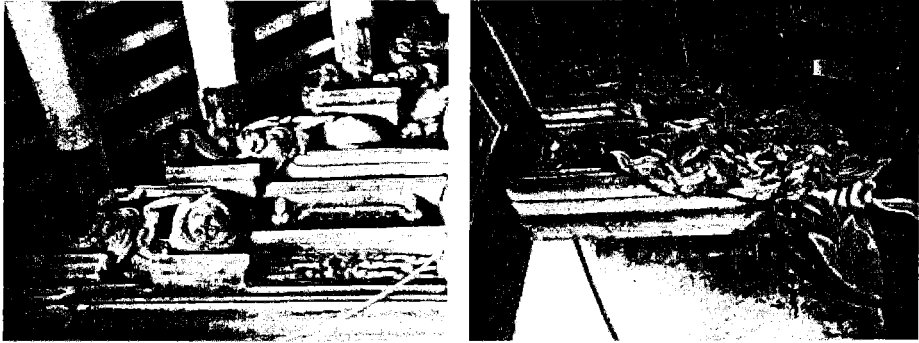
Hình 3.64: Hoa văn rồng phượng chạm lõng tinh xảo trên vì kèo Đình Bảng, B.Ninh



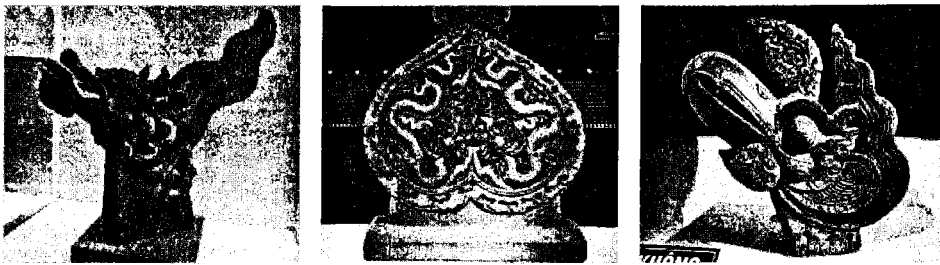
Hình 3.65: Hoa văn hoa lá, vân mây cách điệu trên cửa, vì, cột gỗ ở nhà rường Huế
(Nguồn: tác giả)

3.3.3. Tính biểu tượng, ẩn dụ

- Khai thác tính tượng trưng, tính biểu tượng, lối diễn tả ẩn dụ, cách điệu của các đề tài trang trí truyền thống vào các hình thức trang trí trên các diện tường, trần và đồ đạc nội thất.



Hình 3.66: Mô típ hoa văn cách điệu giàu tính biểu tượng trên các đầu xà, cột nhà



Hình 3.67: Biểu tượng rồng, phượng trên gốm trang trí Hoàng thành Thăng Long
(Nguồn: tác giả)

3.4. Màu sắc, ánh sáng

Màu sắc trong kiến trúc truyền thống chủ yếu là màu sắc của vật liệu tự nhiên như màu nâu của gỗ, ghi xám của đá ốp, vàng đỏ của gạch gốm, trắng ngà của vôi vữa, xanh lá của cây cối thiên nhiên... các màu sắc chủ yếu tổng hợp đều có nguồn gốc tự nhiên nên công trình rất hài hòa với môi trường cảnh quan xung quanh. Như vậy, màu sắc công trình chính là màu sắc của vật liệu, đây cũng là một đặc trưng của kiến trúc truyền thống. Màu sắc bên ngoài vật liệu của các thành tố kiến trúc và đồ đạc chính là sắc màu của nội ngoại thất.

Màu sắc dân gian truyền thống hay đặc trưng phương Đông dựa trên trục vàng - đỏ, đúng hơn là hài hòa nhờ đối lập giữa vàng và đỏ. Tuy vậy, màu

sắc của nội thất sẽ chịu ảnh hưởng thêm của yếu tố đồ đạc cũng như sự gia giảm sắc độ tùy theo mức độ nhận sáng của không gian nội thất, như tăng độ sáng của màu ở những khu vực ít ánh sáng, giảm cường độ màu ở những vùng nhận nhiều ánh sáng.



Hình 3.68: Màu sắc công trình chính là màu sắc của vật liệu



Hình 3.69: Màu vật liệu gỗ làm nổi bật công trình

Nội thất truyền thống sử dụng màu sắc phù hợp với kiến trúc ngôi nhà, làm nổi bật các thành phần kiến trúc như cột, cửa, gờ trang trí trên mặt tường... tường trong và ngoài nhà thường quét vôi màu trắng sáng để phản xạ nhiệt từ ánh nắng mặt trời.

3.5. Vật liệu

Vật liệu hoàn thiện đóng vai trò rất quan trọng, tạo vẻ đẹp thẩm mỹ cho các bộ phận và không gian trong công trình kiến trúc, đáp ứng cảm giác tâm lý cũng như sự thụ cảm thẩm mỹ của con người. Như vậy yếu tố vật liệu đóng vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thẩm mỹ, tạo vẻ đẹp hoàn thiện cho nội ngoại thất công trình.

3.5.1. Vật liệu trong kiến trúc truyền thống

Trong kiến trúc truyền thống, một số vật liệu như gỗ, tre nứa, gôm, kim loại... đã được khai thác sử dụng từ rất lâu đời, vừa làm vật liệu cho kết cấu vừa là vật liệu hoàn thiện cho công trình kiến trúc.



THƯ VIỆN
HUBT

THƯ VIỆN QUỐC GIA KIẾN TRÚC NỘI THẤT

* Vật liệu gỗ

Vật liệu gỗ, do tính năng mềm, bền chắc của nó, đồng thời cũng là vật liệu dễ tìm. Khảo cổ đã phát hiện thành phần gỗ của kiến trúc nhà ở tại di chỉ Đông Sơn gồm những cột nhà, rui tre, những thanh gỗ đẽo vạc thô sơ, nhiều cột gỗ dựng đứng trên nền đất có tỉ lệ khác nhau (được phỏng đoán như chân của cột nhà sàn phối hợp trong một vì nhà). Kỹ thuật liên kết chủ yếu là lạt buộc, con sỏ, mộng xuyên lỗ, mộng ngoãm, gòm ngoãm tự nhiên (chạc cây), ngoãm nhân tạo (vết cản ở thân cột để thắt thêm một đoạn gỗ)⁴.

Như vậy, gỗ là thành phần cơ bản trong kiến trúc nhà ở truyền thống. Gỗ được chia thành nhiều loại: xoan, đỉnh, lim, sến, táu... có độ bền, chống mối mọt, mục nát của thiên nhiên nhiệt đới. Vì kèo chông rường phù hợp với loại gỗ xoan; gỗ lim, táu hợp với các cột cái, cột quân, cột hiên và bẩy đỡ vì tính năng to chắc và tính chịu lực của nó. Rui mè sử dụng loại gỗ mỏng hơn, thậm chí dùng tre, nứa (đã được ngâm tẩm). Các công trình kiến trúc cổ đều làm bằng gỗ lim có thể chịu đựng khí hậu nhiệt đới qua nhiều thế kỷ. Loại cột có đường kính to nhất 70 - 80cm được coi là tiêu chuẩn chung của cột đình làng.



Hình 3.70: Vật liệu gỗ, tre nứa sử dụng chính trong không gian nhà, đồ đạc

Ở vùng núi, người dân sử dụng chủ yếu là tre, vừa làm khung nhà, vừa làm phen giậu che chắn. Tận dụng các thành phần của cây tre để làm nhà còn là một nghệ thuật trong kỹ thuật lắp dựng và chống mối mọt.

Ở các vùng đồng bằng phía Bắc, người Việt có diện tích và không gian rộng nhưng lại hiếm vật liệu làm nhà hơn ở những vùng rừng núi do vậy phải sử dụng chủ yếu là tre, xoan. Tục ngữ có câu: “Làm nhà gỗ xoan, làm quan tiến sĩ”. Muốn làm nhà phải có trăm tre hay xoan được ngâm dưới

⁴ Theo Tạ Hoàng Vân “Vật liệu trong kiến trúc cổ Việt Nam”

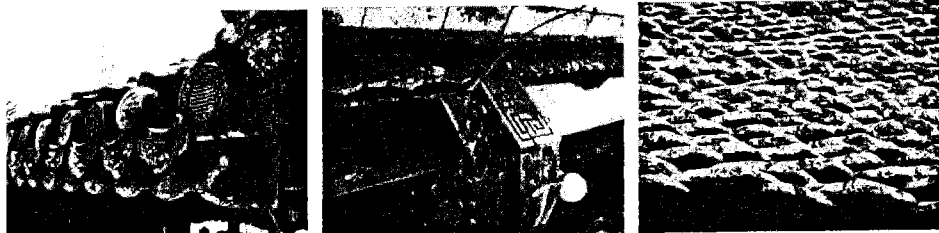
nước trước. Tận dụng các thành phần của cây tre để làm khung nhà, mái, vừa làm phen giậu che chắn với nhiều kinh nghiệm về kỹ thuật lắp dựng và chống mối mọt. Ngoài việc ngâm tre trong nước khoảng một năm, người dân còn hun khói cho bền, chống mối. Hộ nhà tre dùng làm đòn tay, rui mè, chọn những thanh đều dóng (vừa có sức bền vừa đẹp). Trong kết cấu bộ khung nhà, bương vầu làm cột nhà vì thân to dày, đốt ngắn chịu sức nén khoẻ; tre đặng ngà làm đòn tay vì thân đặc, dẻo dai chịu sức kéo tốt; mai: thẳng và dày dùng làm sàn nhà; nứa: mỏng hơn đập dập làm phen vách nhà.

3.5.2. Vật liệu gạch, ngói

Kỹ thuật chế tác sản phẩm làm từ đất nung ngày càng cao thì kỹ thuật xây dựng của người Việt càng trở nên hoàn thiện, đồ đất nung đã đóng góp một phần quan trọng về vật liệu trong kiến trúc truyền thống Việt Nam.

Đồ đất nung gồm những vật liệu làm từ đất, được chế biến và tạo thành phẩm khi qua lửa, có độ bền lớn và khả năng tồn tại lâu dài, được phân chia thành 2 loại chính: gạch xây tường (gồm cả gạch lát nền): gạch hoa, gạch trở thủng, gạch chạm nổi; và ngói: ngói bản, ngói âm dương, ngói mũi hài/ vảy cá/ vảy rồng...

Ngói là vật liệu tạo nên bộ mái, phần bao bọc quan trọng nhất của công trình. Trước thế kỷ thứ X, phổ biến nhất là loại ngói ống, gồm 2 phần: phần dương (ngói ống) có hình ống tre hay ống nứa bỏ đôi và ngói âm (ngói bản) hình lòng máng. Khi lợp, phần ngói ống úp xuống móc khớp với phần ngói bản lật ngửa. Loại ngói này còn có hai phần phụ, được sử dụng nhiều ở hàng ngói lợp hiên: đầu ngói và yếm ngói. Kết thúc hàng ngói ống là đầu ngói hình bán viên hay hình tròn. Kết thúc với hàng ngói bản lợp hiên là yếm ngói gắn với hình tam giác. Đầu ngói ống được trang trí công phu hình hoa sen, dây cúc, mặt hê... Ngói mũi hài/ ngói mũi sen/ ngói det/ ngói bản có tráng men màu, lợp trên mái trông như sóng gợn hoặc lớp vảy rồng/ vảy cá.



Hình 3.71: Đầu, yếm ngói, mái ngói và chi tiết trang trí diềm mái, kèo hiên nhà cổ

Những miền không được thiên nhiên ưu đãi, người ta dùng đất trộn rơm, trấu để trát vách làm tường nhà hay hàng rào quanh vườn ở thôn quê. Đất lấy từ đồng ruộng, ao vườn trong khuôn viên sống, trộn với trấu, pha nước, nhào bằng chân hay để trấu dầm nát rồi theo khuôn gỗ đập từng lớp theo chiều dài của tường. Những ngôi nhà ở châu thổ Bắc Bộ có mặt tường trong nhẵn, quét vôi trắng, cùng với nhà bằng đất, có nơi lán một lượt vữa bằng vôi sò dưới mái rơm dày trên dưới 30cm, chống lại cái nóng bức của mùa hè và chống cháy rất hiệu quả. Vùng Nam Bộ, đất sét được dùng làm mái nhà, một lớp đất được đổ trên rui mè, rồi mới lợp một lớp mái gồi lên trên (dày trên dưới 30 cm), làm thành một cái vỏ chống cháy, chống nóng cao.

3.5.3. Vật liệu Đá

Đá là loại vật liệu thô sơ nguyên thủy đầu tiên được loài người sử dụng. Thời Lê sơ đã sử dụng một số chân tảng đá của thời Lý - Trần để xây dựng một nền móng khác (trong Hậu Lâu khu vực thành Hà Nội). Đặc trưng của chân tảng là hình khối vuông, giạt 2 cấp: cấp mặt tảng tròn, chung quanh chạm 16 cánh sen thon dài và cấp bệ tảng hình vuông để trơn. Chất liệu chính là loại đá cát màu xám hoặc đá có màu trắng phấn. Ngoài ra, loại vật liệu đá còn dùng ở bộ phận làm hai cối công, có lỗ mộng tròn.

Đá được sử dụng nhiều trong tạo tác các vật linh hoặc các tượng thờ, với những hình bờm lượn sóng, đuôi uốn lượn mềm mại, trở thành những hình tượng sinh động. Đá sử dụng nhiều ở các công trình cộng đồng dân gian, điển hình là cầu, loại hình kiến trúc độc đáo có tính bền vững, có giá trị thẩm mỹ cao. Đá được sử dụng trong các bộ phận hay công trình cụ thể như bậc thềm, chân tảng, cột, mi cửa hay công trình có quy mô lớn là toà thành.



Hình 3.72: Chân cột, bậc thềm, tượng bằng đá trong nhà ở truyền thống Huế

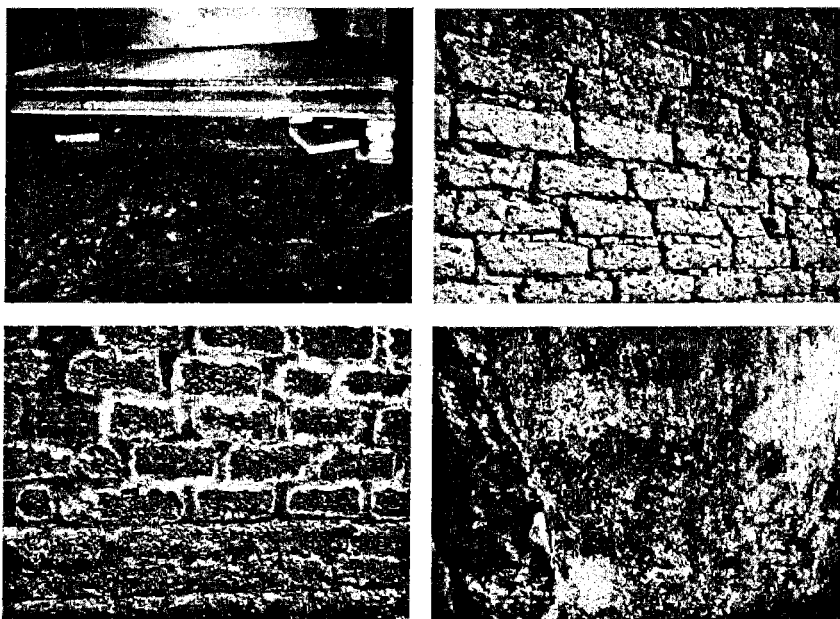
Đá phong phú về chủng loại: đá vôi, đá ong, đá xám... nhưng được ưa chuộng nhất vẫn là loại đá xanh làm chân tảng, bệ thờ. Dân gian ưa đá ong vì tính năng mềm, dễ tạo dáng, có khả năng chống chọi với thiên nhiên, dùng để xây móng đình đền chùa, làm tường nhà, cổng nhà, thậm chí còn sử dụng trực tiếp trong việc xây nhà. Đá ong dễ tạo được thẩm mỹ chung cho công trình, không cần đến một loại vật liệu phụ nào bao che bên ngoài, tự thân nó đã toát lên vẻ đẹp qua thời gian. Những lăng mộ ở các tỉnh phía Nam được xây khá nhiều bằng đá ong, cắt gọt theo những hình trang trí dân gian, kết hợp khéo léo với vật liệu đá vôi sắc cạnh, nhẵn mặt và chạm gờ chỉ, hoa lá. Loại đá này nằm dọc vùng biển miền Trung Bộ cũng được sử dụng xây tường. Khi còn ở dưới đất, đá mềm có thể dùng mai sắc ra, gặp không khí nó trở nên rắn chắc. Những ngôi nhà dân gian, các công trình tôn giáo ở Bắc Bộ là nơi ta bắt gặp nhiều nhất dạng đá này. Thành Sơn Tây xây thời Nguyễn được ốp bằng đá ong. Lăng Nguyễn Diễm ở Bắc Ninh xây toàn bằng đá ong màu nâu thẫm.

Đá được dùng khá phổ biến để kê chân cột ở các công trình kiến trúc. Các chân đá tảng phổ biến là hình khối hộp vuông chạm hoa sen. Trong các công trình kiến trúc tôn giáo, ngoài việc làm chân kê nó còn được dùng làm cột. Các lan can vịn, bậc cấp cũng được làm bằng đá (thời Lý). Đá được gia công thành nhiều kiểu loại khác nhau. Đá bó nền tháp, khối hình chữ nhật hoặc chòm tháp năm cạnh, hai tầng trong lõm vát hình vòng cung. Đá bó bậc lên xuống, hình hộp chữ nhật, hình thang vuông có chạm sóng nước. Tay vịn thành bậc hình thang vuông chạm tiên nữ dáng hoa. Đá ghép tường tháp gồm các loại hình vuông, hình hộp, hình tròn, hình lá đề, mặt ngoài có trang trí, mặt trong có chuôi hoặc thân gia công qua loa để gắn với thân tháp. Đá ghép cửa tháp, như mi cửa, trụ cửa, chân, thân cửa, mặt trên cửa cuốn có nhiều dáng: hình hộp, hình vành khăn, hoặc kết hợp với nhau tạo vòm cửa được uốn cong. Các loại đầu đỡ xà cũng có đuôi gắn vào thân tháp, mặt trên tạc liền khối các hình tượng chim thần, nữ thần chim hoặc đầu rồng ngậm đầu.

3.5.4. Vật liệu sơn vôi

Sơn, vôi ở các công trình kiến trúc cổ, được sử dụng có phần hạn chế. Người ta dùng ngay màu sắc tự thân của vật liệu. Ví như mái thì tận dụng màu đỏ của ngói; các hàng chân cột để nguyên đúng màu gỗ hay sử dụng

nền đất nện. Vật liệu dân gian thường dùng là sơn ta và sơn son thếp vàng (phổ biến trong các công trình tôn giáo tín ngưỡng), đáp ứng yêu cầu về màu sắc trang trí hơn là bảo vệ gỗ. Tuy nhiên, sơn ta cũng có tác dụng chống ẩm và bảo vệ gỗ rất tốt. Vôi, sử dụng chủ yếu là nguyên màu, màu pha không sắc sặc sỡ, chủ yếu là màu trắng và màu vàng, có độ bền màu tốt. Màu trắng của vôi tôi pha cùng các phụ gia khác được lấy từ cây cối, hoa lá.



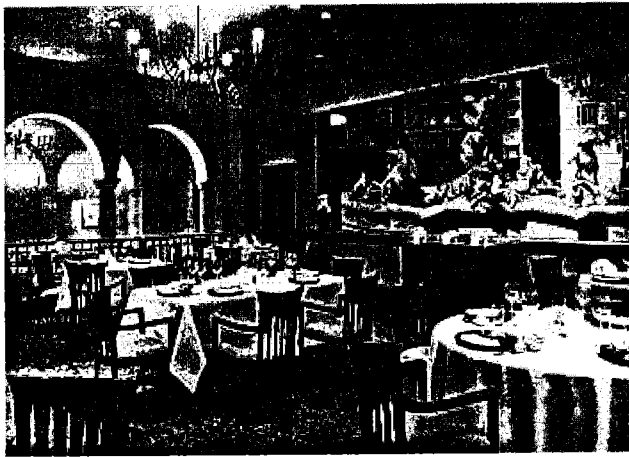
Hình 3.73: Các loại vật liệu truyền thống nhà nền đất nện, tường đất, tường đá ong và tường gạch trát vữa pha cát và vôi
(Nguồn: tác giả)

Người xưa có nhiều sáng tạo trong việc vận dụng các nguyên liệu sẵn có sự hoàn thiện vật liệu khi sử dụng với trình độ kỹ thuật cao, khắc phục và tìm cách thích ứng với những hạn chế, tìm ra những vật liệu sẵn có, phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới.

Cùng với vật liệu truyền thống là quá trình giao lưu, tiếp nhận những sáng tạo của các nước mà từ lâu văn hóa Việt Nam đã có ảnh hưởng khá sâu sắc. Có thể thấy những dấu ấn này trên vật liệu xây dựng từ cổ truyền cho đến hiện đại. Dấu ấn của văn hóa Trung Hoa khá sâu đậm trên các hiện vật gốm, gạch, đá... khá phổ biến trong trang trí kiến trúc. Từ một số cấu kiện, kết cấu, bộ cục, hình khối đến kỹ thuật chế tác, kỹ thuật lắp dựng cũng được

người Việt học hỏi nhưng đã cải biến và Việt hóa mang sắc thái riêng. Các mô típ và biểu tượng trang trí được thể hiện dưới dạng đất nung hay những trang trí trên kết cấu công trình ít nhiều mang dấu ấn Chăm, Ấn Độ. Nhìn chung, các vật liệu cũng như kiến trúc thời Lý - Trần chịu ảnh hưởng của hai luồng văn hóa này khá sâu đậm.

Tiếp xúc với văn minh phương Tây, kiến trúc Việt Nam có sự chuyển mình sâu sắc, để lại dấu ấn sâu đậm trong phong cách kiến trúc Đông Dương. Ngoài việc tận dụng những vật liệu sẵn có, đã người người Pháp đã có công hoàn thiện thêm những chất liệu đó. Sự kết hợp các vật liệu truyền thống thô sơ với vật liệu tân tiến xuất hiện nhiều ở những công trình cổ, cũng như ở những loại hình kiến trúc mới.



Hình 3.74: Vật liệu trong không gian nội thất và đồ đạc phong cách Đông Dương

Rõ nét nhất là sự vận dụng khá hiệu quả giữa vật liệu xây mới và vật liệu truyền thống, làm bộ mặt kiến trúc có hình thức phong phú, đáp ứng kịp thời sự phát triển của xã hội hiện đại mà vẫn phù hợp với điều kiện môi trường.

3.6. Yếu tố thiên nhiên, cây xanh, mặt nước

Việt Nam sông ngòi dày đặc, từ xưa hình ảnh cây đa, bến nước, sân đình luôn gắn bó với cuộc sống và ở trong ký ức mỗi con người. Trong tổ chức không gian cảnh quan sân vườn, mặt nước có vai trò rất quan trọng. Nước ta thuộc khí hậu nhiệt đới nóng ẩm nên không gian nội thất cần được thoáng mát thích ứng trong mùa đông và tiện lợi mùa hè, việc dùng và xử lý vật liệu phải phù hợp với khí hậu nhiệt đới khá khắc nghiệt ở các vùng miền.

Trong quá trình tạo dựng không gian cư trú truyền thống, người Việt từ lâu đã biết khai thác các yếu tố thiên nhiên sẵn có (chưa có tác động của con người) nhằm mang lại những giá trị vật chất và tinh thần cho cuộc sống. Sống của mình, ta có thể nhận thấy qua thái độ ứng xử với một số thành tố của thiên nhiên:

- Cây xanh, thảm thực vật là một bộ phận quan trọng của kiến trúc nhiệt đới vì ảnh hưởng to lớn của chúng với vi khí hậu trong nhà và hình thức thẩm mỹ của kiến trúc. Cây xanh được bố trí xung quanh không gian cư trú như trong nhà, sân trong, ô cửa, mái hiên ra đến sân vườn, tường rào...

Cây xanh mọc và phát triển một cách tự nhiên trong môi trường không chịu bất cứ sự tác động nào của con người trong rừng cây hay bất cứ vùng đất nào. Sau đó con người khai phá vùng đất, xây dựng công trình và lưu giữ và nuôi dưỡng chúng lại trong những không gian này. Những dạng cây như vậy có trước công trình kiến trúc từ lâu đời nên có giá trị lịch sử rất quý giá bởi nó góp phần hình thành cảnh quan - một phần của di sản kiến trúc và văn hóa.

Ngày xưa, cha ông ta khi trồng cây quanh nhà hay tạo thành vườn, tùy theo đặc điểm phong thổ từng vùng mà có các loại vườn khác nhau: vườn tổng hợp (Bắc), vườn tạp (miền trung), vườn thâm canh (Nam Bộ) làm hoa viên bên cạnh chức năng tạo bóng mát, cải tạo khí hậu, trang trí... còn kèm theo việc khai thác lợi ích kinh tế. Cây trồng trong vườn bao gồm nhiều loại có giá trị cho cuộc sống thường ngày của người Việt:

- Loại cây tạo nguồn thực phẩm, rau màu: rau xanh, bầu bí, khoai sắn...
cây ăn quả: Mít, chuối, cam, bưởi, ổi... cây gia vị: hành, rau thơm, chanh, ớt, lá lốt, xả...
cây phục vụ nghi lễ: Trầu cau, các loại hoa sen, cúc, huệ, nhài...
cây làm thuốc: Đinh lăng, xả, long tu, lô hội, nhọ nồi, chó đẻ...
Rất nhiều loại cây trong vườn nhà được con người khai thác một cách triệt để và hợp lý cho mọi nhu cầu của mình.

Bố cục cây xanh trong vườn nhà của người Việt tương đối tự do, linh động theo hoàn cảnh mỗi nhà và dùng cây cối như một yếu tố hỗ trợ phong thủy cho nơi cư trú. Bởi cũng như các thành phần khác trong không gian cư trú, cây xanh chịu tác động của môi trường và thích ứng với môi trường thông qua biểu hiện hình thể cao - thấp, to - nhỏ, cứng - mềm... là các đặc tính của những mặt đối lập trong âm dương và ngũ hành sinh khắc.

Chọn lựa cây xanh trồng trong nhà ở nếu hài hòa âm dương, ngũ hành thì không những đem lại thẩm mỹ cao mà còn thúc đẩy sinh khí hưng vượng cho nơi cư ngụ. Trong khuôn viên nhà ở, việc đưa cây xanh vào nội thất rất quan trọng để hình thành nên các cảnh quan thiên nhiên thu nhỏ, cải thiện môi trường ở và điều chỉnh luồng khí, chống lại các tác động xấu từ bên ngoài.

Kinh nghiệm lưu truyền trong dân gian như “chuối sau, cau trước” cho thấy cái lý của người xưa khi ứng xử với khí hậu thời tiết:

- Trồng cây lá rậm, lá to như cây chuối ở mặt nhà phía Bắc để ngăn gió lạnh vào mùa đông, cản bức xạ mặt trời vào mùa hè (lúc này mặt trời ở hướng Bắc).



a) Chuối sau...



b) Cau trước

Hình 3.75

(Nguồn: tác giả)

- Trồng cây có thân cao như cây cau ở phía Nam của nhà để không ngăn cản gió mát mùa hè cũng như không che ánh nắng chiếu vào nhà về mùa đông (mùa đông, mặt trời ở hướng Nam).

Người xưa đã biết sử dụng tán cây để che ánh nắng mặt trời, trồng những giàn cây leo quanh nhà như mướp, bầu bí... tạo thành các tấm che nắng tự nhiên để tránh tia nắng nóng cho người và gia súc, chống chói do phản xạ từ các bức tường quét màu sáng quanh nhà, vừa lấy rau quả làm thức ăn. Dưới tác động của nhiệt năng, lá cây không nóng lên mà lại mát do bốc hơi, tạo độ ẩm làm dịu bầu không khí xung quanh.

Cây xanh không chỉ cho bóng mát mà còn tạo vẻ đẹp tươi mát cho khuôn viên và tổng thể ngôi nhà. Cây xanh được trồng đúng vị trí cần thiết còn chắn được luồng gió lùa, chắn bụi, tiếng ồn, che bớt tầm nhìn... cho ngôi nhà.

Ngăn cách khuôn viên mỗi nhà bởi các mảng tường rào dậu bằng cây xanh tuy “ngăn mà không cách” tạo sự riêng tư mà vẫn gìn giữ tình cảm chòm xóm, láng giềng.

Ở những góc nhìn khác nhau có thể thấy cây cối che khuất phần nào kiến trúc, ngôi nhà ẩn hiện dưới tàn cây, giảm sự khô cứng của đường nét, vật liệu, hài hòa với cảnh quan xung quanh.



Hình 3.76: Nhà rường Huế hòa quyện với thiên nhiên
(Nguồn: tác giả)

Nhìn tổng thể của khuôn viên nhà ở truyền thống từ ngoài vào trong, có thể thấy sự hiện diện, chi phối của các yếu tố thiên nhiên vào toàn bộ các thành tố của không gian cư trú và giá trị của chúng như sau:

*** Tường rào**

Liên kết bởi các mảng cây xanh như duối, chè tàu, tre trúc,... hoặc kết hợp một phần tường đất, gạch xây và dàn dây leo. Bảo đảm sự kín đáo, ngăn cách tương đối giữa các khuôn viên nhà mà vẫn giữ được sự thông thoáng, giao lưu láng giềng.



a) Hàng rào cây Chè tàu



b) Hàng rào tre sau khuôn viên

Hình 3.77

(Nguồn: tác giả)

* Sân vườn

Vườn rau, hoa cảnh trước sau và hai bên hông nhà cung cấp rau, hoa quả, thuốc, gia vị cho gia đình, góp phần tăng gia làm kinh tế phụ.

Cây ăn quả: cung cấp hoa quả theo mùa, tạo bóng mát, cảnh quan.

Cây lâu năm: là nguồn gỗ xây dựng nhà, tạo bóng mát, cảnh quan.

Thiên nhiên mỗi vùng miền do điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, cách lựa chọn ứng xử nên có những sắc thái đặc trưng riêng; vườn Bắc Bộ là loại vườn tổng hợp, vườn Trung Bộ là vườn rừng tự nhiên và vườn Nam Bộ là loại vườn chuyên canh.

* Vật liệu làm nhà ở

Kết cấu kiến trúc: khung nhà làm bằng gỗ.

Tường vách, cửa nhà: làm bằng vật liệu tre nứa, vách đất với rôm rã hay tường xây bằng gạch. Hệ thống cửa bằng gỗ, vách liếp bằng tre nứa.

Mái nhà bằng lá cọ, rom rạ hay ngói nung từ đất.

Sàn nhà, sân bằng đất nện hay gạch nung.

Đồ đạc gia dụng: các loại bàn ghế, tủ giường và các đồ gia dụng khác phần lớn làm bằng gỗ, mây tre trúc.

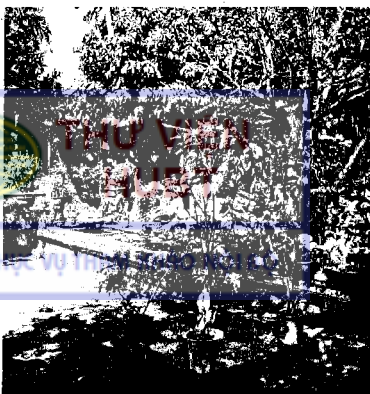
Như vậy, toàn bộ các thành phần cơ bản trong khuôn viên và nhà ở truyền thống của người Việt được bao phủ bởi các thành tố thiên nhiên là cây xanh, mặt nước, đất đá... cho thấy giá trị của thiên nhiên đối với không gian cư trú cũng như cách mà con người khéo léo vận dụng thiên nhiên vào phục vụ cuộc sống của con người. Người Việt xưa vận dụng ứng xử với thiên nhiên theo cách hài hòa và nương nhờ, bằng các giải pháp giảm thiểu những mặt hạn chế, bắt lợi đồng thời tận dụng khai thác triệt để những nguồn lợi to lớn do thiên nhiên ban tặng.

3.7. Phong thủy

Phong thủy là thuật mà con người ứng phó với môi trường trong quá trình “xây cơ lập nghiệp”. Từ xưa đến nay, phong thủy có ảnh hưởng nhất định đến việc tạo lập không gian cư trú truyền thống của người Việt. Bắt nguồn từ nhu cầu tâm linh, cầu mong cuộc sống bình yên trong quá trình định cư và kinh nghiệm từ quá trình lao động. Phần khác chịu ảnh hưởng của văn hóa và phong thủy Trung Quốc, ông cha ta đã đúc kết nhiều kinh nghiệm quý trong quá trình từ chọn đất chọn hướng đến xây dựng nhà ở.

Chọn hướng nhà: dân gian có câu tục ngữ “Lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng nam”. Vốn gần biển, trong khu vực gió mùa nên trong bốn hướng chỉ có hướng Nam là tránh được nắng chiều hướng Tây (nắng xiên khoai), gió lạnh từ phương Bắc (gió mùa Đông Bắc), bão từ phía Đông và hứng được gió nồm thổi đến từ phía Nam vào mùa nóng. Hướng nam là dương tính, gần với hạnh phúc. Sau hướng nhà tốt, công trình kiến trúc cổ thường ở vào địa thế hợp phong thủy (gió và nước) là hai yếu tố quan trọng cho kiến trúc nhà ở vùng khí hậu nóng. Phong - gió (thuộc dương - tính “động”) không nên mạnh quá, khi cần dùng bình phong che chắn trước mặt. Thủy - nước (thuộc âm) chảy quanh co, ngoằn ngoèo sẽ tụ lộc, tụ phúc.

Chọn địa điểm, vị trí: Quan niệm của người phương Đông Âm - Dương là hai lực chủ yếu chi phối vũ trụ, là đối cực chủ yếu tạo ra mọi mặt của đời sống vật chất và tinh thần. Âm - dương liên kết con người với môi trường (nơi ở, sinh sống làm việc) con sông, dòng suối... chảy trong lòng đất thành mạch nên khi xây dựng người ta tránh làm tổn hại đến long mạch và theo nguyên tắc: tiền sơn án (núi che phía trước) - hậu chẩm (núi gối phía sau), tả Thanh Long (khí lạnh) xây nhà gần mình con Long là tốt, hữu Bạch Hổ (khí độc) hai núi uốn như rồng như hổ hai bên, trước mặt phải có nước tụ. Long mạch có thể lớn hay nhỏ, nhiều khi tính theo cả một vùng, có thể thiên tạo hoặc kết hợp với nhân tạo từ những ao, hồ, mặt nước, non bộ, giả sơn... Hầu hết các công trình cổ đều nằm ở cạnh các sông ngòi, ao hồ và có các cây cổ thụ, gò, đồi hay các rừng cây nhân tạo bao quanh.

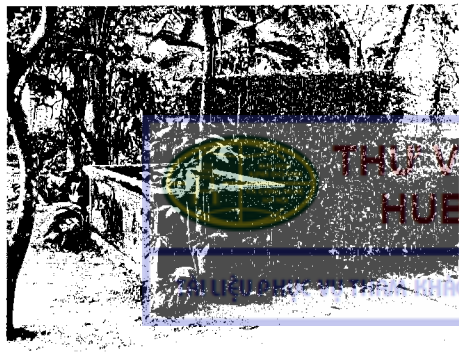


Hình 3.78: Bể cạn có non bộ - một trong 2 phiến đá tượng trưng “tả Thanh long, hữu Bạch hổ” để trấn thủy hồng nhà phủ thờ công chúa Ngọc Sơn - Huế
(Nguồn: tác giả)

Ngôi nhà nằm trong không gian nhất định, chịu sự ảnh hưởng, chi phối của thiên nhiên từ nhiều yếu tố: đất đai, khí hậu, nắng mưa, gió, nước, khí quyển, sinh vật... Con người sinh sống phần lớn thời gian một ngày trong ngôi nhà, do vậy nơi ở chi phối nhiều đến đời sống con người. Việc bố trí, tổ chức không gian cư trú sao cho con người có môi trường sống hòa hợp với thiên nhiên, thích ứng với điều kiện khí hậu, giảm thiểu những tác động bất lợi từ môi trường bên ngoài, phân nào cái tạo môi trường sẽ giúp cho con người tăng cường sinh lực để sống tốt hơn.

Việc xây dựng nhà còn thêm một số yếu tố khác như chọn hướng bếp, hướng cửa chính, xem tuổi chủ nhân, xem ngày... thuận tiện cho đời sống lao động và sản xuất. Người ta quan niệm không để một dòng nước, góc ao hay một con đường hướng vào mặt trước ngôi nhà. Nhà phải ở nơi cao ráo thoáng mát, tránh ẩm ướt và đề phòng thú dữ.

Về phương diện phong thủy, chiếc bình phong trong văn hóa và triết lý phương đông mang nhiều ý nghĩa, chức năng: chắn gió, chắn khí độc, ngăn chặn thế lực tà ma và hỗ trợ điều chỉnh, khắc chế phong thủy... cũng được gắn bó hết sức mật thiết với nhà vườn Huế, thể hiện trình độ thẩm mỹ, vị thế, gia cảnh của chủ nhân, tôn tạo giá trị nhiều mặt cho kiến trúc và khuôn viên không gian cư trú của người Huế.



*Hình 3.79: Một số Bình phong kết hợp bể nước trong nhà cổ làng Nguyệt Biều, Kim Long - Thừa Thiên Huế
(Nguồn: tác giả)*

Các đối tượng mà phong thủy hướng đến là những thành tố thiên nhiên như địa hình, đồi núi, cây xanh, mặt nước, sông suối, dòng khí... cho thấy phong thủy cố gắng tìm kiếm giải pháp để hóa giải những bất lợi, tận dụng

những thuận lợi từ các thành tố thiên nhiên và môi trường, hòa hợp, thích ứng với môi trường xung quanh nhằm đem lại cuộc sống bình yên, hạnh phúc ấm no cho con người trong không gian cư trú.

Phong thủy cũng là một nét trong phong tục, tập quán, trong kiến trúc dân gian, phong thủy để lại các dấu ấn trên khắp các công trình kiến trúc đình chùa, miếu mạo, kinh thành, lăng tẩm, dinh thự, nhà ở... dựa trên những kinh nghiệm trong việc sống hài hòa với thiên nhiên và môi trường tự nhiên. Vấn đề là vận dụng phong thủy với tinh thần khoa học để chắt lọc những giá trị đích thực mang lại tốt lành cho cuộc sống, loại bỏ những yếu tố mê tín, không phù hợp với thời đại.

Trên đây là một vài nét đặc trưng về phong thủy của kiến trúc truyền thống của người Việt, vận dụng phong thủy để cải thiện môi trường sống, xử lý mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên theo nguyên tắc “thuận theo tự nhiên” để sống hài hòa với môi trường xung quanh.

Tham khảo thêm các tài liệu:

1. Lương Trọng Nhân (2006). Cổ học phương Đông trong nghệ thuật kiến trúc, NXB Lao Động.
2. Âu Dương Vũ Phong (2006). Phong thủy kiến trúc, NXB Đà Nẵng, phần I, II (tr. 7 - 98) Người dịch Nguyễn Thị Hà.

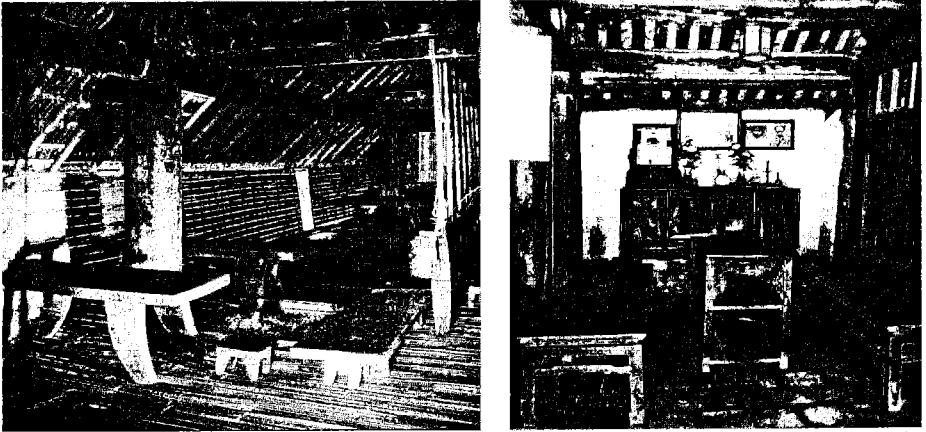
3.8. Bản sắc văn hóa địa phương

Đặc điểm địa lý trải dài dọc biển hình thành địa hình, thổ nhưỡng khác biệt giữa các vùng miền trong cả nước, với hơn 54 dân tộc anh em tạo thành một nền văn hóa truyền thống phong phú đa dạng. Ở mỗi địa phương đều có những đặc điểm về khí hậu, thổ nhưỡng, cảnh quan, con người, truyền thống văn hóa, tập quán, thói quen sinh hoạt... khác nhau, như vậy dựa vào đó khai thác ý tưởng, hình thức trang trí từ văn hóa, bản sắc địa phương để thiết kế nên những công trình sao cho phù hợp với con người, cảnh quan thiên nhiên Việt Nam, đồng thời góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị, đặc tính địa phương, làm phong phú thêm các hình thức bản sắc dân tộc Việt Nam.

Tính địa phương thể hiện qua cách sử dụng vật liệu; tận dụng các chất liệu trang trí hoàn thiện bề mặt của công trình sẵn có từ địa phương. Kết hợp với kỹ thuật và tay nghề các nghệ nhân, thợ từ địa phương bởi họ rất am

tường cách khai thác sử dụng vật liệu vào kết cấu, kiến trúc truyền thống của mỗi vùng miền.

Khai thác các hình thức nghệ thuật, mô tip trang trí, họa tiết vốn cổ và các hình thức nghệ thuật khác từ địa phương, đây có thể xem là phần hồn, chất cảm thể hiện dấu ấn, đặc trưng mang tính địa phương nhiều nhất.



*Hình 3.80: Nhà dài kết cấu gỗ Tây nguyên và nhà ở truyền thống Bắc bộ
(Nguồn: tác giả)*

Kiến trúc dân gian luôn cần có sự kế thừa một cách liên tục, các kiến trúc sư, nhà thiết kế có năng lực cần phải phá vỡ một phần truyền thống đó, tạo ra hình thức và những giải pháp mới đó là cách giữ gìn giá trị truyền thống, như một bộ phận hữu cơ của nền kiến trúc, nội thất mới, tạo nên những giá trị mới của truyền thống góp phần giữ được cốt cách, đặc trưng của địa phương và bản sắc dân tộc. Cần phải tiếp tục kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc một cách có chọn lọc và sáng tạo, với 3 cấp độ: phỏng tạo (sao chép, mô phỏng) → kế thừa, vận dụng → sáng tạo giá trị mới.

3.9. Chất cảm

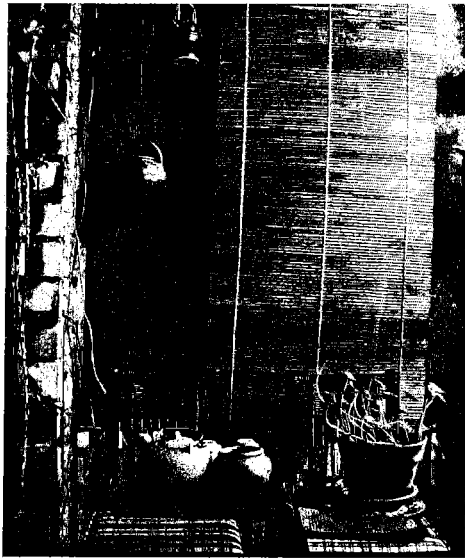
Chất cảm biểu hiện trong thiết kế thông qua hình thức thể hiện không gian của người thiết kế, chất cảm của vật liệu và một phần ở quá trình hoàn thiện của con người khi sử dụng không gian ấy.

3.9.1. Khai thác chất cảm trong thiết kế

Con người Việt Nam, chịu ảnh hưởng của văn hóa Phương Đông, xem trọng tình cảm, sống thiên về cảm tính hơn lý trí, giàu tình cảm, tôn kính và

thờ phụng ông bà tổ tiên, tín ngưỡng... quá khứ qua đi thường để lại những dấu ấn, ký ức trong mỗi con người, việc gọi lại những ký ức về quê hương, không gian, thời gian... thân quen thường là những tâm tư, ước vọng đeo đuổi con người trong hành trình cuộc sống. Chất cảm trong TKTTNT được hình thành từ nếp sống, tập quán, thói quen, phù hợp với tâm lý người sử dụng không gian nội thất ấy.

Đó là những biểu hiện đặc trưng, những giá trị tinh thần của người Việt Nam mà TKTTNT cần khai thác để tạo nên chất cảm cho nội thất công trình. Mỗi người quá trình sử dụng, tùy trình độ hiểu biết và gu thẩm mỹ, họ lại có cách thức thể hiện cảm xúc - tạo thêm chất cảm cho không gian.



Hình 3.81: Những vật trang trí mộc mạc đầy chất cảm

(Nguồn: T/c nhà đẹp)

Có những điều tưởng là thông thường trong cuộc sống, trong thiên nhiên, con người... nếu chịu khó lắng nghe, cảm nhận và chia sẻ thì có thể nảy ra nhiều ý tưởng cho thiết kế.

Những yếu tố không thể diễn tả bằng hình thức cụ thể như âm thanh (nước chảy, mưa rơi, tiếng động của thiên nhiên, âm thanh cuộc sống...), hương vị (mùi vị “hương đồng gió nội”, hương thơm...), có thể gợi nên những chất cảm hiện hữu đâu đó, trong không gian sống của con người. Nội thất các công trình nhà ở thường dễ tạo nên chất cảm này theo yêu cầu của

gia chủ. Ở các công trình dịch vụ công cộng đối tượng đông hơn, cần dựa vào nhóm đối tượng, phong cách thể hiện để tạo nên chất cảm và dấu ấn cho mỗi công trình.

Vật liệu không chỉ làm chức năng vỏ bao che bề mặt công trình, trang trí tạo tính thẩm mỹ, nâng cao giá trị, đáp ứng nhu cầu sử dụng và yếu tố tinh thần cho con người. Các vật liệu nguồn gốc từ tự nhiên hay nhân tạo đều có những chất cảm đặc trưng riêng biệt, nếu khéo chọn vật liệu, phối hợp các vật liệu tạo sự hài hòa, khai thác được những đặc trưng của mỗi loại vật liệu:

+ Vật liệu có nguồn gốc từ gỗ, gạch, đất gợi cảm giác ấm áp, gần gũi, mộc mạc, có thể dùng trong phòng khách, ăn, ngủ...

+ Vật liệu từ đá tự nhiên thể hiện sự bền vững, chắc chắn, mạnh mẽ, thô ráp dễ gần gũi với thiên nhiên. Sử dụng lát sàn, mặt ngoài nhà tiếp xúc với cây cối thiên nhiên, chịu mưa nắng.

+ Vật liệu bê tông tạo sự vững chãi, nặng, thô ráp, khi kết hợp với các vật liệu kim loại cho cảm giác hiện đại khỏe khoắn.

+ Vật liệu tổng hợp như thép, hợp kim, kính nhựa, composite... đáp ứng những nhu cầu cao về kỹ thuật, thể hiện chất cảm ở sự tinh xảo, sắc nét, kết cấu tạo sự bất ngờ, thanh thoát.

3.9.2. Khai thác bút pháp riêng của người thiết kế

Khuyến khích hình thức *thể hiện bút pháp riêng* của người thiết kế tạo dấu ấn riêng - hình thành những xu hướng hoặc phong cách cho tương lai trên cơ sở hiện đại và có bản sắc dân tộc.

Mỗi kiến trúc sư, nhà thiết kế nội thất cần thấy nghĩa vụ và trách nhiệm đóng góp cho nền mỹ thuật, kiến trúc nước nhà những công trình có chất lượng thẩm mỹ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, mỗi cá nhân cần có sự am hiểu tường tận về vốn văn hóa truyền thống, kết hợp với tiến bộ khoa học, đi sâu vào thực tế cuộc sống và tâm lý của con người Việt Nam, biết khai thác kế thừa những tinh hoa trong mỹ thuật và kiến trúc truyền thống của ông cha ta để lại, từ đó có cảm hứng, nguồn sáng tạo, thể hiện dấu ấn, nét đặc trưng riêng, dần hình thành cá tính, phong cách nghệ thuật cá nhân.

Phong cách nghệ thuật là những phẩm chất quý hiếm, cá biệt, có sức thu hút và có thể trở thành một trào lưu, khuynh hướng... Các nhà thiết kế nếu

trang bị cho mình kiến thức vững vàng về chuyên môn, văn hóa xã hội, kinh nghiệm làm nghề sẽ có trình độ thẩm mỹ và cảm xúc tốt đi đến hình thành bút pháp, phong cách riêng.

Bản sắc dân tộc trong các lĩnh vực nghệ thuật nói chung thể hiện sinh động nhất qua phong cách nghệ thuật. Không phải kiến trúc sư hay nhà design nào cũng tạo dựng được phong cách riêng từ những công trình, tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao và độc đáo. Người thiết kế phải hội đủ trí tuệ, tài năng và cảm hứng mới tạo được phong cách nghệ thuật, thiết kế nên những không gian sống tiện nghi, hiện đại vừa phù hợp với môi trường sống, cốt cách của người Việt.



Chương 4

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH THAM KHẢO

Ngày nay, trong xu thế hội nhập toàn cầu, việc tiếp cận dễ dàng với những sáng tạo, thành tựu trong lĩnh vực thiết kế, về xu hướng thiết kế, vật liệu hiện đại đã tác động và làm thay đổi cách nhìn cũng như tư duy sáng tạo, tư duy thẩm mỹ. Điều kiện kinh tế ngày càng cao, con người mong muốn nâng cao chất lượng cuộc sống, quan tâm và đầu tư nhiều vào môi trường sống, mong muốn có những không gian sống tiện nghi, thân thiện, bền vững. Việc vận dụng các hình thức và yếu tố của kiến trúc truyền thống trên cơ sở kết hợp với phong cách hiện đại trong thiết kế kiến trúc và nội thất sẽ là xu thế tất yếu trong tương lai, góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc.

Phần này sở tay muốn giới thiệu một số công trình và tác giả đã có sự vận dụng kế thừa có hiệu quả những giá trị mỹ thuật, kiến trúc truyền thống trong thiết kế trang trí nội thất. Hy vọng có thể dùng tham khảo và phần nào gợi mở, hướng đến hình thành phong cách Việt trong TKTTNT tương lai.

4.1. Các tác giả

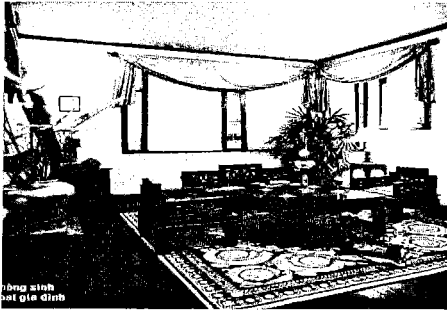
- Họa sĩ thiết kế: Nguyễn Hoài Hương với các hệ thống nhà ở và resort đương đại, khai thác giá trị truyền thống Việt Nam và Á Đông.



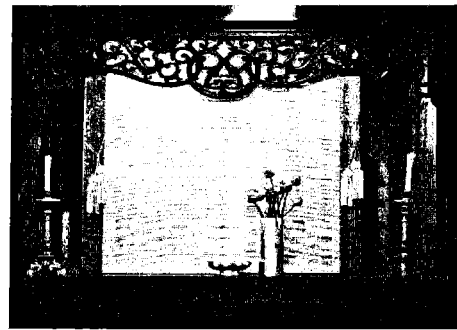
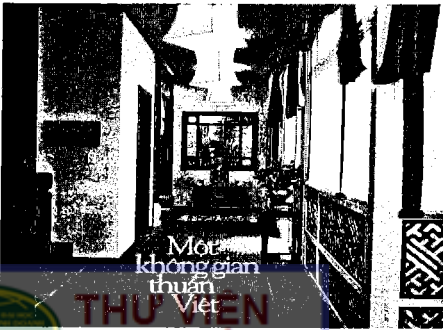
Hình 4.1: Không gian phòng khách và không gian tâm linh trong nhà ở



Hình 4.2: Nội thất không gian phòng khách và phòng ngủ



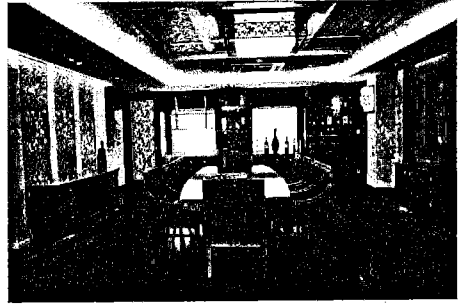
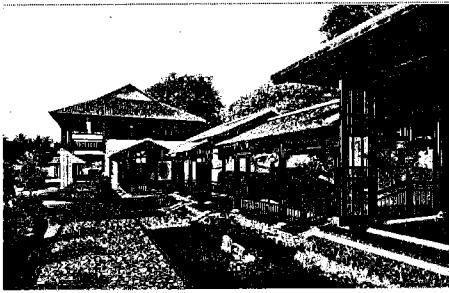
Hình 4.3: Nội thất phòng sinh hoạt gia đình và thư phòng



Hình 4.4: Nhà hàng Nghi Xuân với phong cách hoài cổ về Cố Đô Huế



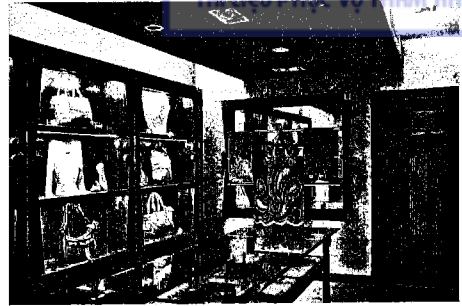
Hình 4.5: Nội thất các phòng ngủ, ngoại thất và công khu resort “Dream House”



*Hình 4.6: Nội thất khai thác hình thức trang trí truyền thống
(Nguồn: C.ty Art House)*



Hình 4.7: Khai thác kết cấu gỗ truyền thống trong TTNT cửa hàng Khaisilk HN



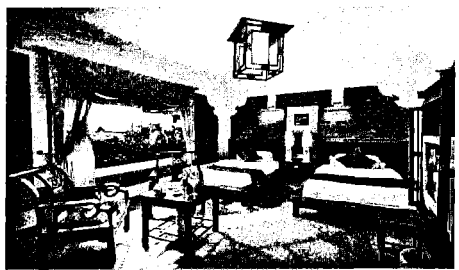
Hình 4.8: Kiểu dáng đồ đặc, tù kệ với mô tip trang trí truyền thống trong cửa hàng



Hình 4.9: Thiết kế 3D phối cảnh p.khách, p.ăn penhouse the Rubyland



Hình 4.10: Nội thất nhà hàng, p.ngủ Paradise Duluxe 1 trên du thuyền Cty Art House



*Hình 4.11: Nội thất sảnh chính và khối ngủ khu khách sạn Tuần Châu vịnh Hạ Long
(Nguồn: Công ty Art House)*



Hình 4.12: Mặt tiền nhà hàng và khu vực quầy



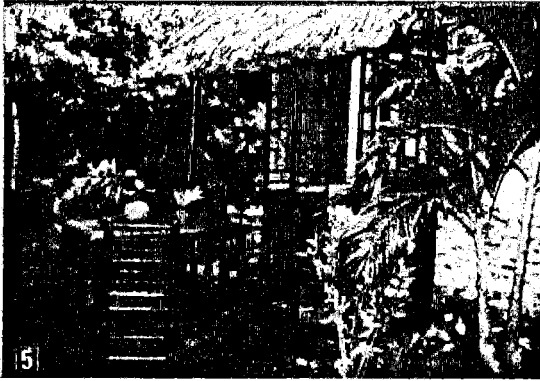
*Hình 4.13: Khu đợi và toàn cảnh nội thất nhà hàng
(Nguồn: t/c Nhà Đẹp)*



Hình 4.14: Nhà hàng Macxim TP. HCM

- Nghệ thuật sắp đặt, bày biện: Là một trong những yếu tố tạo nên vẻ thẩm mỹ và chất cảm cho nội thất, đồng thời thể hiện sở thích, cá tính và trình độ thẩm mỹ của người sử dụng.

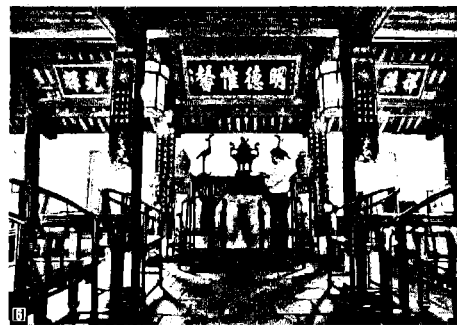
- Nhà nghỉ vườn với phong cách dân dã tại Phú diễn, Từ Liêm.



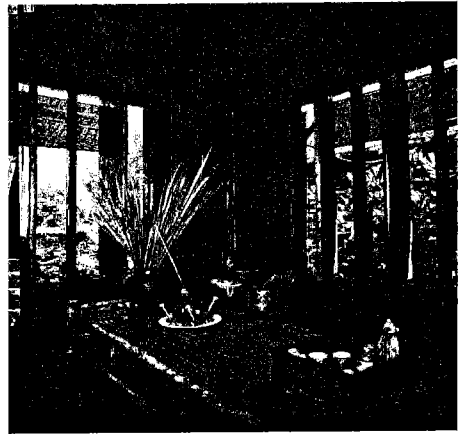
Hình 4.15: Sân vườn, đồ đạc bằng mây tre và nội thất phòng ngủ



Hình 4.16: Chất liệu truyền thống gỗ, mây tre, gốm, tường đất trộn rơm, mái lá
(Nguồn: Internet)



Hình 4.17: Tái dựng nhà truyền thống với hệ thống cột kèo đồ đạc xưa

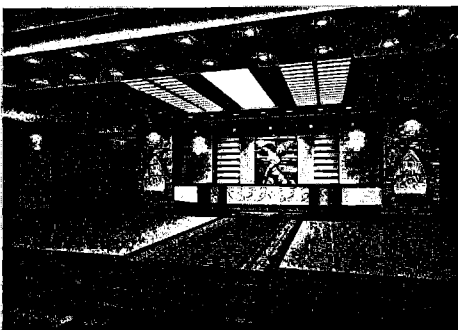


Hình 4.18: Chất cảm của màu sắc, bày biện sắp đặt, vật liệu truyền thống... được khai thác trong trang trí nội thất ngày nay
(Nguồn: T/c Nhà đẹp)

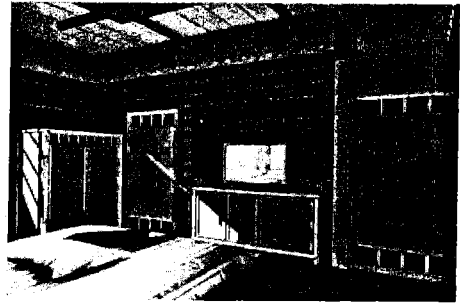
4.2. Đồ án thiết kế của sinh viên chuyên ngành TKNT

Chọn đề tài, ngôn ngữ, phong cách thiết kế hướng đến những giá trị truyền thống cũng là một xu hướng gần đây trong sinh viên. Giúp cho sinh viên những hiểu biết về bản sắc và giá trị truyền thống cũng như tạo biểu hiện mới tạo dấu ấn riêng cho các thiết kế của mình.

Có thể dựa trên cơ sở văn hóa địa phương để khai thác ngôn ngữ các đặc trưng cho thiết kế. Dựa vào yêu cầu công năng, thẩm mỹ của không gian cũng như vật liệu hiện đại để khai thác, chuyển tải giá trị truyền thống vào công trình tạo nên những giá trị thẩm mỹ mới. Để làm tốt việc này sinh viên cần nghiên cứu và hiểu biết sâu sắc về các giá trị đặc trưng của kiến trúc truyền thống Việt Nam.



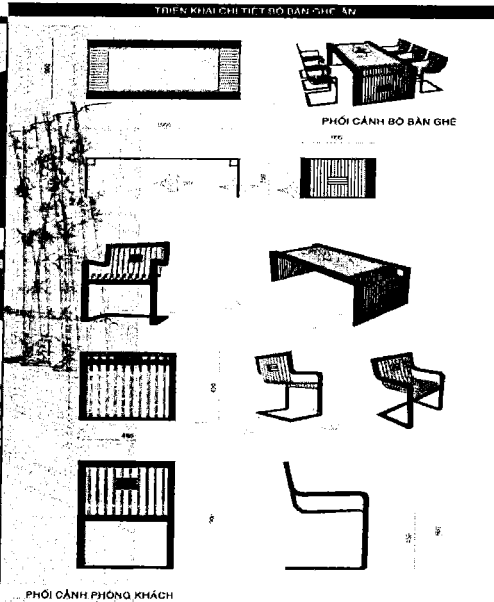
Hình 4.19: Khai thác mô típ văn hoá Chăm - văn hóa Tây nguyên - ĐATN sinh viên



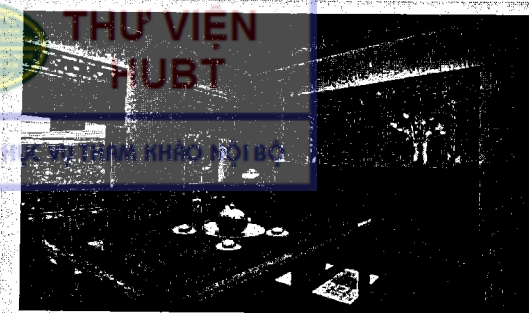
Hình 4.20: NT phòng ngủ, làng nổi Cái Bè- SV Đinh Thị Kim Cương M01ĐH KT



GÓC NHÌN PHÒNG KHÁCH TỪ PHÒNG ĂN



Hình 4.21: NT căn hộ chung cư - Chát mộc SV. Nguyễn Thị Bích Thảo MT00, ĐHKT



Phòng thờ cũng là một không gian truyền thống trong lối sống của người Việt Nam. Tuy nhiên để đạt được sự hài hòa, không gian thờ cúng cần chú ý đến việc lựa chọn màu sắc phù hợp với người Việt Nam. Tuy nhiên để đạt được sự hài hòa, không gian thờ cúng cần chú ý đến việc lựa chọn màu sắc phù hợp với người Việt Nam.



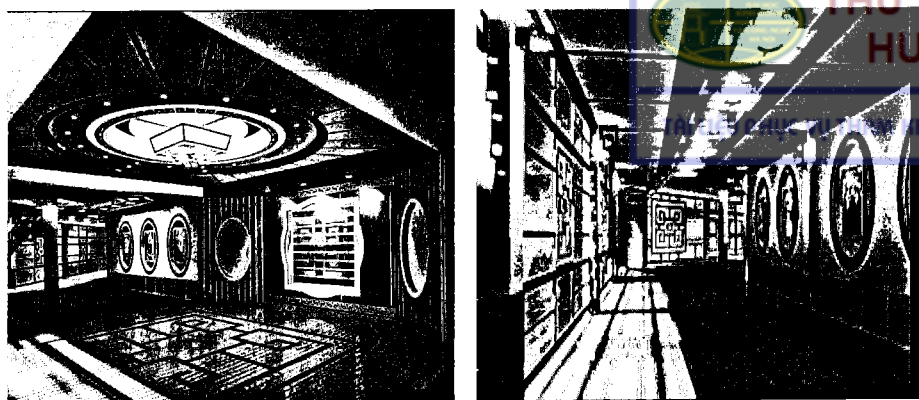
Hình 4.22: Khai thác giá trị truyền thống thiết kế nhà ở



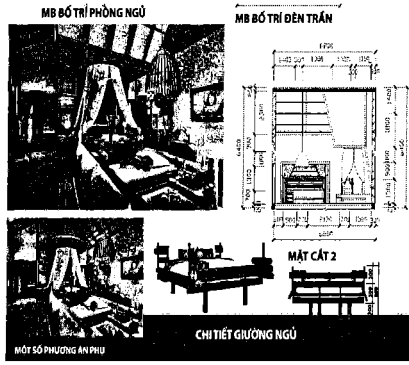
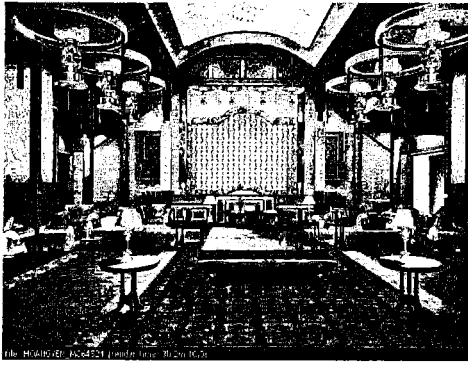
Hình 4.23: Phòng khách và mẫu thiết kế bàn ghế tiếp khách



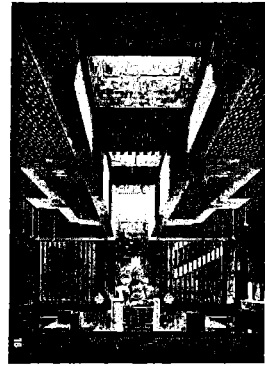
Hình 4.24: Nội thất phòng ngủ cha mẹ



*Hình 4.25: Nội thất sảnh nhà hát tuồng - SV Cái Thị Quỳnh Như, M00, ĐH KT
(Nguồn: Interiordesignhcmc.edu.vn)*



Hình 4.26: Nội thất sảnh và khối ngủ Resort Gầm Ghì, SV. Hoàng Yến MT07, ĐHKT

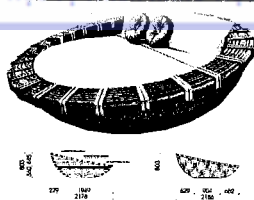
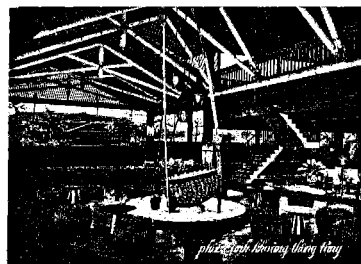


Hình 4.27: Căn hộ, p. trung bày - Khu bảo tồn Gốm Bàu Trúc, SV. Nguyễn Tùng Giang, NT08



STT	ĐƠN VỊ	QUY ĐỊNH	QUY ĐỊNH
1	1	1	1
2	2	2	2
3	3	3	3
4	4	4	4
5	5	5	5
6	6	6	6
7	7	7	7
8	8	8	8
9	9	9	9
10	10	10	10
11	11	11	11
12	12	12	12
13	13	13	13
14	14	14	14
15	15	15	15
16	16	16	16
17	17	17	17
18	18	18	18
19	19	19	19
20	20	20	20
21	21	21	21
22	22	22	22
23	23	23	23
24	24	24	24
25	25	25	25
26	26	26	26
27	27	27	27
28	28	28	28
29	29	29	29
30	30	30	30
31	31	31	31
32	32	32	32
33	33	33	33
34	34	34	34
35	35	35	35
36	36	36	36
37	37	37	37
38	38	38	38
39	39	39	39
40	40	40	40
41	41	41	41
42	42	42	42
43	43	43	43
44	44	44	44
45	45	45	45
46	46	46	46
47	47	47	47
48	48	48	48
49	49	49	49
50	50	50	50

MẶT BẰNG TRẦN TỶ LỆ 1/100

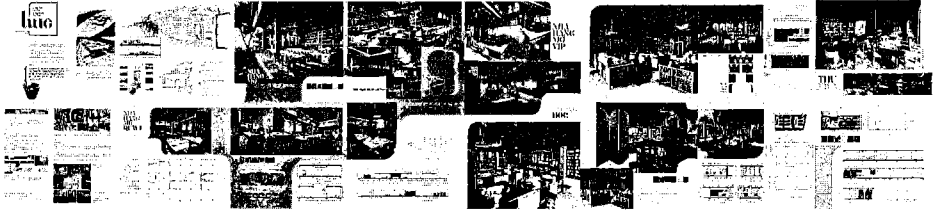
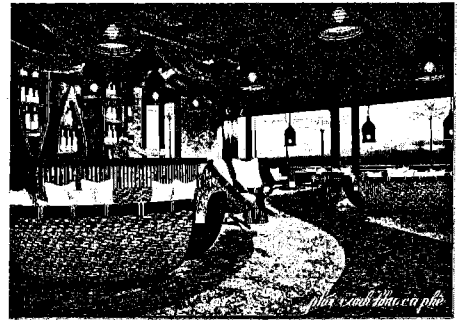


Ý TƯỞNG: Phòng ngủ được thiết kế lấy ý tưởng từ những chiếc chèo hoàng xoá trên biển.

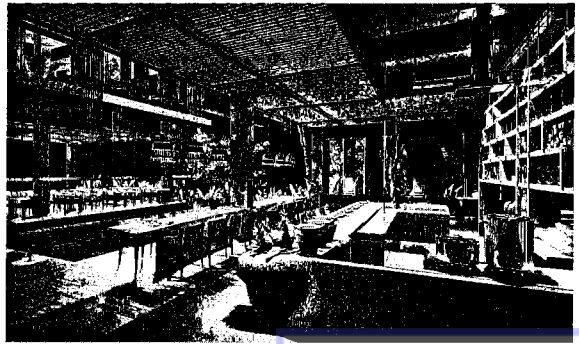
TRIỂN KHAI CHI TIẾT GIƯỜNG NGỦ:



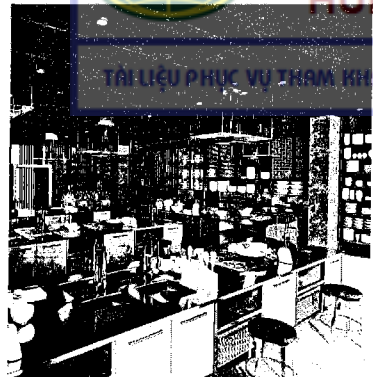
Hình 4.28: P. ngủ, sảnh đón resort Bãi Sao Phú Quốc, Sv. Nguyễn Thị Ánh Linh, NT08



Hình 4.29: TT. Văn hóa và quảng bá ẩm thực Huế, Sv. Nguyễn Thị Thanh Hằng, NT07



Hình 4.30: Các khu ẩm thực trong và ngoài TT - Lớp học chế biến món ăn



Hình 4.31

4.3. Kết luận

Trong chặng đường dài của lịch sử dân tộc, các thế hệ con người tụ cư trên vùng đất Việt Nam đã nối tiếp nhau lao động, sáng tạo và đã đạt được nhiều thành quả trong sự duy trì, phát triển cuộc sống, tạo lập nên nền văn hóa của mình. Kiến trúc truyền thống ba miền Bắc Trung Nam tạo nên những giá trị có tính ổn định hình thành những khuôn mẫu trong kiến trúc nhà ở còn đọng lại qua không gian, thời gian, một số đặc trưng đã trở thành khuôn mẫu, phong tục, tập quán, nghi lễ... được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo nên giá trị truyền thống trong kiến trúc, hình thành những hệ thống chuẩn mực về không gian cư trú, đồng thời góp phần hình thành một phần phẩm chất, nhân cách của người Việt.

Bản sắc văn hóa kiến trúc truyền thống Việt Nam là những giá trị cần được tiếp tục nghiên cứu, bảo tồn. Chúng phải được hiện diện trong đời sống của người dân, được lưu giữ, kế thừa với thái độ trân trọng và tiếp tục được bồi đắp bởi những giá trị mới trong mọi lĩnh vực đặc biệt là tạo dựng không gian cư trú.

Trong giảng dạy ở các trường đào tạo về mỹ thuật, kiến trúc nói riêng và các trường khoa học xã hội - nhân văn, văn hóa nghệ thuật nói chung, cần thiết đưa nội dung văn hóa cư trú truyền thống của người Việt vào các chương trình học. Qua đó góp phần giáo dục ý thức bảo tồn, lưu giữ, trân trọng những giá trị tinh thần quý giá trong di sản kiến trúc truyền thống của dân tộc và làm cho chúng ngày càng thêm sâu sắc hơn, từ đó bảo tồn và phát huy tốt đẹp các giá trị truyền thống ấy trong quá trình nghiên cứu học tập, hành nghề và sáng tạo nghệ thuật.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

[1]. Toan Ánh (2005); *Làng xóm Việt Nam, Bộ sách Nếp cũ*. NXB Trẻ - TP. HCM.

[2]. Lê Quốc Bảo (2005); *Bản sắc dân tộc và phong cách nghệ thuật*.

[3]. Trần Lâm Biền (chủ biên - 2008); *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt vùng châu thổ sông Hồng*. NXB Văn hóa Thông tin - Hà Nội.

[4]. Leopold Cadière (1998); *Mỹ thuật ở Huế, Tập san Những người bạn Cố đô Huế, tập 6, 1919*; Người dịch: Hà Xuân Liêm - Phan Xuân Sanh. NXB Thuận Hóa - Huế.

[5]. Nguyễn Bá Đương - Nguyễn Văn Than (1995); *Nhà ở nông thôn, truyền thống và cải biến*. NXB Xây Dựng.

[6]. Nguyễn Bá Đương (1999); *"Bản sắc kiến trúc Việt Nam"*. T/c Kiến Trúc, 2/99, (tr.37-39).

[7]. Bộ Xây Dựng chủ nhiệm đề tài Nghiên Cứu Khoa Học Cấp Nhà Nước (2004); *Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam theo quan điểm giữ gìn bản sắc dân tộc*. Viện nghiên cứu Kiến trúc, (tr.12-88).

[8]. Pierre Gourou (1936); *Esquisse d'une étude de l'habitation Annamite (phác thảo nghiên cứu nhà Việt Nam ở Bắc và Trung Trung kỳ từ Thanh Hóa đến Bình Định)*; bản dịch của Đào Hùng.

[9]. Trần Thị Quế Hà (2002); *"Nguồn gốc và quá trình phát triển của nhà ở dân gian truyền thống dân tộc Việt"*. Đại học Singapore.

[10]. Huỳnh Đình Kết (2002); *Nhà rội, nhà rường, nhà vườn xứ Huế*, (Khảo cứu chưa công bố, bản in vi tính).

[11]. Hoàng Đạo Kính (2012); *Văn hóa Kiến trúc*. NXB Tri thức.

[12]. Nguyễn Khởi (1991); *Kiến trúc Việt Nam và các dòng tiêu biểu*. Đại học Kiến trúc TP.HCM.

[13]. Lê Duy Lan (2007); *Bản sắc văn hóa người Việt*. NXB Công An nhân dân.

[14]. Vũ Tam Lang (2010); *Kiến trúc cổ Việt Nam (tái bản)*. NXB Xây dựng - Hà Nội.

[15]. Nguyễn Cao Luyện (1977); *Từ những mái nhà tranh cổ truyền*. NXB Văn Hóa - Hà Nội.

[16]. Sơn Nam (2004); *Đồng bằng sông Cửu Long - nét sinh hoạt xưa*. NXB Trẻ - Tp. HCM.

[17]. Lương Trọng Nhân (2006); *Cổ học phương Đông trong nghệ thuật kiến trúc*. NXB Lao động.

[18]. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng (1989); *Mỹ thuật của người Việt*. NXB Mỹ thuật - Hà Nội.

[19]. Lê Bá Thảo (1997); *Thiên nhiên Việt Nam*. NXB Giáo Dục, 2009, Hà Nội.

[20]. Nguyễn Hữu Thông (2008); *Nhà vườn xứ Huế*. NXB Văn Nghệ, TP HCM.

[21]. Phan Cẩm Thượng (2011); *Văn minh vật chất của người Việt*. NXB Tri thức - Hà Nội.

[22]. Trần Ngọc Thêm (1997); *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB TP. HCM.

[23]. Nguyễn Đức Thiềm (2000); *Tuyển tập: Góp phần tìm hiểu bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam*. NXB Xây Dựng.

[24]. Võ Thị Thu Thủy (2009); *Nghiên cứu phong cách Việt Nam trong thiết kế nội thất, đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ*. Bộ Xây Dựng.

[25]. Chu Quang Trứ (1999); *Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam*. Mỹ Thuật.

[26]. Nguyễn Đình Toàn (2002); *Kiến Trúc Việt Nam qua các thời đại*. NXB Xây dựng.

[27]. Nguyễn Khắc Tụng (1995); *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam*. NXB Xây Dựng (tập 1,2).

[28]. Phạm văn Trình (1991); *Nhà ở tại các vùng khí hậu Việt Nam*. NXB KHKT.

[29]. ĐH Kiến Trúc Hà Nội - T.T Nghiên Cứu Kiến Trúc; “Bàn về vấn đề dân tộc và hiện đại trong kiến trúc Việt Nam”. NXB Xây Dựng, 1999.

[30]. Phan Thị Yên Tuyết (1993); *Nhà ở, trang phục, ăn uống của các dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long*. NXB Khoa học Xã hội - Hà Nội.

[31]. Cục Di Sản Văn Hóa (2004); *Tài liệu từ công trình nghiên cứu điều tra, khảo sát kiến trúc truyền thống*. Bộ VHTT VN và ĐH Nữ Chiêu Hòa Nhật Bản (Showa Woman's University - Japan).

[32]. Nguyễn Thị Thúy Vi (chủ biên - 2010); *Thuật ngữ kiến trúc truyền thống - nhà rường Huế*. NXB Thuận Hóa.

TIẾNG NƯỚC NGOÀI

[1]. A.Chapuis (1937); *"La maison Annamite au point de vue religieux"*. B.A.V.H, N°1.

[2]. Henri Oger (2009); *Technique du peuple Annamite*. NXB Thế giới - Hà Nội.

[3]. Shinei Sheiji Jing Dian Ji (1960); *Thiết kế không gian nội thất Trung Quốc*.

[4]. Robert E.Fisher (2006); *Mỹ thuật và kiến trúc Phật giáo*. NXB Mỹ Thuật (Tr. 212-217).

[5]. Âu Dương Vũ Phong (2006); *Phong Thủy kiến trúc nhà ở hiện đại*. NXB Đà Nẵng (Tr. 212-217), Nguyễn Thu Hiền biên dịch.



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MỤC LỤC

Chương 1: Giới thiệu sổ tay

1.1. Mục đích	7
1.2. Đối tượng tra cứu	7
1.3. Khái niệm, định nghĩa và thuật ngữ	7
1.4. Đối tượng của thiết kế trang trí nội thất gồm	8
1.5. Khái niệm phong cách Việt	9
1.6. Giới hạn	10

Chương 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế nội thất

2.1. Điều kiện tự nhiên, khí hậu	12
2.2. Yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng	14
2.3. Yếu tố nhân trắc, kích thước	17
2.4. Kiến trúc truyền thống Việt, ảnh hưởng, giao lưu với các nước trong khu vực	17

Chương 3: Tham khảo các yếu tố đặc trưng, hình thức tổ chức không gian nội thất trong nhà ở truyền thống của người Việt

3.1. Không gian kiến trúc	21
3.2. Đồ đạc nội thất	49
3.3. Nghệ thuật trang trí, sắp đặt	54
3.4. Màu sắc, ánh sáng	59
3.5. Vật liệu	60
3.6. Yếu tố thiên nhiên, cây xanh, mặt nước	66

3.7. Phong thủy	70
3.8. Bản sắc văn hóa địa phương	73
3.9. Chất cảm	74

Chương 4: Một số công trình tham khảo

4.1. Các tác giả	78
4.2. Đồ án thiết kế của sinh viên chuyên ngành TKNT	84
4.3. Kết luận	89



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

SỔ TAY THAM KHẢO PHONG CÁCH VIỆT TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRỊNH XUÂN SƠN

Biên tập:

Chế bản điện tử:

Sửa bản in:

Trình bày bìa:

HOÀNG NGỌC MINH

NGUYỄN NGỌC DŨNG

HOÀNG NGỌC MINH

NGUYỄN NGỌC DŨNG





THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

In 300 cuốn khổ 17×24cm, tại Xưởng in Nhà xuất bản Xây dựng. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 26-2015/CXBIPH/1358-179/XD ngày 05/01/2015. Quyết định xuất bản số 24-2015/QĐ-XBXD ngày 12/01/2015. In xong nộp lưu chiểu tháng 01/2015.